

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHUYÊN ĐỀ 6
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HÒA NHẬP
TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

Nhóm biên soạn: TS. Lê Thị Thúy Hằng, TS. Nguyễn Kim Hoa, TS. Hoàng
Thị Nho, ThS. Vũ Huyền Trinh, ThS. Lê Thanh Vân, ThS. Lý Thị Sương,
ThS. Vũ Thị HuyềnTrang

Hà Nội, 2026

| Mục lục | |
|--|--------------|
| Nội dung | Trang |
| Nội dung 1. Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non | 4 |
| 1.1. Một số khái niệm | 4 |
| 1.2. Khung pháp lý và nguyên tắc tổ chức giáo dục hòa nhập | 18 |
| 1.3. Vai trò các lực lượng và sự phối hợp trong tổ chức giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục mầm non | 26 |
| Nội dung 2. Theo dõi và đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ trong lớp học hòa nhập | 37 |
| 2.1. Mục đích và nguyên tắc của theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ | 37 |
| 2.2. Chu trình theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ | 41 |
| 2.3. Quan sát và theo dõi sự phát triển của trẻ | 45 |
| 2.4. Xác định khả năng, nhu cầu và sở thích của trẻ | 48 |
| 2.5. Lập kế hoạch và thực hiện đáp ứng nhu cầu của trẻ | 52 |
| Nội dung 3. Điều chỉnh và hỗ trợ trẻ trong lớp học mầm non | 57 |
| 3.1. Áp dụng thiết kế phổ quát | 57 |
| 3.2. Sử dụng phương pháp dạy học đặc thù | 65 |
| 3.3. Hỗ trợ hành vi tích cực | 70 |
| 3.4. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân | 72 |
| 3.5. Thực hành tổ chức hoạt động cho trẻ | 74 |
| Câu hỏi cuối chuyên đề | 76 |
| Phụ lục | 78 |

GIỚI THIỆU

Tài liệu “Tổ chức thực hiện giáo dục hòa nhập trong cơ sở giáo dục mầm non” được biên soạn nhằm hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, nhân sự hỗ trợ giáo dục nâng cao năng lực chuyên môn trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ, đặc biệt đối với giáo dục hòa nhập.

Nội dung tài liệu cung cấp một cách hệ thống những vấn đề về khung pháp lý, lý luận và thực tiễn về bản chất, vai trò của tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập trong cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm Quyền trẻ em.

Tài liệu tập trung hướng dẫn sàng lọc, nhận diện sớm các dấu hiệu nguy cơ; xác định khả năng và nhu cầu của trẻ để làm căn cứ tác động giáo dục; Thực hành thiết lập môi trường, điều chỉnh và áp dụng biện pháp giáo dục phù hợp giúp trẻ hòa nhập tối đa trong hoạt động hàng ngày tại cơ sở giáo dục mầm non; Nhân sự hỗ trợ giáo dục hòa nhập trẻ em khuyết tật xác định rõ vai trò chuyên biệt trong hỗ trợ cha mẹ, giáo viên tại nhóm, lớp trong can thiệp kỹ năng đặc thù.

Với nội dung thiết thực và định hướng thực hành rõ ràng, tài liệu là nguồn tham khảo hữu ích giúp giáo viên và cán bộ quản lý vận dụng linh hoạt trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập đối với cơ sở giáo dục mầm non, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ trong giai đoạn hiện nay.

I - MỤC TIÊU

Sau khi học tập chuyên đề, cán bộ quản lý, giáo viên mầm non và nhân sự hỗ trợ giáo dục hòa nhập có khả năng:

Hiểu và vận dụng đúng các quy định pháp lý, khái niệm và nguyên tắc giáo dục hòa nhập cấp mầm non vào quá trình xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục tại cơ sở;

Xác định đúng vai trò của các lực lượng giáo dục hòa nhập và sự phối hợp thực hiện giáo dục hòa nhập của các lực lượng;

Sàng lọc, nhận diện sớm các dấu hiệu nguy cơ; xác định khả năng và nhu cầu của trẻ để làm căn cứ tác động giáo dục;

Thực hành thiết lập môi trường, điều chỉnh và áp dụng biện pháp giáo dục phù hợp giúp trẻ hòa nhập tối đa trong hoạt động hàng ngày tại cơ sở giáo dục mầm non

II - THỜI LƯỢNG: 15 tiết: 8 tiết lí thuyết và 07 tiết thực hành

III - CHUẨN BỊ

1. Dành cho giảng viên

- + Bảng/bút hoặc phấn;
- + Máy chiếu;
- + Máy tính;

- + Bảng/ giấy A0, A4, bút viết bảng; bảng dính giấy.
- + Nội dung: Phù hợp với chuyên đề....

2. Dành cho học viên

- + Tài liệu Bồi dưỡng
- + Giấy A4
- + Bảng/ giấy A0, A4, bút viết bảng; bảng dính giấy;
- + Nội dung: Phù hợp với chuyên đề...

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHUYÊN ĐỀ

1. Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non (03 tiết lý thuyết; 0 tiết thực hành)

1.1. Một số khái niệm

- 1.1.1. Sự đa dạng
- 1.1.2. Bình đẳng
- 1.1.3. Công bằng
- 1.1.4. Giáo dục hòa nhập

1.2. Khung pháp lý và nguyên tắc tổ chức giáo dục hòa nhập

- 1.2.1. Khung pháp lý
- 1.2.2. Nguyên tắc tổ chức giáo dục hòa nhập

1.3. Vai trò các lực lượng và sự phối hợp

- 1.3.1. Giáo viên
- 1.3.2. Cán bộ quản lý
- 1.3.3. Nhân sự hỗ trợ giáo dục hòa nhập
- 1.3.4. Sự phối hợp

2. Theo dõi và đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ trong lớp học hòa nhập (02 tiết lý thuyết; 04 tiết thực hành)

2.1. Mục đích và nguyên tắc của theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ

- 2.1.1. Mục đích
- 2.1.2. Nguyên tắc

2.2. Chu trình theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ

- 2.2.1. Quan sát
- 2.2.2. Đánh giá
- 2.2.3. Lập kế hoạch
- 2.2.4. Thực hiện đáp ứng

2.3. Quan sát và theo dõi sự phát triển của trẻ

- 2.3.1. Nhận diện các dấu hiệu có nguy cơ của trẻ
- 2.3.2. Sử dụng bảng kiểm quan sát các lĩnh vực phát triển của trẻ
- 2.3.3. Quan sát và thu thập thông tin về các lĩnh vực phát triển của trẻ

2.4. Xác định khả năng, nhu cầu và sở thích của trẻ

- 2.4.1. Khả năng
- 2.4.2. Nhu cầu (giác quan, tâm lí, hành vi)
- 2.4.3. Sở thích
- 2.5. Lập kế hoạch và thực hiện đáp ứng nhu cầu của trẻ**
 - 2.5.1. Xác lập bảng và hồ sơ năng lực của trẻ
 - 2.5.2. Thiết kế mục tiêu giáo dục
 - 2.5.3. Hỗ trợ và thảo luận về mục tiêu đáp ứng nhu cầu của trẻ với gia đình
- 3. Điều chỉnh và hỗ trợ trẻ trong lớp học mầm non (2 tiết lý thuyết, 4 tiết thực hành)**
 - 3.1. Áp dụng thiết kế phổ quát**
 - 3.1.1. Thiết kế môi trường lớp học
 - 3.1.2. Xác định mục tiêu dạy học
 - 3.1.3. Lựa chọn nội dung dạy học
 - 3.1.4. Lựa chọn phương pháp dạy học
 - 3.1.5. Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học
 - 3.1.6. Đánh giá sự phát triển của trẻ
 - 3.2. Sử dụng phương pháp dạy học đặc thù**
 - 3.2.1. Tăng cường Tiếng Việt
 - 3.2.2. Giao tiếp tăng cường thay thế
 - 3.2.3. Phân tích nhiệm vụ
 - 3.2.4. Xâu chuỗi
 - 3.2.5. Củng cố
 - 3.2.6. Nhắc nhở/gợi ý
 - 3.3. Hỗ trợ hành vi tích cực**
 - 3.3.1. Củng cố hành vi tích cực
 - 3.3.2. Dạy kĩ năng thay thế hành vi không phù hợp
 - 3.4. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân**
 - 3.5. Thực hành tổ chức hoạt động cho trẻ**
 - 3.5.1. Hoạt động ăn uống và vệ sinh
 - 3.5.2. Hoạt động chơi tự do

V - THỰC HIỆN

Nội dung 1. Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non (2 tiết lý thuyết; 1 tiết thực hành)

1.1. Một số khái niệm

Hoạt động 1.1.1. Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của sự đa dạng trong giáo dục hòa nhập đối với cơ sở giáo dục mầm non (0 tiết lý thuyết, 0,25 tiết thực hành)

Học viên thảo luận trong nhóm:

- Câu hỏi thảo luận:

- 1) Thầy/cô hiểu thế nào là sự đa dạng?
- 2) Hãy lập bản tổng hợp đặc điểm của sự đa dạng, các biểu hiện sự đa dạng và tiếp cận hỗ trợ đáp ứng sự đáp ứng đa dạng của trẻ
- 3) Quan điểm giáo dục của anh chị về sự đa dạng trong giáo dục hòa nhập mầm non?
- Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp

Mẫu Bảng tổng hợp

| Đặc điểm sự đa dạng | Biểu hiện | Tiếp cận |
|------------------------------------|-----------|----------|
| 1. Năng lực và tình trạng sức khỏe | | |
| 2. Ngôn ngữ và giao tiếp | | |
| 3. Văn hóa và hoàn cảnh gia đình | | |
| 4. Đặc điểm cá nhân | | |
| | | |

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1.1. Một số khái niệm

1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của sự đa dạng trong giáo dục hòa nhập đối với cơ sở giáo dục mầm non

1.1.1.1. Khái niệm sự đa dạng

Sự đa dạng được hiểu là những khác biệt cá nhân giữa các trẻ trong cùng một môi trường giáo dục. Khác biệt bao gồm: tình trạng sức khỏe (trẻ có nhu cầu đặc biệt), đặc điểm thể chất, năng lực trí tuệ, ngôn ngữ, hoàn cảnh gia đình, văn hóa và dân tộc.

1.1.1.2. Đặc điểm của sự đa dạng

Trong giáo dục mầm non, sự đa dạng bao gồm sự hiện diện của các trẻ khác nhau nhưng có sự khác nhau về mức độ phát triển so với độ tuổi (mức độ nhanh hơn, mức độ chậm chễ hơn hoặc tương đồng với độ tuổi), giữa những trẻ có một phổ rộng các đặc điểm cá nhân khác nhau (giới tính, tôn giáo, môi trường sống, kinh tế, văn hóa...) và các đặc điểm khác.... Sự khác nhau này được hòa quyện trong môi trường trường học, tạo nên những nét đặc trưng đa dạng có ý nghĩa

Hiểu đúng về sự đa dạng trong lớp học hòa nhập để giáo viên luôn tôn trọng đặc điểm cá nhân và đáp ứng sự đa dạng của mọi trẻ em. Đây chính là nền tảng cơ bản mà mỗi nhà trường mang lại với trẻ em, giúp bất kỳ trẻ nào bước chân vào trường học đều cảm thấy mình được chào đón, được thấu hiểu và được yêu thương, từ đó trẻ tự tin phát huy tối đa tiềm năng riêng biệt.

Dưới đây là một số đặc điểm của sự đa dạng trong lớp học hòa nhập:

+ Đa dạng về năng lực và tình trạng sức khỏe:

Bao gồm trẻ có mức phát triển ở các lĩnh vực đúng với độ tuổi, trẻ có năng khiếu đặc biệt ở một lĩnh vực nào đó và trẻ có các nhu cầu giáo dục đặc biệt (khuyết tật nghe nói, tự kỷ, chậm phát triển trí tuệ, khó khăn về vận động...).

Các biểu hiện có thể nhận diện trong lớp học mầm non sẽ luôn không cố định vì vậy, giáo viên luôn hết sức nhạy cảm để có những ứng xử đáp ứng phù hợp với đặc điểm và biểu hiện cụ thể của trẻ. Ví dụ, có một bé gặp khó khăn về vận động chân nên trẻ sẽ gặp khó khăn trong hoạt động trò chơi chạy tiếp sức. Ở tình huống chơi này, giáo viên không nên loại trẻ ra khỏi cuộc chơi mà điều chỉnh quy tắc và luật chơi. Theo đó, các bạn khác sẽ chạy tiếp sức, còn trẻ sẽ đảm nhận vai trò là người phát còi hoặc thổi còi ở vạch đích. Sự đa dạng ở đây là mỗi trẻ đóng góp một vai trò khác nhau dựa trên năng lực của mình.

+ Đa dạng về ngôn ngữ, giao tiếp và phong cách học:

Trong lớp học có trẻ sử dụng tiếng mẹ đẻ khác nhau (tiếng dân tộc thiểu số), có trẻ sử dụng ngôn ngữ ký hiệu, hoặc có phong cách học khác nhau (học qua nhìn, học qua nghe, học qua vận động), hoặc khi lớp học có thêm trẻ khuyết tật nghe, nói cần sử dụng ngôn ngữ ký hiệu hoặc có trẻ là người dân tộc nói tiếng đồng bào thiểu số (dân tộc Mông) mới bắt đầu học tiếng phổ thông, điều đó sẽ tạo nên một lớp đa dạng hơn về ngôn ngữ, giao tiếp và phong cách học tập.

Các biểu hiện của sự đa dạng trong lớp học thể hiện ở hành vi của mọi thành viên khi tương tác cùng nhau. Để đáp ứng sự đa dạng, giáo viên thay vì chỉ dùng lời nói, còn cần sử dụng thẻ hình ảnh và ngôn ngữ ký hiệu trong quá trình hướng dẫn. Điều này giúp trẻ có nhu cầu sử dụng ngôn ngữ kí hiệu và hình ảnh dễ tiếp nhận thông tin, hiểu được nội dung, học được từ vựng mới và trở nên hào hứng hơn trong quá trình học tập.

+ Đa dạng về văn hóa và hoàn cảnh gia đình:

Trong lớp học có các trẻ đến từ các cấu trúc gia đình khác nhau (cha mẹ đơn thân, sống với ông bà), điều kiện kinh tế khác nhau, hoặc các phong tục tập quán vùng miền khác nhau... Những bối cảnh riêng của từng trẻ là không thể thay đổi và cần chấp nhận sự khác biệt để đáp ứng sự đa dạng đó.

Đáp ứng sự đa dạng cần chú ý với các bối cảnh tổ chức hoạt động, chẳng hạn, lớp học có trẻ mồ côi hoặc cha mẹ li hôn, khi tổ chức "Góc gia đình" cần tránh làm trẻ tổn thương, đồng thời giúp tất cả trẻ hiểu rằng "gia đình" có nhiều hình thái khác nhau. Có thể trong góc chơi không cần phân đủ vai "Bố" và "Mẹ" mà hãy để các trẻ cùng nhau chuẩn bị một bữa tiệc sinh nhật hoặc bữa cơm chiều trong gia đình. Hoặc có thể cho trẻ được tự lựa chọn các vai trong gia đình. Giáo viên cần thấu hiểu để chấp nhận sự đa dạng và cùng tham gia vào câu chuyện của trẻ. Nếu một trẻ mồ côi nói: "Con không có mẹ", giáo viên có thể ôm trẻ và chuyển đến thông điệp " người yêu thương, chăm sóc

mình nhất chính là người nhà của mình” để giúp trẻ hiểu "Gia đình là nơi có những người yêu thương nhau"

+ Đa dạng về đặc điểm cá nhân

Được biểu hiện thông qua tính cách, cách trẻ tái tạo năng lượng và tương tác với thế giới. Trong lớp học có trẻ hướng ngoại, thích tham gia vào các hoạt động chung, có nhu cầu nói nhiều hơn, được chú ý của mọi người nhiều hơn. Những trẻ này học tốt nhất thông qua giao tiếp và thảo luận. Nhưng cũng có một vài trẻ có biểu hiện hướng nội, quan sát nhiều hơn, ít nói và thích tham gia các hoạt động trong nhóm nhỏ, trẻ cần thời gian yên tĩnh để " nạp năng lượng" hoặc thích chơi một mình. Trẻ thường suy nghĩ kỹ trước khi nói hoặc làm.

Biểu hiện đa dạng về tính cách của các trẻ khác nhau luôn khác nhau, vì vậy, giáo viên cần chú ý khen ngợi sự nhiệt tình của trẻ có biểu hiện hướng ngoại nhưng cũng dành cho trẻ có biểu hiện hướng nội những câu hỏi mở nhẹ nhàng hoặc cho phép trẻ thể hiện sự hiểu biết qua hình vẽ thay vì bắt buộc phải phát biểu trước lớp.

Lớp học đa dạng về đặc điểm cá nhân có các trẻ với sở thích khác nhau, thiên hướng quan tâm khác nhau (động vật, phương tiện giao thông, lắp ráp, âm nhạc...). Khi giáo viên lồng ghép sở thích vào bài học, sự tập trung của trẻ sẽ tăng lên đáng kể. Đáp ứng sự đa dạng về sở thích của trẻ giúp giáo viên lôi cuốn trẻ tham gia tự nguyện và hứng thú của trẻ trong quá trình học tập. Giáo viên cần nhạy cảm, không áp đặt rập khuôn trẻ thể hiện và lựa chọn cùng một đồ dùng, học liệu và sản phẩm giống nhau. Trong lớp có một trẻ thích ô tô và trẻ khác lại rất thích các loại hoa, giáo viên có thể tận dụng sở thích của trẻ để đưa ra nhiệm vụ trang trí màu sắc cho ô tô và các bông hoa xinh đẹp. Thay vì giao nhiệm vụ cho cả lớp tô màu một bức tranh giống nhau, giáo viên cho trẻ được chọn những bức tranh khác nhau theo sở thích của mình. Thông điệp giáo viên mang đến với trẻ đó là niềm vui, sự thích thú và say mê của trẻ khi được làm những gì trẻ yêu thích và mong đợi mà vẫn đạt được mục tiêu của giờ học.

Trong lớp học cũng có sự khác nhau về tốc độ tiếp nhận và xử lý thông tin giữa các trẻ. Đây là biểu hiện của sự khác biệt về nhịp độ sinh học và khả năng nhận thức. Lớp học có thể có trẻ rất nhanh nhạy, ghi nhớ, hiểu khái niệm với tốc độ rất nhanh, nhưng cũng có trẻ cần được nhắc lại nhiều lần, cần minh họa bằng hình ảnh hoặc cần được trực tiếp hỗ trợ bằng thể chất mới xử lý được thông tin. Sự đa dạng này đòi hỏi giáo viên cần đánh giá và điều chỉnh tốc độ, cách hỗ trợ và giao nhiệm vụ cho phù hợp từng trẻ để đảm bảo rằng mọi trẻ đều được học với tốc độ và khả năng của chính mình. Khi giao nhiệm vụ cho trẻ có tốc độ tiếp thu nhanh, có thể thông báo nhiệm vụ cho trẻ và cho phép trẻ được tiếp nối, mở rộng ý tưởng của mình cho nhiệm vụ. Tuy nhiên, những trẻ lúng túng, không hiểu rõ nhiệm vụ, chưa biết khởi đầu và thực hiện các bước của

nhiệm vụ, đòi hỏi giáo viên chia nhỏ các bước hướng dẫn, có hình ảnh để trẻ thực hiện từng thao tác, đồng thời cần hỗ trợ cầm tay chỉ việc để đảm bảo ở từng bước nhỏ trẻ có thể hoàn thành một cách chắc chắn và chính xác.

Nhận diện đúng sự đa dạng giúp giáo viên thiết kế các hoạt động mà không bỏ sót bất kỳ trẻ nào. Các nhà trường coi sự đa dạng là một nguồn lực để đảm bảo giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, lớp học đa dạng, linh hoạt, sáng tạo và nhiều tiềm năng thay vì là một trở ngại. Khích lệ và chấp nhận sự đa dạng giúp trẻ hình thành lòng bao dung, sự tôn trọng và hiểu biết về thế giới đa chiều ngay từ sớm.

Hoạt động 1.1.2 Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm bình đẳng trong giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non (0 tiết lý thuyết, 0,25 tiết thực hành)

Học viên thảo luận trong nhóm:

- *Câu hỏi thảo luận*

1. Anh /Chị hiểu khái niệm Bình đẳng trong giáo dục hòa nhập là gì
2. Phân tích đặc điểm của bình đẳng trong giáo dục hòa nhập ở cơ sở giáo dục mầm non?
3. Thực hành xây dựng bảng kiểm đánh giá bình đẳng về cơ sở vật chất trong trường hòa nhập

- *Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp*

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của bình đẳng trong giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non

1.1.2.1. Khái niệm

Bình đẳng là đảm bảo mọi trẻ đều được tiếp cận với các cơ hội giáo dục, cơ sở vật chất và sự chăm sóc như nhau, không có sự phân biệt đối xử. Bình đẳng được coi như điểm khởi đầu của giáo dục hòa nhập, trong đó nhấn mạnh rằng mọi trẻ em đều có giá trị ngang nhau và phải được hưởng những điều kiện cơ bản nhất mà không bị rào cản bởi khiếm khuyết hay hoàn cảnh.

1.1.2.2. Đặc điểm của bình đẳng trong giáo dục hòa nhập mầm non

- *Bình đẳng về quyền được học tập và tiếp cận giáo dục*

Không có bất kỳ rào cản nào được phép ngăn cản một trẻ nào đó không được học tập và tiếp cận giáo dục. Trường mầm non luôn mở cửa, chào đón trẻ tham gia. Các vấn đề liên quan đến tình trạng sức khỏe, khuyết tật hay các hoàn cảnh khác nhau của trẻ không để xem xét xem trẻ có được và đủ điều kiện nhập học hay không mà là đặc điểm để nhà trường chuẩn bị kế hoạch chăm sóc, giáo dục phù hợp nhất với trẻ. Bản chất của tiếp nhận trẻ đó là trường học không chọn trẻ mà trường học cần phải thích ứng với trẻ.

Khi nhà trường đón nhận một trẻ "có đặc điểm khác biệt", chúng tôi rằng nhà trường đang thực hiện hành động công nhận giá trị của mọi trẻ trong trường và lớp học.

Các trẻ trong độ tuổi đều có quyền được ghi danh, học tập tại ngôi trường gần nhà nhất mà không bị từ chối. Việc này giúp trẻ không phải di chuyển xa, dễ dàng gắn kết với cộng đồng địa phương và nhận được sự hỗ trợ từ gia đình. Nhà trường có trách nhiệm công khai quy trình tiếp nhận trẻ hòa nhập một cách minh bạch. Trường học tại nơi trẻ sinh sống không được đưa ra bất kì lý do để từ chối trẻ (không có giáo viên có chuyên môn đặc thù, cơ sở vật chất chưa đáp ứng, ảnh hưởng đến thành tích chung...)

Trường học không có sự phân biệt, đối xử và mọi trẻ em được bình đẳng tiếp cận giáo dục phù hợp và có chất lượng. Sau tiếp nhận trẻ vào trường, trẻ không chỉ có tên trong danh sách lớp mà nhà trường cần có các giải pháp cụ thể để trẻ được sắp xếp vào nhóm lớp phù hợp với độ tuổi và khả năng tương tác. Khi ghi danh, nộp hồ sơ nhập học cho trẻ, nhà trường dành thời gian đủ để để nắm bắt, tìm hiểu thông tin về trẻ, trên cơ sở đó những đặc điểm nhu cầu giáo dục cá nhân của trẻ được nhận diện và được nhà trường đáp ứng một cách phù hợp, công bằng. Điều này giúp trẻ được hưởng đầy đủ chương trình giáo dục mầm non, được tham gia đánh giá sự phát triển và có kế hoạch giáo dục cá nhân (nếu cần thiết) đảm bảo trẻ được tham gia, thực sự tiến bộ chứ không phải chỉ đến trường như là sự hiện diện cơ học.

Để đảm bảo quyền được học tập và tiếp cận giáo dục của mọi trẻ em, các nhà trường cần cụ thể hóa quyền học tập thành hành động thực tế, bao gồm:

- + Thực hiện đúng quy định pháp luật về nhập học cho trẻ trong độ tuổi tại địa phương.
- + Điều chỉnh cơ sở vật chất, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên và chuẩn bị tâm lý, hướng dẫn hành vi ứng xử cho toàn bộ trẻ em trong trường để đáp ứng công bằng cho mọi trẻ em.

- + Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ có nhu cầu đặc biệt. Phối hợp với chuyên gia để xác định mục tiêu học tập phù hợp với năng lực của từng trẻ, đảm bảo trẻ học tập có tiến bộ thay vì chỉ tham gia hình thức.

- + Chủ động liên hệ với các trung tâm hỗ trợ GDHN hoặc các trường chuyên biệt và các nguồn lực từ cộng đồng để nhận được tư vấn về chuyên môn và hỗ trợ các điều kiện đảm bảo cho giáo dục hòa nhập thành công.

- *Bình đẳng về cơ hội*

Trường học cần đảm bảo rằng mọi trẻ đều có quyền và có vị trí để hiện diện, tham gia và đóng góp vào tất cả các hoạt động của lớp (giờ học, giờ chơi, hoạt động lễ hội...) mà không bị gạt ra ngoài lề vì lý do khiếm khuyết hay hoàn cảnh khác biệt.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động tập thể, giáo viên và các thành viên khác cần đảm bảo những cơ hội mà không có trẻ nào là khán giả hay bị bỏ quên. Nếu cả lớp tham

gia múa, hay đi dã ngoại, các trẻ có khó khăn về vận động, nhận thức, hành vi ... không bị thách thức, đánh đố mà có cơ hội được tham gia múa, tham gia vào hoạt động dã ngoại phù hợp với đặc điểm cá nhân mà không bị loại trừ. Trong lớp học, các trẻ khó khăn về ngôn ngữ, khuyết tật trí tuệ hoặc những trẻ nói tiếng dân tộc chưa thành thạo tiếng phổ thông thường ít được giáo viên chú trọng để được tham gia vào các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học. Giáo viên thường chú ý tới trẻ có khả năng phát triển ngôn ngữ, khả năng chú ý, ghi nhớ và sáng tạo tốt vào vai trong hoạt động đóng kịch. Biểu hiện này cho thấy giáo viên mới chú ý đến một bộ phận trẻ có tiềm năng phát triển mà chưa bình đẳng về cơ hội cho trẻ có sự phát triển chậm chễ hay các rào cản về ngôn ngữ. Để thay đổi, khi tổ chức đóng kịch, giáo viên mời tất cả trẻ (bao gồm cả trẻ chậm phát triển hoặc trẻ khuyết tật nghe, nói hay có đặc điểm khác) cùng tham gia. Giáo viên không chỉ chọn những trẻ nhanh nhẹn, nói tốt để diễn, mà hãy suy nghĩ để tạo ra các vai phù hợp với từng trẻ (vai cái cây, chú thỏ chỉ cần làm điệu bộ sẽ phù hợp với trẻ khó khăn về ngôn ngữ) giúp cho trẻ nào cũng đều có cơ hội được đứng trên sân khấu lớp.

Bình đẳng về cơ hội còn là quyền và cơ hội để các trẻ trong cùng một trường học, lớp học được sở hữu cơ sở vật chất chung. Trẻ được quyền được tiếp cận và sử dụng một cách tự nhiên, không rào cản đối với môi trường vật chất, sân chơi, đồ chơi, nhà vệ sinh và các trang thiết bị học tập đồ dùng, đồ chơi chung như tất cả các bạn khác ... Trong trường học mọi trẻ đều có không gian sinh hoạt chung mà không bị loại trừ. Mọi khu vực trong trường được thiết kế để tất cả trẻ có thể tự mình di chuyển đến. Sẽ không có khu vực nào ở trường "bất khả thi" với một bộ phận trẻ nào đó mà luôn tính đến xóa bỏ rào cản cơ học và tâm lý để trẻ được chủ động tham gia. Chẳng hạn nhà trường bố trí thư viện ở khu vực tầng 2, để đảm bảo trẻ được tiếp cận với thư viện cho mọi trẻ, cần bố trí thang máy hoặc lối đi riêng cho trẻ khuyết tật vận động. Trong trường hợp không bố trí được thang máy, lối đi riêng, việc thay đổi vị trí thư viện từ tầng 2 xuống tầng 1 là cần thiết để không có rào cản về cơ hội trẻ được sử dụng thư viện. Hoặc trong giờ chơi ngoài trời, nhà trường có một đường dốc thoải bên cạnh bậc tam cấp để trẻ dùng xe lăn hoặc nếu trẻ có vận động yếu vẫn có thể ra sân chơi chung cùng các bạn.

Các quan điểm "đồ chơi này chỉ dành cho bạn khỏe" hay "đồ chơi này trẻ khuyết tật không được chạm vào vì sợ hỏng" không được chấp nhận trong trường học hòa nhập. Các góc chơi, đồ dùng, đồ chơi được nhà trường tính đến đảm bảo cơ hội bình đẳng tiếp cận cho mọi trẻ có sự khác biệt về thể chất. Ví dụ ở góc xây dựng, các khối gỗ, bộ lắp ráp được tính toán xếp đặt ở kệ thấp vừa tầm tay của tất cả trẻ, kể cả trẻ ngồi xe lăn. Khi những trẻ mạnh mẽ hơn thường lựa chọn và chiếm quyền được sử dụng đồ chơi yêu thích của các trẻ nhỏ, yếu thì giáo viên cần xây dựng qui định đảm bảo mọi trẻ đều có

hội được sử dụng luân phiên, trao đổi đồ chơi và cùng chơi với những món đồ chơi yêu thích trong khoảng thời gian phù hợp.

Nhà trường cũng cần chú ý đảm bảo cơ hội để mọi trẻ đều bình đẳng về cơ hội sử dụng khu vực nhà vệ sinh chung. Có thể lắp thêm tay vịn hoặc bồn rửa mặt có độ cao phù hợp để trẻ có nhu cầu đặc biệt cùng vào nhà vệ sinh, hoặc bổ sung các bước thực hiện qui trình đi vệ sinh để trẻ có nhu cầu đặc biệt cùng thực hiện và sử dụng chung với các bạn, thay vì phải đi ở một khu biệt lập hoặc sử dụng các thiết bị tạm bợ. Các thiết bị học tập hiện đại (máy chiếu, bản tương tác, máy tính hoặc các bộ đồ dùng học tập sử dụng công nghệ cao) hiện nay đang trở nên ngày càng phổ biến. Tuy nhiên, vẫn có nhiều giáo viên lo lắng một bộ phận trẻ khó kiểm soát hành vi, chậm phát triển nhận thức, khó khăn về vận động có thể sẽ không sử dụng được hoặc hiệu quả kém thậm chí dễ làm hư hỏng. Đây chính là rào cản trẻ mất cơ hội và không được bình đẳng trong sử dụng chung hạ tầng giáo dục của nhà trường. Vì vậy, cần chuẩn bị sự sẵn sàng cho trẻ bằng việc hướng dẫn, hỗ trợ trẻ cách sử dụng và phương tiện trợ giúp để trẻ dễ tiếp cận với tiện ích, thiết bị và hạ tầng giáo dục để xóa bỏ tâm lý trẻ là khách trọ, cảm thấy mình không thuộc về trường học, lớp học. Đồng thời đó cũng là cách giảm sự kì thị giữa các thành viên khác nhau trong nhà trường, tăng cường gắn kết, phát triển tính tự lập, giảm sự phụ thuộc của các trẻ ở trong cùng một môi trường hòa nhập, nhân văn và bình đẳng.

Bình đẳng về cơ sở vật chất đòi hỏi ngay từ khi xây dựng hoặc mua sắm, nhà quản lý cần đưa ra quyết định lựa chọn danh mục đảm bảo mọi trẻ đều có thể sử dụng được thay vì sau này phải sửa chữa tốn kém.

- *Bình đẳng về sự tôn trọng*

Bình đẳng về sự tôn trọng có nghĩa là mọi trẻ em đều được nhìn nhận như một cá thể có nhân phẩm, có tiếng nói và có giá trị riêng, bất kể trẻ có khiếm khuyết hay hoàn cảnh đặc biệt nào. Sự tôn trọng không chỉ là quy tắc đạo đức mà là nền tảng tâm lý để trẻ cảm thấy an toàn và được chấp nhận. Đây là khía cạnh thuộc về văn hóa học đường và thái độ ứng xử của người lớn trong trường học dựa trên không phân biệt đối xử trong lời nói, thái độ, hành vi của thành viên nhà trường đối với bất kỳ trẻ nào.

Sự tôn trọng được thể hiện ở lời nói, bao gồm: Không sử dụng các từ ngữ mang tính dán nhãn (câm, mù, điếc...), thương hại (thương tâm, tội quá, là một em bé đáng thương, gia đình thật chẳng ra sao...) hoặc hạ thấp (hèn mọn, ngu muội, tầm thường, mặt hạng). Lời nói cần hướng vào hành động và sự tiến bộ của trẻ, tránh tình trạng nói trước mặt trẻ/phụ huynh những lời nói dễ làm tổn thương và thiếu tích cực ("khổ thân con, bị tật tai thế này thì sau này học hành sao được" hoặc gọi trẻ là "bạn què chân"...). Sự tôn trọng tập trung để khích lệ hành vi, kết quả và sự thay đổi của trẻ. Những nhận xét tập trung vào thế mạnh và sự tiến bộ của trẻ sẽ giúp trẻ cảm thấy được ghi nhận và

khích lệ hơn rất nhiều (ví dụ "bạn Nam hôm nay vẽ tranh rất đẹp, cô rất thích bảng màu của con". Ngay cả khi trẻ còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, giáo viên cũng cần tôn trọng khó khăn của của trẻ (không nên nói: Sao cô hướng dẫn mãi vẫn không làm được, mà hãy nói: Con cố gắng làm thêm lần nữa nhé)..

Sự tôn trọng thể hiện bằng thái độ kiên nhẫn, ánh mắt, nụ cười và cử chỉ âu yếm dành cho trẻ. Thái độ cầu kinh, quát mắng khi một trẻ không thành công hoặc khó kiểm soát hành vi, nhưng lại vui vẻ, âu yếm với những trẻ khác chính là rào cản tạo ra khoảng cách của sự chia sẻ, tin cậy và tôn trọng lẫn nhau. Tôn trọng là tin tưởng vào tiềm năng của trẻ, không bỏ qua cơ hội để trẻ được trải nghiệm, khám phá, thử và sai. Trường học có các trẻ khác nhau về năng lực và nhu cầu, vì vậy, nhà trường không nên chỉ đặt niềm tin tưởng vào những trẻ có năng lực vượt trội và mặc định sự thất bại, không thành công của những trẻ có nhu cầu đặc biệt. Cần kiên định và tập trung hỗ trợ và khích lệ trẻ thực hiện và vượt qua rào cản. Thái độ phân biệt đối xử (dù vô tình hay hữu ý) trong trường học tạo nên hình mẫu không tích cực, ảnh hưởng đến trẻ em trong trường học. Khi sự tôn trọng được thể hiện nhất quán, lớp học sẽ trở thành một cộng đồng nhân văn, các trẻ xây dựng lòng tự trọng và học được giá trị của sự tử tế và lòng bao dung.

- *Bình đẳng về thời gian và sự quan tâm:*

Bình đẳng về thời gian và sự quan tâm là cách giáo viên dành cho mỗi trẻ đều nhận được cơ hội hỏi han, chăm sóc và thời gian tương đương trong các hoạt động chung. Bình đẳng về thời gian và sự quan tâm đòi hỏi giáo viên có sự khéo léo và nhạy cảm trong quản lý lớp học để chắc chắn rằng không có trẻ nào bị "bỏ rơi" trong sự bận rộn của cô và cũng không có trẻ nào trở thành "ưu tiên độc quyền" quan tâm của cô làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bạn khác. Sự quan tâm được thể hiện đồng đều và nhạy cảm, điều này không có nghĩa là thời gian phải được phân chia bằng nhau một cách máy móc, mà là sự hiện diện, thể hiện sự quan tâm, hỗ trợ trọn vẹn của giáo viên đối với từng trẻ trong những tình huống có ý nghĩa. Sự quan tâm đối với trẻ không chỉ dừng lại ở một khía cạnh nào đó mà cần đảm bảo để trẻ nhận được một cách đồng đều, đa dạng các lĩnh vực và khía cạnh khác nhau. Trẻ không chỉ nhận được sự quan tâm khi cần hỗ trợ y tế hay vệ sinh, mà cần nhận được sự quan tâm trong các hoạt động vui chơi, khen ngợi và tương tác cảm xúc. Bình đẳng về sự quan tâm tạo nên sự an tâm của trẻ, đặc biệt là tạo cho trẻ có cảm giác của sự gắn bó khi trẻ thấy mình có vị trí trong trái tim của cô và những tình cảm, mong đợi của trẻ hướng đến cô được đáp lại một cách tích cực. Điều này giúp trẻ tự tin, sẵn sàng chia sẻ và học hỏi.

Cần phân bổ thời gian để nói chuyện, lắng nghe và phản hồi với mọi trẻ trong lớp. Đôi khi những trẻ nhanh nhẹn thường đưa ra nhiều câu hỏi, tương tác nhiều hơn với cô nên đã kéo cô dành nhiều thời gian cho trẻ hoặc ngược lại vì trẻ có nhu cầu đặc biệt khó

khăn, cô đã dành hầu hết thời gian để hỗ trợ trẻ khuyết tật mà bỏ quên những trẻ khác cũng đang cần sự tương tác, quan tâm và hỗ trợ từ cô. Mất cân bằng từ sự quan tâm hoặc dành quá nhiều thời gian cho một đối tượng nào đó sẽ làm cho các trẻ khác cảm thấy bị bỏ rơi, nảy sinh tâm lý tự ti hoặc không duy trì động cơ, hứng thú tham gia hoạt động. Những trẻ bị bỏ rơi, ít nhận được sự quan tâm và thời gian tương tác với cô cũng là một hình ảnh trẻ bị đẩy ra ngoài lề, cô đơn trong đám đông của lớp. Để tạo được sự bình đẳng về thời gian và sự quan tâm, giáo viên cần có hành vi ứng xử, hỗ trợ để các trẻ trong lớp đều nhận được "năng lượng chào đón" như nhau. Với vai trò là người điều phối, giáo viên chú ý xem trong từng hoạt động đã chạm/nói chuyện với tất cả các trẻ chưa? Có còn trẻ nào bị bỏ sót hay không? Giáo viên đã luôn luôn bao quát, đứng ở vị trí có thể nhìn thấy toàn bộ trẻ để kịp thời trao ánh mắt hoặc nụ cười, lời khen ngợi, cũng cố khích lệ trẻ ngay cả khi đứng từ xa.

Hoạt động 1.1.3 Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm công bằng trong giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non (0 tiết lý thuyết, 0,25 tiết thực hành)

Học viên thảo luận trong nhóm:

- Câu hỏi thảo luận

1. Anh chị hiểu khái niệm Công bằng trong giáo dục hòa nhập là gì?
2. Phân tích các đặc điểm của công bằng trong giáo dục hòa nhập ở cơ sở giáo dục mầm non

- Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1.1.3. Khái niệm và đặc điểm của công bằng trong giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non

1.1.3.1. Khái niệm

Công bằng là việc cung cấp sự hỗ trợ khác nhau tùy theo nhu cầu và đặc điểm riêng biệt của từng trẻ để giúp trẻ đạt được mục tiêu phát triển chung. Nếu bình đẳng là cung cấp cho mọi trẻ những nguồn lực như nhau (cùng một giáo trình, cùng một bộ đồ chơi, cùng một thời gian làm bài), thì công bằng thừa nhận rằng mỗi trẻ có những trải nghiệm, năng lực nhu cầu cá nhân khác nhau và sự công bằng cho trẻ nhận được cơ hội hỗ trợ phù hợp với mức độ hiện tại của trẻ. Đáp ứng công bằng cho trẻ nghĩa là giáo viên cần hiểu về trẻ, biết được trẻ hiện nay đã biết gì, đã làm được gì và có những trải nghiệm gì, đồng thời xác định được nhu cầu cần hỗ trợ để thiết kế những hỗ trợ riêng biệt, đảm bảo trẻ thực hiện được nhiệm vụ/mục tiêu giáo dục ở giai đoạn tiếp theo.

1.1.3.2. Đặc điểm của công bằng trong giáo dục mầm non

- Tính cá nhân hóa

Trong môi trường hòa nhập, tính cá nhân hóa thừa nhận rằng mỗi trẻ là một thực thể duy nhất với tốc độ phát triển, sở thích và rào cản khác nhau. Vì vậy, quan điểm một chỗ không vừa cho tất cả để xác định rằng không có một công thức chung cho tất cả, trẻ được học theo đúng khả năng, sở thích, phong cách học tập và tốc độ của cá nhân. Giáo viên có vai trò của một nhà kiến tạo, thiết kế các giàn giáo hỗ trợ và điều chỉnh linh hoạt để đáp ứng nhu cầu và phát triển năng lực của trẻ, khích lệ trẻ tham gia một cách tự tin, chủ động chính là công cụ thể hiện tính công bằng rõ nhất.

Đảm bảo đáp ứng cá biệt từng trẻ giúp nhà trường thấy rõ giáo dục hòa nhập không chỉ là giúp đỡ trẻ mà là sự thay đổi để phá vỡ định kiến truyền thống. Thay vì dạy theo mức độ trung bình của cả lớp, giáo viên tập trung vào năng lực hiện tại của từng trẻ. Phá vỡ định kiến "trẻ trung bình" và tôn trọng sự khác biệt giúp chuyển dịch vai trò của giáo viên từ một người truyền đạt kiến thức đồng loạt trở thành một người thiết kế cơ hội học tập, nơi mà mọi đặc điểm cá nhân đều được coi là nguồn lực chứ không phải là rào cản.

Với cách dạy học truyền thống, giáo viên thiết kế kế hoạch dựa trên mức độ năng lực trung bình, theo đó nhiều trẻ có mức độ phát triển cao hơn so với phương án giáo viên thiết kế sẽ cảm thấy nhàm chán, không được khích lệ và trở nên thiếu động lực khám phá. Đối với một bộ phận trẻ có mức độ phát triển chậm hơn sẽ không theo kịp, tạo ra một rào cản vô hình, trẻ luôn cảm thấy thách thức, quá khó, không thành công, thất bại kéo dài và bị bỏ lại phía sau.

Đảm bảo công bằng trong giáo dục mầm non đòi hỏi giáo viên cần xác định được điểm xuất phát từ thực tế của trẻ. Thay bằng câu hỏi ở độ tuổi này trẻ phải làm được gì, giáo viên sẽ đi tìm kiếm các câu hỏi: Hiện tại trẻ A đã học được gì? đã biết được gì? Đã làm được gì? Trên cơ sở trả lời đầy đủ các câu hỏi về trẻ, giáo viên nhận ra rõ ràng về năng lực của trẻ và trên cơ sở nền tảng năng lực hiện có của trẻ để thiết kế mục tiêu phát triển tiếp theo. Đảm bảo sự công bằng đó là những yêu cầu và hỗ trợ phải phù hợp và nhất quán với mức độ phát triển của trẻ, giúp trẻ thành công theo đúng cách của mình. Kết quả của mỗi trẻ không có nghĩa là trùng khớp và cào bằng với tất cả các trẻ khác mà điều quan trọng kết quả này phản ánh nhịp độ, sự chuyển động và thay đổi của trẻ ngày hôm nay so với chính trẻ ngày hôm qua.

Sự công bằng đòi hỏi giáo viên quan tâm đến mọi sắc thái khác biệt của trẻ. Ở lứa tuổi mầm non, có nhiều trẻ bộc lộ tiềm năng phát triển vượt trội mở một lĩnh vực nào đó. Nếu chú ý phát triển sớm, tiềm năng được nuôi dưỡng để định hình xu thế phát triển trong tương lai, giúp trẻ trở nên hạnh phúc hơn và thành công hơn vì được thể hiện những thế mạnh, năng khiếu, sự đam mê của bản thân ở khía cạnh đó. Như vậy, sự công bằng đối với trẻ có năng khiếu đó là không yêu cầu trẻ làm những thứ đã quá dễ, quá

đơn giản với mình mà hãy tạo ra một môi trường mở, ở đó trẻ được nhúng mình trong hoạt động, thỏa mãn sự khám phá và vượt qua từng nấc thang thách thức bản thân. Trẻ được trải nghiệm với sự hứng thú, hồ hởi, hạnh phúc và sự ngạc nhiên về khả năng chinh phục của chính bản thân trong quá trình trải nghiệm và khám phá những yêu cầu cao hơn, chuyên sâu hơn và phức tạp hơn mà không bị bỏ đói về cơ hội.

Trong môi trường hòa nhập, có những trẻ có nền tảng văn hóa/ngôn ngữ khác biệt như trẻ em dân tộc thiểu số hoặc trẻ là người nước ngoài có thể gặp rào cản về ngôn ngữ mẹ đẻ khi học tại trường mầm non. Sự công bằng đối với trẻ đó là cho phép trẻ sử dụng các hình thức biểu đạt phi ngôn ngữ (vẽ, cử chỉ) hoặc lồng ghép các yếu tố văn hóa gắn gũi với trẻ vào bài giảng để trẻ cảm thấy được thuộc về.

Khi giáo viên tôn trọng sự khác biệt của tất cả mọi người, tất cả các trẻ sẽ trở nên tự tin, học cách trân trọng và yêu quý những đặc điểm cá nhân và học cách chiêm ngưỡng và chấp nhận sự khác biệt của mọi trẻ. Trường học, lớp học không còn có trẻ bị coi là "đối tượng đặc biệt" hay "người được ưu tiên". Sự khác biệt của mỗi trẻ giúp các trẻ học cách nhận ra nhu cầu của mỗi cá nhân đều khác nhau và tất cả mọi người đều khác nhau là hết sức bình thường.

- *Tính linh hoạt*

Giáo dục hòa nhập coi trọng đặc điểm cá nhân của trẻ vì vậy, trẻ được chính là mình và các yếu tố của môi trường giáo dục hòa nhập điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu của trẻ, thay vì bắt trẻ phải gò mình vào một khuôn mẫu cứng nhắc.

Trong lớp hòa nhập với các trẻ khác nhau và sự đa dạng về nhu cầu và năng lực của trẻ đòi hỏi giáo viên đa dạng hóa con đường tiếp cận để thực hiện các mục tiêu giáo dục khác nhau. Ở mỗi trẻ hoặc trong từng tình huống cụ thể giáo viên sẵn sàng có phương án đáp ứng nhu cầu thực tiễn của trẻ. Nếu phương pháp kể chuyện bằng lời không thu hút được một trẻ tự kỷ, giáo viên linh hoạt chuyển sang sử dụng câu chuyện xã hội, hoặc ghép các tranh theo cấu trúc của tình tiết câu chuyện. Giáo viên cũng chú ý tới những phong cách học tập khác nhau để trình bày một nội dung theo nhiều cách: nói/kể/hát (thính giác), sử dụng tranh ảnh/ sơ đồ hình ảnh (thị giác), và chạm/thực hành (xúc giác).

Các yếu tố liên quan đến sức khỏe, khả năng duy trì và sức bền hoạt động, khả năng xử lý thông tin của từng trẻ khác nhau ảnh hưởng đến tốc độ, thời gian tham gia hoạt động. Giáo viên chủ động phương án điều chỉnh thời gian để đảm bảo nhịp độ nội tại của trẻ. Hãy thừa nhận rằng mỗi trẻ có một đồng hồ sinh học riêng, cho phép trẻ được nghỉ ngơi dài hơn hoặc ngoài lịch trình chung do cơ thể mệt mỏi, căng thẳng, thiếu ngủ....

Giáo viên cho phép trẻ được kéo dài hơn thời gian mà không thúc ép để đảm bảo trẻ có đủ thời gian đưa ra câu trả lời nếu trẻ có khó khăn về ngôn ngữ lời nói, chưa đủ vốn từ phổ thông (trẻ nói tiếng nước ngoài hoặc dân tộc thiểu số...), hoặc có thể kéo dài thời

gian cho trẻ chậm phát triển một lĩnh vực nào đó (nhận thức, vận động tinh, vận động thô...) để trẻ có thể hoàn thành công việc hay vẫn giữ thời gian chung nhưng giao nhiệm vụ và yêu cầu để trẻ chỉ cần hoàn thành một phần nhiệm vụ, trên cơ sở đó giúp trẻ có cơ hội kết thúc khối lượng công việc và có được cảm giác thành công.

Bố trí và điều chỉnh môi trường phù hợp với trẻ giúp trẻ không cảm thấy mình bị nhốt trong một cái khuôn /căn phòng xa lạ và áp lực. Sự phù hợp, thoải mái giúp trẻ trở nên tự chủ hơn, trẻ được tham gia vào việc lựa chọn cách học, thời điểm học và chỗ ngồi học, từ đó hình thành sự tự tin và sự thấu hiểu giữa các cá nhân trong lớp học. Tính linh hoạt biến môi trường giáo dục thành một hệ sinh thái sống động, nơi mọi điều chỉnh đều hướng tới việc tối ưu hóa khả năng tiếp nhận của trẻ. Giáo viên tổ chức và cấu trúc không gian học tập để tạo ra một môi trường không có rào cản.

Thông qua bố trí và điều chỉnh vị trí chỗ ngồi, khu vực hoạt động và cân bằng hoặc thay đổi môi trường tổ chức hoạt động phù hợp với trẻ, giáo viên đã tạo ra một môi trường an toàn, thoải mái và hỗ trợ hành vi của trẻ. Từ việc bố trí chỗ ngồi gần cô giúp trẻ nghe kém dễ nhìn khẩu hình, đến giảm bớt các yếu tố kích thích và thay ghế cứng bằng bóng gai hoặc ghế nhún để trẻ tăng động giảm chú ý tập trung và thoải mái hơn khi học tập. Giáo viên tạo ra góc chuyển đổi không gian và dành ra một khu vực thư giãn với một góc lều yên tĩnh, gối ôm và ánh sáng dịu để trẻ khi bùng nổ hành vi hoặc căng thẳng được chuyển tiếp ra khu vực đó giúp trẻ tự điều chỉnh cảm xúc. GV có thể xóa bỏ biên giới lớp học bằng việc sẵn sàng di chuyển hoạt động học tập ra ngoài trời hoặc nếu lớp có trẻ ngồi xe lăn có thể chuyển đến những khu vực phù hợp để trẻ có thể chạm tay vào lá cây, sỏi đá trong các hoạt động khám phá môi trường.

- *Tính không phân biệt đối xử*

Tính không phân biệt đối xử trong giáo dục hòa nhập đòi hỏi một sự thay đổi căn bản trong tư duy: Chuyển từ cái nhìn từ thiện sang cái nhìn quyền con người. Sự hỗ trợ khác biệt không phải là sự ưu tiên hay ban ơn, mà là quyền lợi chính đáng để tất cả các trẻ dù có đặc điểm khác biệt hay ở trong điều kiện và hoàn cảnh nào cũng có cơ hội tham gia và khẳng định giá trị, sự thành công của mình. Xóa bỏ rào cản giúp chúng ta thay đổi hoàn toàn lăng kính từ "nhìn vào những điểm yếu của trẻ sang nhìn vào sự chưa phù hợp của môi trường để đảm bảo trẻ có thể tham gia tối ưu nhất. Sự hỗ trợ không phải là ưu tiên hay là một đặc ân mà rào cản nằm ở môi trường, không nằm ở trẻ.

Những sự khác biệt và đảm bảo đáp ứng nhu cầu để sự khác biệt không trở thành cá biệt mà là sự thay đổi của môi trường đảm bảo trẻ thích ứng và tham gia. Đó là cách nhà trường thay đổi cách tiếp cận về đảm bảo quyền của trẻ cần được đáp ứng. Tâm thế của coi đáp ứng là quyền, giáo viên sẽ hỗ trợ trẻ với sự tôn trọng thay vì thái độ thương

hại. Điều này giúp trẻ hình thành lòng tự trọng và cảm giác mình là một thành viên có giá trị, không phải là "người mang nợ" sự tử tế của cộng đồng.

Hoạt động 1.1.4 Tìm hiểu về khái niệm và đặc điểm của giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục mầm non (0 tiết lý thuyết, 0,25 tiết thực hành)

Học viên thảo luận trong nhóm:

- Câu hỏi thảo luận

1. Anh /Chị hiểu khái niệm giáo dục hòa nhập là gì
2. Phân tích các đặc điểm của giáo dục hòa nhập ở cơ sở giáo dục mầm non?

- Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1.1.4. Khái niệm và đặc điểm của giáo dục hòa nhập

1.1.4.1. Khái niệm giáo dục hòa nhập

GDHN là phương thức giáo dục trong đó mọi trẻ em cùng học tập và sinh hoạt trong một môi trường giáo dục chung tại địa phương.

Bản chất của giáo dục hòa nhập là quá trình thay đổi hệ thống (trường học, giáo viên, chương trình) để phù hợp với trẻ, thay vì trẻ phải thay đổi để khớp với hệ thống

1.1.4.2. Đặc điểm của giáo dục hòa nhập

Đa dạng là một khái niệm bao hàm mọi sự khác biệt cá nhân với các đặc điểm đa dạng về năng lực, đa dạng về văn hóa và ngôn ngữ, đa dạng về đặc điểm tâm lý và thể chất. Tính đa dạng tạo ra một "xã hội thu nhỏ" ngay trong lớp học. Khi trẻ tiếp xúc với một môi trường học tập ở đó có hội tụ các khía cạnh khác nhau của sự đa dạng, đó là một cơ hội tuyệt vời để trẻ có thể làm quen với những kích thích để kích hoạt tính chất mềm dẻo của thần kinh não bộ trong giai đoạn phát triển siêu tốc.

Trong trường hòa nhập, trẻ xử lý nhiều loại kích thích khác nhau (nhìn bạn ra dấu bằng tay, nghe bạn phát âm không rõ, quan sát bạn di chuyển bằng xe lăn)... Để xử lý những thông tin này, các vùng não phải tăng cường liên kết để giải mã và thích nghi, giúp não tạo ra mạng lưới thần kinh dày đặc và linh hoạt hơn. Trẻ học được khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin đa chiều qua sự khác biệt từ tiếp xúc với trẻ có đặc điểm khác mình, não bộ sẽ phân tích để phá vỡ định kiến (ví dụ: nói chuyện không chỉ dùng miệng mà có thể dùng tay, vẽ, viết hoặc hình ảnh). Não bộ của trẻ hình thành những kết nối mới để thiết lập con đường tư duy linh hoạt hơn, không bị đóng khung trong một cách hiểu duy nhất, làm nền tảng khi gặp những tình huống mới lạ thì trẻ có khả năng xoay sở và tìm ra nhiều giải pháp thay thế tốt hơn. Trong môi trường đa dạng, trẻ được quan sát các hình mẫu và bối cảnh khác nhau từ các bạn, trẻ có cơ hội mô phỏng lại và dễ dàng cảm nhận, đọc vị tình huống và thấu cảm. Điều này giúp trẻ phát triển mạnh mẽ hệ thống tế bào thần kinh gương để thấu hiểu cảm xúc và ý định của người

khác. Trẻ dễ dàng giải mã những tín hiệu không lời hoặc những phản ứng khác biệt từ các bạn, giúp trẻ tinh tế hơn trong giao tiếp xã hội và phát triển trí tuệ cảm xúc tốt hơn, là cơ sở xây dựng nền tảng tư duy mở và học cách bao dung.

Hòa nhập là một trạng thái tâm lý và xã hội, nơi mỗi cá nhân cảm thấy mình thực sự thuộc về cộng đồng đó. Một trẻ có sự hiện diện trong lớp học, nhưng nếu các bạn không ai chơi cùng, hoặc các hoạt động đều quá khó, trẻ sẽ có cảm giác không thuộc về, thiếu sự gắn kết và đồng điệu trong lớp học. Hòa nhập thực sự là khi trẻ không cảm thấy mình là khách hay người được gửi gắm trong lớp học. Trẻ là một phần của tập thể, cảm thấy an toàn, được chào đón, được mọi người chiêm ngưỡng và chấp nhận vì chính con người mình, chứ không phải vì trẻ tỏ ra giống các bạn khác. Một môi trường hòa nhập hòa nhập sẽ giúp trẻ tự tin thể hiện cá tính, không sợ hãi khi bộc lộ những khiếm khuyết hay khó khăn của mình vì biết rằng môi trường xung quanh an toàn và nâng đỡ.

Hòa nhập nghĩa là mọi hoạt động (giờ học, giờ ăn, giờ chơi ...) được thiết kế để tất cả trẻ có thể đóng góp một vai trò nào đó. Đó là sự tham gia thực sự của trẻ chứ không phải chỉ để có sự hiện diện, dự thính và trang trí. Điều này đòi hỏi giáo viên thiết kế các hoạt động sao cho mọi trẻ đều có vai trò. Giáo viên cần điều chỉnh luật chơi và cách thức thực hiện để năng lực hiện tại của trẻ vẫn mang lại giá trị cho hoạt động chung. Để đạt được mức độ hòa nhập có ý nghĩa trong lớp học hòa nhập mầm non, sự hỗ trợ không chỉ đến từ giáo viên mà đến từ chính bạn bè xung quanh một cách tự nguyện và không khiên cưỡng. Khi một trẻ thấy bạn mình gặp khó khăn và tự động chạy lại giúp (như đẩy xe lăn, lấy hộ đồ chơi, hay ra hiệu bằng tay), đó là lúc tính hòa nhập đã trở thành văn hóa lớp học. Những hành vi gắn kết hàng ngày thông qua các hoạt động cùng nhau giữa các trẻ có năng lực và nhu cầu khác nhau giúp cho trẻ có trách nhiệm với nhau, quan tâm và giúp đỡ nhau theo cách tự nhiên nhất. Hòa nhập biến sự khác biệt từ "rào cản" thành vẻ đẹp của sự đa dạng. Một trẻ lớn lên trong môi trường hòa nhập sẽ có một trái tim bao dung và một tư duy mở, sẵn sàng chấp nhận mọi sắc thái của cuộc sống. Ý nghĩa cốt lõi của tính đa dạng và hòa nhập giúp trẻ phát triển trí tuệ cảm xúc, lòng trắc ẩn và kỹ năng giải quyết vấn đề trong môi trường không hoàn hảo và thúc đẩy giáo viên sáng tạo không ngừng trong phương pháp giảng dạy. Thực hiện giáo dục hòa nhập đảm bảo tính đa dạng và hòa nhập chính là đặt nền móng cho một cộng đồng bình đẳng, nơi con người nhìn nhau bằng giá trị nhân cách thay vì những khiếm khuyết hình thể

1.2. Khung pháp lý và nguyên tắc tổ chức giáo dục hòa nhập (1 tiết lí thuyết, 0 tiết thực hành)

Hoạt động 1.2.1. Tìm hiểu về khung pháp lý thực hiện giáo dục hòa nhập (0,5 tiết lí thuyết, 0 tiết thực hành)

Học viên nghiên cứu tài liệu

- *Nội dung nghiên cứu Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em và Luật trẻ em*

1. Những điều khoản cơ bản nào trong 2 văn bản pháp lý này là chỉ dẫn giúp anh chị có cơ sở thực hiện giáo dục hòa nhập trong trường mầm non

2. Anh/Chị hãy chỉ ra những việc cần cải thiện trong nhà trường/lớp học của mình để đảm bảo thực thi tốt nhất tinh thần của các văn bản pháp lý

- *Nội dung nghiên cứu các văn bản pháp qui*

1. Liệt kê các tài liệu văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện chính sách có liên quan đến thực hiện giáo dục hòa nhập đối với cơ sở giáo dục mầm non

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1.2. Khung pháp lý và nguyên tắc tổ chức giáo dục hòa nhập

1.2.1. Khung pháp lý

1.2.1.1. Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em và Luật Trẻ em (CRC)

Giáo dục hòa nhập không phải là một sự ban ơn mà là việc thực hiện quyền con người của trẻ em. Theo Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em và Luật Trẻ em 2016, mọi trẻ em đều bình đẳng về quyền lợi, không phân biệt tình trạng sức khỏe hay khuyết tật.

- *Không phân biệt đối xử trẻ em*

Được thể hiện rõ ở Điều 2 (CRC) và Điều 3 (Luật Trẻ em 2016) cụ thể như sau:

Điều 2 (CRC): "Các quốc gia bên tham gia phải tôn trọng và bảo đảm những quyền được nêu trong Công ước này cho mọi trẻ em... mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào, bất kể... khuyết tật hoặc các tình trạng khác của trẻ em."

Điều 3 (Luật Trẻ em 2016): Khẳng định các nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, trong đó nhấn mạnh: "Không phân biệt đối xử đối với trẻ em."

Giáo dục hòa nhập mầm non tiếp cận dựa trên năng lực và nhu cầu đa dạng và loại bỏ khái niệm "trẻ bình thường" và "trẻ bất thường". Mọi trẻ em đều có quyền được hiện diện trong cùng một không gian, môi trường học tập một cách bình đẳng và công bằng. Không phân biệt đối xử không chỉ là cho trẻ vào lớp, mà là xóa bỏ các rào cản: rào cản vật lý (lối đi, đồ chơi phù hợp) và rào cản thái độ (sự kỳ thị của bạn bè, phụ huynh khác) ảnh hưởng đến cơ hội được tham gia của trẻ. Khi giáo viên thực hiện giáo dục hòa nhập, chính là cách giáo viên đang thực thi công lý xã hội, đảm bảo không một trẻ nào bị gạt ra lề của hệ thống giáo dục ngay từ giai đoạn đầu đời. Đây là trụ cột của giáo dục hòa nhập. Trong môi trường mầm non, mọi trẻ em đều phải được tiếp cận giáo dục công bằng, được tham gia vào các hoạt động chung của lớp học.

- *Vì lợi ích tốt nhất của trẻ*

Được thể hiện rõ ở Điều 3 (CRC) và Điều 5 Luật trẻ em, cụ thể như sau:

Điều 3 (CRC): "Trong mọi hành động liên quan đến trẻ em... lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu."

Điều 5 (Luật Trẻ em 2016): Quy định nguyên tắc bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ

Trong môi trường mầm non, mọi hoạt động của nhà trường là nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục, đó là phục vụ và đảm bảo tốt nhất những lợi ích của trẻ. Toàn bộ quá trình quản lý, chăm sóc, giáo dục cần chú ý đến nhu cầu và lợi ích của các em. Nói cách khác, lợi ích của trẻ cần được coi là xuất phát điểm của toàn bộ quá trình giáo dục diễn ra trong nhà trường.

Mọi kế hoạch giáo dục phải dựa trên nhu cầu, khả năng và sự phát triển lâu dài của trẻ, thay vì ép buộc trẻ phải theo kịp một chương trình cứng nhắc. Việc điều chỉnh phương pháp dạy học cho phù hợp với khả năng của từng trẻ không phải là sự ưu ái, mà là trách nhiệm thực hiện quyền được học tập hiệu quả. Một chương trình giáo dục "cào bằng" thực chất là sự vi phạm quyền của những trẻ cần sự hỗ trợ đặc biệt. Điều này đòi hỏi hiệu trưởng, giáo viên luôn dựa trên các lợi ích của trẻ để đưa ra các quyết định quản lý nhà trường và lớp học phù hợp. Tổ chức các hoạt động của nhà trường, lớp học cần được dựa trên quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tính đến và đáp ứng phù hợp các nhu cầu đặc biệt của trẻ, đảm bảo trẻ được phát triển đầy đủ, hài hòa cả về thể chất, trí tuệ và đời sống tình cảm.

Quyền được phát triển toàn diện

Giai đoạn 0-6 tuổi là thời điểm não bộ hoàn thiện đến 80-90% so với người lớn. Do đó, quyền phát triển toàn diện ở đây mang tính chất nền tảng và không thể đảo ngược. Trong đó, sự phát triển thể chất không có nghĩa chỉ là đáp ứng dinh dưỡng, mà là quyền được vận động, được bảo vệ khỏi ô nhiễm và được chăm sóc y tế phòng ngừa. Phát triển trí tuệ và ngôn ngữ đòi hỏi mọi trẻ em được tiếp cận với môi trường giàu kích thích, được khuyến khích tò mò và tự do khám phá thế giới xung quanh qua phương thức "học bằng chơi", được nhúng mình trong môi trường ngôn ngữ tích cực mà ở đó trẻ được chấp nhận sự đa dạng về phương thức biểu đạt và tiếp nhận. Phát triển cảm xúc - xã hội, đòi hỏi trẻ được sống trong môi trường an toàn về tâm lý, nơi trẻ được tôn trọng, yêu thương và học cách hình thành các mối quan hệ đầu đời.

Điều 6 (CRC): Khẳng định các quốc gia phải bảo đảm "đến mức tối đa có thể được" sự sống còn và phát triển của trẻ em. Từ "tối đa" ở đây buộc các cơ sở mầm non phải huy động mọi nguồn lực tốt nhất hiện có để phục vụ trẻ.

Điều 4 (Luật Trẻ em 2016): Định nghĩa phát triển trẻ em là quá trình thay đổi về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và xã hội để hình thành nhân cách và năng lực của công dân.

Điều 44 (Luật Trẻ em 2016): Quy định Nhà nước có chính sách giáo dục mầm non nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện, làm cơ sở cho các cấp học tiếp theo.

Điều 23 (CRC): "Các quốc gia bên tham gia thừa nhận rằng trẻ em bị khuyết tật về tinh thần hoặc thể chất cần được hưởng một cuộc sống đầy đủ và tươm tất trong những điều kiện bảo đảm nhân phẩm, thúc đẩy sự tự tin và tạo thuận lợi cho sự tham gia tích cực của trẻ vào cộng đồng."

Điều 43 (Luật Trẻ em 2016): Quy định về quyền của trẻ em khuyết tật: "Trẻ em khuyết tật được hưởng đầy đủ các quyền của trẻ em và các quyền dành riêng cho người khuyết tật theo quy định của pháp luật; được hỗ trợ, chăm sóc, giáo dục đặc biệt để phục hồi chức năng, phát triển khả năng tự lực và hòa nhập xã hội."

Trẻ có nhu cầu đặc biệt, quyền được phát triển toàn diện thường bị thách thức bởi tư duy chỉ cần chăm sóc cho an toàn. Vì vậy, quyền phát triển toàn diện đòi hỏi các nhà trường không được giới hạn khả năng của trẻ, mà cần đáp ứng nhu cầu can thiệp sớm và các hỗ trợ đặc thù (trị liệu ngôn ngữ, vận động) ngay trong giai đoạn "vàng" mầm non. Sự phát triển tối đa tiềm năng (Điều 29, CRC) trong giáo dục mầm non đối với trẻ khuyết tật chính là can thiệp sớm. Nếu bỏ lỡ giai đoạn mầm non, quyền được phát triển của trẻ sẽ bị tổn hại nghiêm trọng và không thể bù đắp. Do đó, việc cơ sở mầm non cung cấp các hỗ trợ đặc thù (như đồ dùng dạy học chuyên dụng, giáo viên hỗ trợ) là đang đáp ứng quyền được phục hồi chức năng và quyền được trang bị những kỹ năng sống cơ bản để trẻ có thể tự lập sau này. Chấp nhận rằng mỗi trẻ có một tốc độ phát triển riêng, vì vậy để đảm bảo sự phát triển toàn diện cần được nhìn nhận dưới góc độ đáp ứng cá nhân hóa giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục không rào cản, khuyến khích sự tương tác và tham gia để bồi đắp trải nghiệm và phát triển toàn diện.

1.2.1.2. Một số văn bản pháp qui hiện nay

Việc thực hiện giáo dục hòa nhập không chỉ dựa trên tinh thần nhân văn mà là nghĩa vụ pháp lý được quy định xuyên suốt trong hệ thống luật pháp Việt Nam. Hệ thống văn bản pháp qui hiện nay đã chuyển dịch từ tư duy "hỗ trợ nhân đạo" sang "thực thi quyền". Dưới đây là các chính sách cốt lõi:

Luật Giáo dục 2019 – Khẳng định giáo dục hòa nhập là một phương thức chính thống

Điều 15. Giáo dục hòa nhập

Luật xác định giáo dục hòa nhập là phương thức nhằm đáp ứng nhu cầu và khả năng khác nhau của người học; bảo đảm quyền học tập bình đẳng, chất lượng, phù hợp với đặc điểm, khả năng của người học. Điều này nghĩa là cơ sở mầm non không chọn lựa trẻ, mà phải điều chỉnh hệ thống (phương pháp, cơ sở vật chất) để phù hợp với trẻ.

Luật quy định Nhà nước có chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí cho trẻ em khuyết tật. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị giáo

dục và phương pháp dạy học phù hợp cho trẻ. Đây là căn cứ để các cơ sở giáo dục lập dự toán và huy động nguồn lực cho nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt.

Luật Trẻ em 2016 – Điều 10. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

1. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm các nhóm sau đây:

- a) Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ;
- b) Trẻ em bị bỏ rơi;
- c) Trẻ em không nơi nương tựa;
- d) Trẻ em khuyết tật; đ) Trẻ em nhiễm HIV/AIDS;
- e) Trẻ em vi phạm pháp luật; g) Trẻ em nghiện ma túy;
- h) Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục THCS;
- i) Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực;
- k) Trẻ em bị bóc lột;
- l) Trẻ em bị xâm hại tình dục;
- m) Trẻ em bị mua bán;
- n) Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;
- o) Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.

Điều 43. Quyền của trẻ em khuyết tật

Trẻ em khuyết tật được hưởng đầy đủ các quyền của trẻ em và được hỗ trợ, chăm sóc, giáo dục đặc biệt để phục hồi chức năng, phát triển khả năng tự lực và hòa nhập xã hội. Điều này đặt ra trách nhiệm cho giáo viên mầm non trong việc xây dựng Kế hoạch giáo dục cá nhân để tối ưu hóa tiềm năng của trẻ.

Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT: hướng dẫn qui định về nghiệp vụ hòa nhập

Đây là văn bản quy định chi tiết nhất về cách thức vận hành giáo dục hòa nhập trong nhà trường:

- Sĩ số lớp học: Mỗi lớp hòa nhập có không quá 02 trẻ khuyết tật. Quy định này nhằm bảo đảm giáo viên có đủ thời gian và tâm sức chăm sóc chuyên sâu cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.
- Hồ sơ giáo dục cá nhân: Thông tư bắt buộc việc lập và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho mỗi trẻ khuyết tật. Đây là chứng cứ pháp lý để đánh giá sự tiến bộ của trẻ và là căn cứ để giáo viên hưởng chế độ phụ cấp.
 - Đánh giá trẻ: Việc đánh giá phải dựa trên sự tiến bộ của chính cá nhân trẻ, không áp đặt tiêu chuẩn của trẻ phát triển bình thường để làm thước đo duy nhất.

Chính sách về học phí và hỗ trợ chi phí học tập

- Nghị định 81/2021/NĐ-CP (cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn giảm):

Miễn học phí: Trẻ em mẫu giáo khuyết tật có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật được miễn học phí tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập và dân lập/tư thực (theo cơ chế cấp bù).

Hỗ trợ chi phí học tập: Trẻ em khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ kinh phí (hiện nay là 150.000 đồng/tháng) để mua sắm đồ dùng học tập.

Quy định về ưu tiên nguồn lực và tổ chức dạy học

- Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT- hướng dẫn thực hiện giáo dục hòa nhập:

Sĩ số lớp học: Để đảm bảo chất lượng, mỗi lớp giáo dục hòa nhập có không quá 02 trẻ khuyết tật. Nếu trẻ có nhu cầu đặc biệt nặng, sĩ số lớp phải được giảm tương ứng để giáo viên có thời gian chăm sóc.

Đánh giá trẻ: Việc đánh giá trẻ hòa nhập phải dựa trên sự tiến bộ của chính cá nhân trẻ (căn cứ vào Kế hoạch giáo dục cá nhân - IEP), không dùng tiêu chuẩn chung của trẻ bình thường để gây áp lực cho trẻ.

- Nghị định 105/2020/NĐ-CP: Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non, trong đó có các khoản hỗ trợ ăn trưa và hỗ trợ trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục ở địa bàn khó khăn hoặc có đông trẻ cần hỗ trợ.

Chính sách ưu đãi đối với giáo viên

- Nghị định 113/2015/NĐ-CP

Để khuyến khích giáo viên thực hiện giáo dục hòa nhập, Nhà nước quy định:

Phụ cấp ưu đãi: Giáo viên trực tiếp dạy trẻ khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập được hưởng phụ cấp dựa trên số giờ dạy thực tế và mức độ khuyết tật của trẻ (thường tính theo công thức quy đổi giờ dạy).

Đào tạo bồi dưỡng: Cán bộ quản lý và giáo viên được tạo điều kiện tham gia các khóa tập huấn về kỹ năng sàng lọc, can thiệp sớm và xây dựng môi trường hòa nhập.

Với Cán bộ quản lý: Cần đảm bảo việc lập hồ sơ để trẻ được hưởng chế độ miễn giảm học phí kịp thời và sử dụng nguồn ngân sách ưu tiên để mua sắm trang thiết bị hỗ trợ (thanh vịn, tranh ảnh giao tiếp, đồ chơi cảm giác...).

Với Giáo viên: Hiểu rõ quyền được giảm sĩ số lớp và quyền được hưởng phụ cấp trách nhiệm khi có trẻ hòa nhập trong lớp, đồng thời thực hiện đúng việc xây dựng IEP cho từng trẻ.

- Thông tư liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC: Quy định về phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật. Giáo viên dạy lớp có trẻ hòa nhập sẽ được hưởng thêm phụ cấp dựa trên số giờ dạy thực tế, tạo động lực và sự công bằng cho nỗ lực của giáo viên.

Để đảm bảo chính sách giáo dục hòa nhập đối với cơ sở giáo dục mầm non, các nhà trường cần chủ động lập danh sách trẻ thuộc nhóm được thụ hưởng chính sách miễn

giảm học phí; bố trí lớp học phù hợp (giảm sĩ số chung nếu có trẻ hòa nhập). Có hồ sơ theo dõi, kế hoạch giáo dục cá nhân và phối hợp với các trung tâm phục hồi chức năng nếu cần thiết. Đặc biệt cần đảm bảo chi trả đầy đủ các chế độ phụ cấp cho giáo viên trực tiếp dạy trẻ hòa nhập để thúc đẩy tinh thần trách nhiệm của đội ngũ chuyên môn.

Hoạt động 1.2.2. Nguyên tắc thực hiện giáo dục hòa nhập đối với cơ sở giáo dục mầm non (0,5 tiết lí thuyết, 0 tiết thực hành)

Học viên thảo luận trong nhóm:

- Câu hỏi thảo luận:

1. Theo anh/chị có các nguyên tắc thực hiện giáo dục hòa nhập đối với cơ sở giáo dục mầm non?

2. Hãy lấy những ví dụ về việc nhà trường đã thực hiện nguyên tắc tốt và những ví dụ cho thấy còn có hạn chế, chưa thực hiện đảm bảo các nguyên tắc của giáo dục hòa nhập?

- Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1.2.2. Các nguyên tắc thực hiện giáo dục hòa nhập đối với cơ sở giáo dục mầm non

1.2.2.1. Tôn trọng và không phân biệt đối xử

Nguyên tắc này không chỉ liên quan đến thái độ đạo đức mà là một nghĩa vụ pháp lý và là nền tảng tâm lý để trẻ phát triển. Nguyên tắc tập trung đến trách nhiệm đảm bảo mọi trẻ em, bất kể tình trạng khuyết tật hay năng lực cá nhân, đều được chào đón và đối xử bình đẳng trong nhà trường.

Điều 2 (Công ước CRC), khẳng định trẻ em không bị phân biệt đối xử vì bất kỳ lý do gì, bao gồm cả tình trạng khuyết tật.

Luật Trẻ em 2016 (Điều 3), Quy định bảo đảm không phân biệt đối xử là nguyên tắc ưu tiên hàng đầu.

Các cơ sở pháp lý này đặt ra nguyên tắc thực thi giáo dục hòa nhập đó là thay đổi vị thế từ "đối tượng được giúp đỡ" sang "chủ thể quyền" khi các quan niệm trước đây, ở trường học vẫn tồn tại một bộ phận trẻ yếu thế là đối tượng của sự "thương cảm" hay "ban ơn". Không phân biệt đối xử và tôn trọng những giá trị cá nhân của trẻ đòi hỏi nhà trường cần nhìn nhận trẻ là một chủ thể quyền bình đẳng. Mọi hỗ trợ mà nhà trường cung cấp (chỗ ngồi ưu tiên, đồ dùng dạy học riêng, thời gian chăm sóc thêm) là để đảm bảo trẻ được hưởng quyền công bằng như bao trẻ khác, không phải là sự ưu tiên

Thay đổi từ kì thị, coi nhẹ khả năng và thiếu tin tưởng vào trẻ sang tin tưởng vào tiềm năng của trẻ, chấp nhận sự khác biệt của trẻ (ví dụ: chấp nhận một trẻ tự kỷ có thể la hét khi quá tải cảm giác) và tìm cách hỗ trợ thay vì trừng phạt hay loại trừ trẻ khỏi cơ hội được tham gia cùng nhau trong không gian lớp học. Bằng việc cung cấp cơ hội thực

tế cho trẻ thông qua điều chỉnh môi trường giáo dục phù hợp với trẻ, giúp trẻ được tham gia, trải nghiệm và đạt mục tiêu theo cách của trẻ.

1.2.2.2. Cá nhân hóa và phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ

Mỗi trẻ có khả năng, nhu cầu và sở thích riêng. Chăm sóc, giáo dục trẻ sẽ không thể thành công nếu tiến hành tổ chức các hoạt động giáo dục một cách đồng loạt, đại trà. Phải dựa vào trẻ và những đặc điểm riêng để hướng các hoạt động đạt hiệu quả cao nhất. Trong giáo dục đặc biệt, mỗi trẻ em là rất khác nhau và có những cách tiếp cận khác nhau. Trẻ tăng động giảm tập trung không có khả năng tập trung chú ý cao, nếu tổ chức hoạt động quá dài mà không có sự thay đổi hình thức hoạt động thì chắc chắn trẻ sẽ không thể tiếp tục tham gia vào quá trình hoạt động. Trẻ mù hoàn toàn nếu đưa ra yêu cầu quan sát tranh để mô tả các hoạt động đang diễn ra trong bức tranh thì trẻ sẽ không bao giờ hoàn thành được nhiệm vụ. Để tăng cường hiệu quả giáo dục, các hoạt động được thiết kế có thể tính tới hoạt động tĩnh và động, những hoạt động trò chơi, thi đua, giao nhiệm vụ được đan kết hợp lý, chú ý đến những thay đổi tâm lý và hành vi của trẻ. Giáo viên chú ý tới khả năng giác quan của trẻ để nhận biết, hoặc có thể dựa trên những trải nghiệm thực tiễn của trẻ kết hợp với hình thức học nhóm, cách đưa ra câu hỏi để giúp trẻ hoàn thành tốt hơn nội dung bài học....

Mỗi trẻ có nhu cầu đặc biệt có những nhu cầu đặc trưng, đồng thời mỗi trẻ đều có đặc điểm, nhu cầu cá nhân. Việc tính đến đặc điểm đó cho phép thu hút trẻ tham gia tích cực hơn vào quá trình học tập. Việc tổ chức các hoạt động giáo dục, học tập cho trẻ trong trường mầm non hòa nhập nên dựa trên mặt mạnh của trẻ để tạo điều kiện cho các em thành công hơn trong học tập. Những hạn chế về thể chất, tinh thần hay giác quan hay các đặc điểm khác làm hạn chế năng lực tham gia hoạt động học tập và khám phá môi trường của trẻ. Giáo viên cần tìm ra cơ chế, khả năng thay thế bù trừ chức năng trong quá trình nhận thức của chính trẻ đó để tổ chức, tạo cơ hội cho trẻ sử dụng tối đa những năng lực còn lại như là điểm mạnh để tiến hành các hoạt động học tập.

Những người làm công tác giáo dục hòa nhập cần hiểu rõ đặc điểm của mỗi trẻ, những tác động có thể ảnh hưởng tới khả năng tiếp nhận thông tin của các em từ đó đưa ra những hình thức, phương pháp giáo dục phù hợp với từng cá nhân. Nếu các hoạt động không được tổ chức một cách linh hoạt, phù hợp với mỗi trẻ thì sẽ không mang lại kết quả hoặc thậm chí cho kết quả tiêu cực.

1.2.2.3. Thích ứng và điều chỉnh linh hoạt để đáp ứng sự đa dạng

Con người khi được sinh ra đều mang những đặc tính chung của loài người nhưng cũng mang những đặc điểm riêng khác biệt của từng cá nhân. Chúng ta nhận ra nhau nhờ những đặc điểm riêng biệt đó. Chúng ta khác nhau về nhiều mặt: Hình thức bề ngoài, năng lực nhận thức, năng lực vận động, sở thích, tình cảm, thái độ,...

Các văn bản pháp lý cũng đã chỉ ra căn cứ thực thi nguyên tắc này trong giáo dục hòa nhập, cụ thể:

Điều 15 Luật Giáo dục 2019: Yêu cầu phương thức giáo dục phải "phù hợp với đặc điểm, khả năng của người học". Đây chính là mệnh lệnh cho sự thích ứng.

Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT: Quy định về lập Hồ sơ giáo dục cá nhân. Hồ sơ là công văn hướng dẫn để giáo viên thực hiện sự điều chỉnh linh hoạt hàng ngày.

Cơ sở của nguyên tắc này dựa trên quy luật đa dạng và khác biệt của mỗi người trong xã hội. Trong giáo dục hòa nhập, nguyên tắc Thích ứng và điều chỉnh linh hoạt để đáp ứng sự đa dạng là cách chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt để thay đổi vì trẻ và trẻ không thay đổi vì nhà trường. Môi trường giáo dục phải tự điều chỉnh để tương thích với đặc điểm của trẻ như điều chỉnh môi trường vật lý không rào cản, điều chỉnh chương trình và hoạt động giáo dục, điều chỉnh phương pháp đánh giá. Nhà trường và giáo viên luôn sẵn sàng thay đổi kế hoạch, phương pháp ngay tức thì dựa trên phản ứng và trạng thái của trẻ trong từng thời điểm cụ thể.

Nguyên tắc giáo dục này cũng giúp trẻ hiểu rõ về những khác biệt của bản thân, từ đó có ý thức trách nhiệm với bản thân, có phương pháp hòa nhập xã hội. Giáo dục hòa nhập phải tuân theo nguyên tắc này để mọi trẻ trở nên tự tin tham gia hoạt động và thể hiện mình.

1.2.2.4. Phối hợp đa bên và dựa vào cộng đồng

Trong quá trình phát triển, trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt luôn chịu những tác động từ các yếu tố của cộng đồng, nơi các em đang sinh sống. Những yếu tố tác động đó có thể là những yếu tố tự nhiên như: vị trí địa lý, địa hình, môi trường, khí hậu, đường giao thông,... Đó là những yếu tố xã hội như: phong tục tập quán, trình độ dân trí, nhận thức đối với trẻ khuyết tật, sự phát triển của y tế, giáo dục, sự quan tâm của chính quyền địa phương và các đoàn thể,... Đó là các yếu tố kinh tế như tình trạng kinh tế của gia đình, của địa phương, các phương tiện, tiện ích xã hội của cộng đồng,... Như vậy cộng đồng có vai trò quan trọng với sự phát triển của trẻ.

Nguyên tắc giáo dục đa bên và dựa vào cộng đồng đảm bảo rằng trẻ có nhu cầu đặc biệt được quan tâm chăm sóc, giáo dục và can thiệp tại nơi trẻ sinh sống. Môi trường giáo dục cộng đồng giúp trẻ có những cơ hội tốt nhất để thích ứng, được chấp nhận và hòa nhập. Nguyên tắc này đòi hỏi những nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phải dựa trên nền tảng cơ sở của cộng đồng.

Nguyên tắc chỉ ra sự thành công của giáo dục hòa nhập chỉ đạt được khi các lực lượng cùng tham gia vào giáo dục. Giáo viên chỉ đóng một phần vai trò trong quá trình phát triển của trẻ. Một mối liên hệ, sự ảnh hưởng của các thành viên khác như cha mẹ, nhà tư vấn tâm lý, chuyên gia y tế sẽ đóng góp chuyên môn chuyên sâu vào quá trình

hỗ trợ trẻ. Đặc biệt đối với gia đình, giáo viên cần chủ động trao đổi hàng ngày với cha mẹ về sự tiến bộ của trẻ, kết nối với các chuyên gia y tế và xã hội khi cần can thiệp.

Sự phối hợp giữa các bên sẽ dễ dàng hiểu biết hơn về cộng đồng, chấp nhận và tuân theo quy ước làng xã ở chính nơi các em được sinh ra (yếu tố tác động văn hoá), do vậy, các em sẽ hòa nhập tốt hơn vào cuộc sống cộng đồng. Bà con, làng xóm là những người hiểu, ẽ chia sẻ với trẻ và gia đình trẻ. Họ có thể dành thời gian, công sức và có trách nhiệm thường xuyên với trẻ. Huy động mọi thành phần xã hội, đặc biệt là gia đình trẻ tích cực tham gia giáo dục để tăng tối đa khả năng hòa nhập cộng đồng là ý nghĩa quan trọng của nguyên tắc này

1.3. Vai trò các lực lượng và sự phối hợp trong tổ chức giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục mầm non (1 tiết lí thuyết, 0 tiết thực hành)

Hoạt động 1.3.1. Tìm hiểu về vai trò của các lực lượng thực hiện giáo dục hòa nhập

Học viên thảo luận trong nhóm:

- Câu hỏi thảo luận:

1. Có các lực lượng nào thực hiện giáo dục hòa nhập đối với cơ sở giáo dục mầm non?
2. Hãy liệt kê các vai trò, trách nhiệm cụ thể của từng đối tượng thực hiện giáo dục hòa nhập đối với cơ sở giáo dục mầm non?

- Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1.3. Vai trò các lực lượng và sự phối hợp trong tổ chức giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục mầm non

1.3.1. Vai trò của các lực lượng thực hiện giáo dục hòa nhập

1.3.1.1. Giáo viên

Giáo viên là người nhạc trưởng điều khiển sự tương tác giữa các trẻ với những nhu cầu, năng lực, sở thích và đặc điểm cá nhân khác nhau. Giáo viên giúp trẻ nhận ra năng lực và chiêm ngưỡng sự khác biệt của nhau để có hành vi ứng xử dựa trên sự thấu hiểu, gần gũi, gắn kết và hỗ trợ. Đồng thời giúp cho bầu không khí lớp học trở nên tích cực, đa dạng và linh hoạt hơn. Trong lớp học hòa nhập, có trẻ cởi mở và dễ dàng chia sẻ, nhưng có trẻ rụt rè, thu mình, hoặc có nhiều trẻ có cách bà tỏ, biểu đạt riêng theo cách của mình (trẻ tự kỉ, trẻ khuyết tật nghe, nói...). Vì vậy, giáo viên là cầu nối cảm xúc, là "thông dịch viên" để trẻ có cảm giác an toàn, dễ dàng chia sẻ, dễ dàng lắng nghe và các thành viên hiểu được những tín hiệu không lời hay những cách biểu đạt khác nhau giữa các trẻ, từ đó kiến tạo sự đồng cảm.

Các hoạt động và tình huống trong lớp học diễn ra đa dạng, đôi khi khó đoán định bởi các yếu tố từ môi trường và các yếu tố cá nhân của trẻ. Vì vậy, giáo viên cần có đôi mắt quan sát của một nhà tâm lý để đọc hiểu, phân tích, phán đoán và điều chỉnh hành

vi, hoạt động cũng như những tác động phù hợp với trẻ. Giáo viên cũng có vai trò là người điều hòa cảm xúc, cảm nhận yêu thương và an toàn, cân bằng trạng thái hưng phấn hoặc giảm ức chế ... để có thể sẵn sàng tham gia các hoạt động có ý nghĩa. Theo đó, thông qua môi trường hoạt động và những biểu hiện của trẻ, giáo viên đưa ra quyết định tăng cường các hoạt động vận động thể chất, điều hòa cảm giác giúp tăng mạnh Endorphin và Dopamine hay thể hiện với trẻ bằng cử chỉ, cái ôm chặt, chạm, xoa và thì thầm khen ngợi để kích thích tiết Oxytocin và Serotonin, giúp trẻ cân bằng cảm xúc, gắn kết và cảm nhận sự yêu thương, tin tưởng và an toàn.

Xây dựng môi trường tâm lý, tạo ra một không gian mà ở đó sự khác biệt không là rào cản mà là hiển nhiên luôn hiện hữu và được chào đón, chấp nhận. Trẻ không phải chịu áp lực gồng mình để giống người khác vì những mặc cảm, tự ti cá nhân hoặc không tự thấy mình ưu việt hơn và cho phép mình là trung tâm của lớp học. Giáo viên là người xóa bỏ định kiến về sự khác biệt, lan tỏa thái độ tích cực bằng sự tôn trọng năng lực, giá trị cá nhân của mỗi thành viên và luôn tạo ra cho trẻ có cảm giác mình có khả năng để tự tin và thoải mái thể hiện trong một lớp học an toàn, thoải mái.

Giáo viên là người trực tiếp xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân đối với các trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt và hiện thực hóa kế hoạch giáo dục cá nhân của trẻ thông qua giáo dục và hỗ trợ trẻ phát triển kỹ năng. Việc thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân đòi hỏi giáo viên phải quan sát trẻ mỗi ngày, ghi chép những tiến bộ nhỏ nhất để điều chỉnh mục tiêu, hoạt động và những hỗ trợ cần thiết cho trẻ.

1.3.1.2. Cán bộ quản lý (Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non)

+ Kiến tạo văn hóa hòa nhập trong nhà trường

Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non là người điều hành chính, đóng vai trò là kiến trúc sư của sự thay đổi, tạo ra cơ chế và nền tảng pháp lý, vật chất cho các hoạt động hòa nhập. Với vai trò định hướng, kiến tạo văn hóa trường học, bằng hành động, việc làm của mình, hiệu trưởng là người tiên phong khẳng định giá trị và triết lý của trường học đảm bảo mọi trẻ em đều có quyền học tập tại ngôi trường gần gũi, thân thiện, chào đón trẻ; trẻ em là thành viên gắn bó và có giá trị đóng góp vào cộng đồng trường học. Hiệu trưởng cùng các thành viên nhà trường và phụ huynh xây dựng thành kế hoạch hành động cụ thể, trong đó chú trọng đến khẳng định sự đa dạng và thay đổi hệ giá trị theo tiếp cận mỗi trẻ em là một cá thể duy nhất với thế mạnh riêng. Thành công của nhà trường được đo bằng sự tiến bộ của tất cả trẻ chứ không phải là một bộ phận những trẻ giỏi nhất. Bằng những hành động cụ thể hóa thông qua hành động của từng thành viên đều hướng đến cam kết phục vụ mọi trẻ em trong trường học. Điều này thay đổi quan điểm giáo viên đứng lên trên và áp đặt trẻ mà chuyển vị thế giáo viên đứng bên cạnh và nâng đỡ trẻ.

Chuyển trạng thái tâm lý và thay đổi nhận thức của giáo viên từ sợ việc, từ chối, làm việc vất vả hơn, áp lực giảm chất lượng chung của lớp sang cơ hội chuyên môn. Sự chuyển dịch này phụ thuộc vào quan điểm tiếp cận khi nhìn nhận giá trị của trẻ dựa trên năng lực chứ không phải là dựa trên điểm yếu, điểm hạn chế và những khó khăn hiện hữu (ví dụ thay bằng nhìn nhận trẻ không nói được bằng cách trẻ có thể giao tiếp bằng tranh, cử chỉ và kí hiệu...). Trên cơ sở đó, hiệu trưởng cho phép giáo viên được chủ động điều chỉnh mục tiêu, nội dung, hoạt động và cách đánh giá đối với trẻ. Không đưa ra yêu cầu kết quả đánh giá phải đảm bảo kết quả ngang bằng cho mọi trẻ mà là kết quả phù hợp với từng cá nhân của trẻ. Xóa bỏ nỗi sợ hãi và áp lực chuyên môn của giáo viên thông qua đánh giá, tôn vinh giáo viên dựa trên kết quả giáo dục tốt cho tất cả mọi trẻ em trong lớp thay bằng giáo dục tốt tập trung vào một bộ phận trẻ có tiềm năng phát triển tốt ở lớp học.

Bên cạnh đó, hiệu trưởng cũng cần xóa bỏ định kiến của phụ huynh khi so sánh giữa con mình và con người khác để có thể giúp cha mẹ nhận gia của sự đồng hành, chia sẻ và những giá trị từ môi trường giáo dục hòa nhập mang đến với tất cả mọi trẻ em. Đặc biệt là giúp phụ huynh nhận ra giá trị của trí tuệ cảm xúc, lòng trắc ẩn, sự kiên nhẫn, kỹ năng xử lý tình huống, thích ứng và giúp đỡ bạn. Giúp phụ huynh nhận ra sự bình đẳng, và sự đóng góp của từng thành viên trong lớp học đa dạng.

+ Quản lý nguồn lực

Điều phối nguồn lực đúng chỗ và truyền cảm hứng nhất để đội ngũ không bỏ cuộc đòi hỏi người hiệu trưởng thấu hiểu về nhu cầu nguồn lực để đưa ra các quyết định phù hợp nhất. Hiệu trưởng đóng vai trò quyết định trong việc tối ưu hóa các nguồn lực để phục vụ nhu cầu chăm sóc, giáo dục đa dạng mọi trẻ em trong nhà trường. Trong đó đưa ra các quyết định chỉ đạo đối với tổ chức môi trường giáo dục đảm bảo phù hợp, hiệu quả và ít rào cản nhất. Theo đó, nhà trường có danh mục đồ dùng và phương tiện đáp ứng nhu cầu học tập của mọi trẻ, sắp xếp và thiết kế môi trường, phòng học, khu vực chơi và hoạt động chức năng phù hợp và đảm bảo cơ sở vật chất (lối đi, nhà vệ sinh, đồ chơi) phù hợp với mọi trẻ; Xây dựng danh mục ngân sách ưu tiên cho các thiết bị hỗ trợ chuyên dụng (vật tư can thiệp sớm, phần mềm hỗ trợ ngôn ngữ...). Hiệu trưởng cũng là người đàm phán các nguồn xã hội hóa để bổ sung kinh phí mà ngân sách nhà nước chưa bao phủ hết. Bên cạnh đó, hiệu trưởng cần sắp xếp kế hoạch, thời gian để đảm bảo có thời gian cho giáo viên dạy lớp hòa nhập tham gia họp với nhóm giáo viên cốt cán trong nhà trường và với các chuyên gia đa lĩnh vực cũng như trao đổi với phụ huynh. Đồng thời cân bằng nhiệm vụ để các giáo viên trong lớp có trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt có thời gian để xây dựng kế hoạch giáo dục các nhân mà không bị quá tải.

Trong giáo dục hòa nhập, bồi dưỡng năng lực cho nguồn nhân lực là vô cùng quan trọng nhất để đảm bảo đáp ứng yêu cầu cao về chất lượng chuyên môn và thực hành đúng triết lý văn hóa nhà trường giáo dục hòa nhập, bình đẳng và bao trùm cho mọi trẻ em. Hàng năm hiệu trưởng cần tổ chức các khóa đào tạo định kỳ theo các chuyên môn liên quan đến quan sát và đánh giá trẻ, kỹ năng giáo dục và hỗ trợ đặc thù cho trẻ ở các lĩnh vực chuyên sâu, phương pháp dạy học phân hóa. Hiệu trưởng phải đảm bảo mọi nhân viên (kể cả bảo mẫu, bảo vệ) đều có kiến thức cơ bản để ứng xử đúng mực với trẻ và xây dựng văn hóa nhà trường lành mạnh. Phát triển môi trường học tập chuyên môn trong trường học dựa trên xây dựng các thành viên cốt cán, giáo viên giàu kinh nghiệm chia sẻ, hướng dẫn và hỗ trợ giáo viên trẻ. Hiệu trưởng đóng vai trò là người điều phối, lựa chọn và kết nối với các nhà chuyên môn đa ngành, mời chuyên gia để chuyên gia công nghệ giáo dục và hỗ trợ tâm lý, sức khỏe và môi trường cho trẻ. Ngoài ra, hiệu trưởng cũng là người bên cạnh, làm điểm tựa tâm lý, khích lệ đội ngũ nhà trường nỗ lực thay đổi, vượt qua áp lực để nuôi dưỡng lòng kiên trì, tình yêu, trách nhiệm và sự sáng tạo của từng thành viên trong trường học.

Hiệu trưởng là người đại diện kết nối nguồn lực bên ngoài tham gia xây dựng và phát triển nhà trường. Đặc biệt là cầu nối quan trọng nhất giữa nhà trường với phụ huynh và mạng lưới hỗ trợ chuyên môn. Làm tốt vai trò kết nối, sự tham gia của phụ huynh sẽ trở nên chặt chẽ và có trách nhiệm hơn với các hoạt động trong nhà trường. Mỗi một kế hoạch và hoạt động cho trẻ có thêm sự đồng hành của phụ huynh, kết nối vai trò và sự tham gia liên ngành, giúp cho nhà trường có thêm sức mạnh để đạt được mục tiêu..

+ Giám sát và đánh giá:

Hiệu trưởng đóng vai trò là "nhạc trưởng" trong trường học, đảm bảo môi trường giáo dục công bằng và hiệu quả cho tất cả trẻ em. Để thực hiện thành công mục tiêu giáo dục hòa nhập, hiệu trưởng không chỉ quản lý chung mà phải trực tiếp theo sát việc thực hiện các kế hoạch cụ thể thông qua kế hoạch giám sát và báo cáo của giáo viên. Kiểm tra việc giáo viên điều chỉnh giáo án, phương pháp giảng dạy và đồ dùng học tập có phù hợp với yêu cầu bao trùm, bình đẳng để đảm bảo tất cả mọi trẻ đều được công bằng về cơ hội tiếp cận và học hỏi không. Hiệu trưởng cũng cần tăng cường dự giờ để đánh giá mức độ tương tác giữa giáo viên - trẻ đặc biệt và giữa trẻ đặc biệt - các bạn cùng lớp. Giám sát việc đảm bảo môi trường vật lý (lối đi, nhà vệ sinh, đồ chơi) luôn an toàn và hỗ trợ tối đa cho việc tiếp cận của trẻ em trong nhà trường mà không loại bỏ một nhóm đối tượng nào.

Trong các chức năng hoạt động, nếu các bộ phận chuyên môn và giáo viên là người thực thi thì hiệu trưởng có vai trò đánh giá để đo lường, xác định xem các mục tiêu đề ra có đạt được hay không. Hiệu trưởng chủ trì các buổi họp chuyên môn để phân

tích dữ liệu về sự phát triển của trẻ (vận động, ngôn ngữ, nhận thức, xã hội) dựa trên hồ sơ theo dõi sự tiến bộ của trẻ. Xem xét khả năng xử lý tình huống và kỹ năng sư phạm đặc biệt của giáo viên. Hiệu trưởng nhận diện được những lỗ hổng kiến thức của nhân viên để có kế hoạch đào tạo. Đánh giá phản hồi của gia đình, sự hài lòng của phụ huynh để xác định niềm tin, nguyện vọng và những nhu cầu chính đáng của phụ huynh đối với hành trình phát triển của trẻ cũng như tính thực thi và phù hợp của kế hoạch đối với sự đồng hành của cha mẹ trong phát triển nhà trường.

Dựa trên kết quả giám sát và đánh giá, hiệu trưởng thực hiện các thay đổi chiến lược. Nếu một lớp học có quá nhiều trẻ cần hỗ trợ, hiệu trưởng cần có phương án điều phối thêm giáo viên hỗ trợ hoặc thay đổi sĩ số lớp. Nếu mục tiêu quá cao hoặc quá thấp so với khả năng thực tế của trẻ, hiệu trưởng phê duyệt việc điều chỉnh lộ trình giáo dục ngay lập tức thay vì đợi đến cuối kỳ. Thay đổi lịch sinh hoạt, bổ sung các hoạt động can thiệp, hỗ trợ hoặc tổ chức các hoạt động ngoại khóa để tăng hiệu quả kết nối.

1.3.1.3. Nhân sự hỗ trợ giáo dục hòa nhập

Theo Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, nhân sự hỗ trợ giáo dục hòa nhập là chức danh nghề nghiệp dành cho những người làm việc tại các cơ sở giáo dục để hỗ trợ học sinh khuyết tật về học tập, sinh hoạt và các kỹ năng đặc thù.

Đây là những người đồng hành cùng trẻ đặc biệt trong suốt quá trình học tập tại trường mầm non hòa nhập. Họ có thể là người trực tiếp ngồi cùng trẻ trong lớp để hỗ trợ thực hiện bài học, Người hỗ trợ trẻ các kỹ năng tự phục vụ (ăn, vệ sinh, di chuyển), Người hỗ trợ về tâm lý, ngôn ngữ hoặc vận động phối hợp cùng nhà trường.

Yêu cầu cơ bản đối với nhân sự này phải tốt nghiệp chuyên ngành giáo dục đặc biệt hoặc các ngành sư phạm khác nhưng có chứng chỉ bồi dưỡng về giáo dục hòa nhập; Hiểu về các dạng khuyết tật, biết cách sử dụng các phương pháp hỗ trợ riêng biệt (như dùng thẻ hình ảnh, ngôn ngữ ký hiệu...) và có kỹ năng xử lý hành vi; Kiên nhẫn, khả năng quan sát tinh tế và lòng thấu cảm với những khác biệt của trẻ;

Nhân sự hỗ trợ giáo dục hòa nhập đóng vai trò là "cầu nối" và "người đồng hành trực tiếp" với trẻ. Nhân sự hỗ trợ hiện diện trực tiếp trong lớp học giúp giáo viên giải tỏa áp lực khi trong lớp có trẻ cần sự chú ý đặc biệt. Trong trường hợp cần có thêm sự hỗ trợ, Nhân sự hỗ trợ sẽ ngồi cạnh trẻ để giải thích, gợi ý theo các mức độ hỗ trợ thể chất, hỗ trợ hình sự vật thật, hỗ trợ bằng hình ảnh, hỗ trợ làm mẫu hoặc chỉ dẫn, gợi nhắc bằng lời đơn giản để đảm bảo phù hợp với khả năng tiếp nhận của trẻ, giúp trẻ có thể tham gia vào bài học chung một cách hiệu quả hơn. Trong một số trường hợp, trẻ không theo kịp tốc độ và yêu cầu chung của lớp ở một vài hoạt động, nhân sự hỗ trợ sẽ là người trực tiếp cùng trẻ hiện thực hóa các mục tiêu giáo dục trong Kế hoạch giáo dục cá nhân ngay tại lớp học. Nếu mục tiêu của trẻ là "cầm được kéo", trong giờ tạo hình của lớp,

khi cả lớp khác đang cắt hình bông hoa phức tạp, nhân sự hỗ trợ sẽ hướng dẫn trẻ thực hiện kỹ năng cầm kéo hoặc cắt một đường thẳng trên mẫu giấy nhỏ.

Nhân sự hỗ trợ có thể lồng ghép can thiệp, phát triển kỹ năng đặc thù cho trẻ ở trong lớp học thay vì đưa vào phòng riêng biệt để trẻ không cảm thấy bị tách biệt. Ví dụ trong giờ chơi vận động ngoài trời, người hỗ trợ sẽ hướng dẫn trẻ tập các bài tập giữ thăng bằng hoặc leo trèo đã được chuyên gia vật lý trị liệu thiết kế riêng, nhưng được thực hiện chung với các bạn để trẻ có động lực hơn. Hoặc trong trường hợp trẻ bị nhạy cảm với tiếng ồn, nhân sự hỗ trợ sẽ quan sát và hướng dẫn trẻ cách đeo tai nghe chống ồn hoặc sử dụng các đồ chơi xoa dịu ngay tại chỗ khi lớp học quá sôi động.

Nhân sự hỗ trợ biến những mục tiêu chuyên môn khô khan trong kế hoạch giáo dục cá nhân thành những hành động thực tế, sinh động, giúp trẻ đặc biệt "học mà chơi, chơi mà học" cùng các bạn. Trẻ được hỗ trợ đúng lúc khó khăn phát sinh, giúp giảm bớt sự ức chế và hành vi bùng nổ. Trong môi trường lớp học, có nhiều tình huống thực diễn ra, trẻ có thể học được cách áp dụng kỹ năng vào tình huống thực để có một mẫu hình chính xác, phù hợp cho hành vi của mình (ví dụ: học chào hỏi khi có người thật trước mặt, thay vì chào búp bê trong phòng trị liệu). Nhân sự hỗ trợ giáo dục hòa nhập phối hợp cùng giáo viên thiết kế các loại đồ chơi, học liệu phù hợp với nhu cầu đặc biệt của trẻ (ví dụ: tranh ảnh to hơn cho trẻ khiếm thị, hoặc thẻ giao hình ảnh cho trẻ tự kỷ). Đồng thời đóng vai trò là cầu nối tương tác xã hội giữa trẻ có nhu cầu đặc biệt với người khác để giúp trẻ không bị cô lập trong môi trường hòa nhập. Trong đó nhân sự hỗ trợ sẽ thúc trẻ kết nối bạn bè thông qua gợi ý, khuyến khích trẻ chơi cùng các bạn và hướng dẫn các bạn cách tương tác, giúp đỡ trẻ. Giải thích cho các trẻ trong nhóm chơi về những khác biệt của bạn mình, từ đó hình thành sự đồng cảm và ngăn chặn hành vi kỳ thị hay bắt nạt. Bên cạnh đó trẻ đặc biệt thường có những bộc phát về cảm xúc hoặc hành vi bất thường, khi trẻ có dấu hiệu hoảng loạn hoặc có hành vi không phù hợp, nhân sự hỗ trợ sẽ chuyển tiếp trẻ đến "góc bình tĩnh" để xoa dịu và giúp trẻ lấy lại cân bằng mà không làm gián đoạn tiết học của lớp. Với quá trình theo sát và quan sát đầy đủ các biểu hiện hành vi của trẻ, Nhân sự chính là người ghi chép nhật ký hành vi hàng ngày, cung cấp dữ liệu thực tế để Hiệu trưởng và Giáo viên mầm non có căn cứ điều chỉnh kế hoạch giáo dục cũng như có vai trò tư vấn chuyên môn cho giáo viên, cha mẹ về cách hỗ trợ và đáp ứng nhu cầu đặc biệt của trẻ tại lớp và tại nhà để đảm bảo tính thống nhất giữa nhà trường và gia đình. Ngoài ra, nhân sự hỗ trợ có thể đưa ra đề xuất thay đổi về môi trường vật chất hoặc phương pháp tiếp cận dựa trên những khó khăn thực tế mà họ quan sát được khi đồng hành cùng trẻ.

Với trẻ mầm non, việc ăn, ngủ, vệ sinh là một phần của giáo dục, nhân sự hỗ trợ tham gia vào quá trình chăm sóc, hướng dẫn trẻ các kỹ năng tự phục vụ (tự xúc ăn, đi

vệ sinh, mặc quần áo) theo phương pháp chia nhỏ bước, giúp trẻ dần hình thành sự tự lập thay vì làm hộ hoàn toàn.

1.3.2. Sự phối hợp giữa các lực lượng trong giáo dục hòa nhập

Hoạt động 1.3.2. Tìm hiểu sự phối hợp các lực lượng thực hiện giáo dục hòa nhập

Học viên thảo luận trong nhóm:

- *Câu hỏi thảo luận*

1. Hãy phân tích mối quan hệ và phối hợp vai trò trách nhiệm giữa các lực lượng thực hiện giáo dục hòa nhập đối với cơ sở giáo dục mầm non?

- *Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp*

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1.3.2 Sự phối hợp các lực lượng và sự phối hợp trong tổ chức giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục mầm non

1.3.2.1. Phối hợp giữa Ban giám hiệu (Hiệu trưởng) và đội ngũ chuyên môn

Sự phối hợp giữa Ban giám hiệu (BGH) và đội ngũ chuyên môn (tổ trưởng chuyên môn, giáo viên trực tiếp giảng dạy, nhân viên hỗ trợ) là yếu tố quyết định sự thành công của giáo dục hòa nhập. Sự phối hợp này không chỉ là mệnh lệnh hành chính mà là sự kết nối giữa nguồn lực chính sách và nghiệp vụ thực thi. Dưới đây là chi tiết các nội dung phối hợp theo quy trình vận hành trong cơ sở mầm non:

Phối hợp trong công tác chỉ đạo và xây dựng kế hoạch để tạo ra hành lang pháp lý nội bộ cho giáo viên yên tâm công tác. Căn cứ vào Điều 15 Luật Giáo dục và Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT để ban hành kế hoạch giáo dục hòa nhập cấp trường. BGH chịu trách nhiệm đối nội, đối ngoại để huy động nguồn lực (kinh phí, trang thiết bị).

Đội ngũ chuyên môn: Khảo sát, phân loại nhu cầu đa dạng của trẻ tại các lớp và báo cáo tham mưu cho BGH về nhu cầu thực tế (ví dụ: cần thêm bộ đồ chơi cảm giác, cần thanh vịn trong nhà vệ sinh).

BGH phê duyệt kế hoạch và danh sách nhu cầu đảm bảo thực hiện giáo dục hòa nhập, ra quyết định giao nhiệm vụ hoặc thành lập các hội đồng chuyên môn giáo dục hòa nhập (nếu có).

Phối hợp trong xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân: Đội ngũ chuyên môn trực tiếp soạn thảo kế hoạch giáo dục cá nhân cho từng trẻ (xác định mục tiêu, phương pháp, đồ dùng hỗ trợ). Giáo viên cần báo cáo tiến độ và những khó khăn khi trẻ không đáp ứng được mục tiêu; Ban giám hiệu có vai trò giám sát việc thực hiện kế hoạch thông qua dự giờ, thăm lớp. BGH không đánh giá áp đặt chung mà đánh giá dựa trên sự tiến bộ của trẻ trong kế hoạch giáo dục cá nhân.

Các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ hàng tháng, BGH lắng nghe giáo viên chia sẻ khó khăn và đưa ra các điều chỉnh về nhân sự hoặc thời gian biểu nếu cần thiết.

Phối hợp trong bồi dưỡng năng lực và đào tạo: Nhà trường chủ động tìm kiếm các khóa tập huấn, mời chuyên gia về trường hoặc tạo điều kiện (về thời gian, kinh phí) cho giáo viên đi học các lớp bồi dưỡng về giáo dục hòa nhập; Giáo viên chia sẻ lại kiến thức sau các đợt tập huấn cho đồng nghiệp. Tự học và đề xuất các chuyên đề bồi dưỡng nội bộ sát với thực tế các ca trẻ tại trường. Các thành viên trong nhà trường xây dựng ngân hàng học liệu hòa nhập dùng chung của trường dưới sự chỉ đạo của BGH.

Phối hợp thực thi chính sách và chế độ đãi ngộ: giáo viên hoàn thiện hồ sơ minh chứng (nhật ký theo dõi trẻ, bản đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập, kế hoạch giáo dục cá nhân định kỳ) để làm căn cứ tính phụ cấp. Ban giám hiệu phê duyệt các quyết định quyết toán và chi trả đầy đủ các chế độ phụ cấp ưu đãi dạy hòa nhập theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP và Thông tư liên tịch 42/2013. Sự minh bạch trong tài chính và công bằng trong phân công công việc (giảm sĩ số lớp, giảm bớt các nhiệm vụ kiêm nhiệm cho giáo viên dạy trẻ hòa nhập).

Phối hợp trong công tác tư vấn và kết nối gia đình nhằm tạo ra một cơ chế vận hành thông suốt, giúp giáo viên cảm thấy được bảo vệ và hỗ trợ khi có sự cố xảy ra. Ban Giám hiệu thay mặt nhà trường làm việc với các cấp lãnh đạo và các bậc phụ huynh để tạo sự đồng thuận (giải quyết khiếu nại nếu phụ huynh phản đối giáo dục hòa nhập). Giáo viên làm việc trực tiếp với phụ huynh có con nhu cầu đặc biệt để thống nhất phương pháp dạy trẻ tại nhà, đảm bảo tính nhất quán. Các buổi họp phụ huynh chuyên đề hoặc các cuộc gặp gỡ giữa các bên (BGH - Giáo viên - Phụ huynh) để giải quyết các ca khó hoặc trẻ có diễn biến tâm lý phức tạp.

1.3.2.2. Phối hợp giữa giáo viên chủ lớp và nhân sự hỗ trợ

Phối hợp trong phân vai và quản lý lớp học nhằm tránh tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" hoặc bỏ quên trẻ. Giáo viên và nhân sự hỗ trợ cần có sự phân định vai trò rõ ràng nhưng linh hoạt. Trong đó, giáo viên chịu trách nhiệm chính về kế hoạch giáo dục chung của cả lớp, duy trì kỷ luật và nhịp độ sinh hoạt, kết nối trẻ hòa nhập với tập thể trẻ bình thường. Nhân sự hỗ trợ tập trung quan sát, hỗ trợ riêng biệt cho trẻ có nhu cầu đặc biệt để trẻ có thể theo kịp hoạt động chung. Nhân sự hỗ trợ đóng vai trò là cầu nối giúp trẻ hiểu mệnh lệnh của giáo viên chủ lớp.

Phối hợp trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân, trong đó giáo viên cung cấp thông tin về mục tiêu giáo dục chung của độ tuổi và bối cảnh hoạt động tại lớp, thì nhân sự hỗ trợ cung cấp các quan sát chi tiết về hành vi, sở thích, những khó khăn cụ thể và mức độ tiến bộ của trẻ có nhu cầu đặc biệt. Hàng tuần, cả hai cùng ngồi lại để đánh giá sự tiến bộ, kết quả đạt được so với mục tiêu, phân tích và tìm ra các rào cản ảnh hưởng tới kết quả và sự tham gia của trẻ từ đó cùng điều chỉnh phương pháp can thiệp tiếp theo.

Phối hợp trong xử lý hành vi và tình huống khẩn cấp: Trẻ có nhu cầu đặc biệt (như tự kỷ hoặc tăng động) có thể có những cơn khủng hoảng cảm xúc bất ngờ. Nếu trẻ hòa nhập gặp sự cố (la hét, ném đồ đồ chơi), nhân sự hỗ trợ sẽ là người trực tiếp can thiệp, đưa trẻ ra góc yên tĩnh để xoa dịu cảm xúc, đảm bảo bầu không khí lớp học không bị ảnh hưởng và giáo viên vẫn có thể tiếp tục duy trì hoạt động của các trẻ còn lại. Sau sự cố, cả hai cùng có cuộc họp phân tích nguyên nhân để phòng ngừa lần sau.

Phối hợp trong chăm sóc và vệ sinh cá nhân: Nhân sự hỗ trợ sẽ hỗ trợ trẻ thực hiện các kỹ năng tự phục vụ (đi vệ sinh, rửa tay, mặc quần áo) theo đúng quy trình đã thống nhất trong kế hoạch giáo dục cá nhân để hình thành thói quen độc lập cho trẻ. Giáo viên giám sát và đảm bảo rằng trong thời gian trẻ hòa nhập được hỗ trợ riêng, các trẻ khác trong lớp vẫn an toàn và tham gia vào hoạt động học tập/vui chơi.

Phối hợp trong trao đổi với phụ huynh để đảm bảo sự nhất quán về thông tin giúp cha mẹ yên tâm. Giáo viên trao đổi về tình hình chung của trẻ tại lớp, sự tương tác của trẻ với các bạn bình thường. Nhân sự hỗ trợ sẽ trao đổi sâu về các chỉ số phát triển chuyên biệt, kết quả của các bài tập can thiệp sớm trong ngày.

Lưu ý cả hai phải trao đổi nội bộ trước khi gặp phụ huynh để tránh việc đưa ra các nhận xét mâu thuẫn, gây hoang mang cho gia đình.

1.3.2.3. Phối hợp giữa nhà trường và gia đình

Phối hợp trong giai đoạn tiếp nhận và đánh giá ban đầu: Sau khi gia đình cung cấp đầy đủ hồ sơ của trẻ và chia sẻ về đặc điểm tâm sinh lý, thói quen, sở thích, các tác nhân và rào cản dễ gây khủng hoảng cho trẻ (nếu có). Đại diện bộ phận tiếp nhận và tư vấn tâm lý của nhà trường thu thập thông tin thông qua lắng nghe thấu cảm, không phán xét và cam kết bảo mật thông tin (theo quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ). Nhà trường giới thiệu về năng lực đáp ứng, cơ sở vật chất và các chính sách hỗ trợ mà trẻ được hưởng. Cùng thống nhất thời gian và cùng tham gia thực hiện quan sát, sàng lọc để xác định mức độ phát triển hiện tại của trẻ trước khi xây dựng lộ trình giáo dục.

Phối hợp xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân: Nếu trẻ thuộc đối tượng cần thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân, nhà trường và cha mẹ cùng thảo luận để đưa ra mục tiêu ưu tiên và xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ. Nhà trường hướng dẫn cha mẹ các kỹ thuật can thiệp đơn giản để gia đình có thể tiếp tục thực hiện tại nhà vào buổi tối hoặc cuối tuần, đảm bảo trẻ được rèn luyện liên tục.

Phối hợp duy trì kênh thông tin hai chiều hàng ngày về sự tiến bộ của trẻ: Có nhiều hình thức duy trì các kênh liên lạc như sổ nhật ký hòa nhập, sổ liên lạc điện tử hoặc trao đổi trực tiếp lúc đón/trả trẻ. Nhà trường báo cáo về trạng thái cảm xúc, khả năng tương tác với bạn bè và mức độ hoàn thành mục tiêu giáo dục cá nhân trong ngày.

Gia đình thông báo về tình hình sức khỏe, giấc ngủ hoặc những biến động tâm lý ở nhà để giáo viên điều chỉnh nhịp độ dạy học kịp thời.

Phối hợp trong công tác tâm lý và tư vấn pháp lý gia đình: Hiệu trưởng hoặc người được hiệu trưởng giao quyền có trách nhiệm tư vấn cho gia đình về các quyền lợi pháp lý (miễn giảm học phí theo Nghị định 81, các khoản trợ cấp xã hội). Nhà trường cũng đóng vai trò là điểm tựa tinh thần, giúp cha mẹ vượt qua rào cản tâm lý, sự mặc cảm để đồng hành cùng con. Gia đình phối hợp với nhà trường để tạo sự đồng thuận trong cộng đồng phụ huynh. Tiếng nói của cha mẹ trẻ hòa nhập giúp các phụ huynh khác hiểu, thông cảm và giáo dục con em họ biết yêu thương bạn.

Phối hợp giám sát, đánh giá sự tiến bộ: Sau mỗi kỳ, nhà trường và gia đình cùng ngồi lại để rà soát bản kế hoạch giáo dục cá nhân. Nếu mục tiêu quá cao khiến trẻ áp lực, hai bên cùng thống nhất hạ thấp kỳ vọng. Nếu trẻ tiến bộ nhanh, hai bên cùng nâng mức mục tiêu để thúc đẩy quyền được phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

1.3.2.4. Phối hợp giữa nhà trường và chuyên gia bên ngoài (Y tế, Tâm lý)

Để đảm bảo trẻ không bị bỏ lỡ "giai đoạn vàng" phát triển nhà trường có thể mời các chuyên gia y tế và tâm lý có chuyên môn cùng thực hiện sàng lọc và nhận diện sớm. Nhà trường có trách nhiệm cung cấp các quan sát thực tế về hành vi lệch chuẩn, khó khăn trong giao tiếp hoặc vận động của trẻ tại lớp mầm non. Chuyên gia (Y tế/Tâm lý) thực hiện các bài đánh giá chuyên sâu (như đo thính lực, đánh giá mức độ tự kỷ, chậm phát triển trí tuệ) để đưa ra chẩn đoán chính xác.

Phối hợp trong xây dựng lộ trình can thiệp chuyên biệt. Giáo viên mầm non giỏi về sư phạm nhưng thường thiếu kỹ năng trị liệu đặc thù. Sự phối hợp này giúp bù đắp khoảng trống đó. Chuyên gia giáo dục đặc biệt hoặc y tế sẽ xây dựng các bài tập trị liệu (vận động tinh, âm ngữ trị liệu, điều hòa cảm giác) và hướng dẫn giáo viên các kỹ thuật xử lý khi trẻ có hành vi bùng nổ hoặc tự làm hại bản thân. Giáo viên có thể lồng ghép các bài tập trị liệu của chuyên gia vào hoạt động học tập và vui chơi hàng ngày tại lớp.

Phối hợp trong bồi dưỡng và giám sát chuyên môn: Nhà trường (Ban giám hiệu) mời chuyên gia về trường tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn tại chỗ cho toàn thể giáo viên để nâng cao năng lực giáo dục hòa nhập, các kỹ năng nhận diện và hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt. Các hoạt động giám sát chuyên môn có sự tham gia của các chuyên gia cung cấp ý nghĩa quan trọng trong đảm bảo chất lượng và điều chỉnh kịp thời các yếu tố cản trở đến chất lượng giáo dục hòa nhập. Chuyên gia đóng vai trò giám sát, theo định kỳ 3-6 tháng, chuyên gia đánh giá lại sự tiến bộ của trẻ dựa trên hồ sơ giáo dục cá nhân để điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo.

Phối hợp trong công tác tâm lý cho giáo viên và phụ huynh: Chuyên gia tâm lý có các buổi tham vấn nhóm hoặc cá nhân để giúp giáo viên giải tỏa căng thẳng (stress),

tránh tình trạng kiệt sức dẫn đến những hành vi thiếu kiềm chế với trẻ. Chuyên gia cùng nhà trường tư vấn cho phụ huynh về cách chấp nhận tình trạng của con và kỹ năng đồng hành cùng con tại gia đình theo hướng khoa học.

Thiết lập mạng lưới kết nối nguồn lực: Để đảm bảo vì lợi ích tốt nhất, trẻ được hưởng quyền được chăm sóc sức khỏe tốt nhất theo các quy định của Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em. Khi nhà trường nhận thấy tình trạng của trẻ vượt quá khả năng can thiệp tại lớp mầm non (ví dụ: trẻ cần phẫu thuật chỉnh hình hoặc điều trị thuốc tâm thần), nhà trường sẽ thực hiện quyền giới thiệu trẻ đến các cơ sở y tế chuyên sâu.

Nội dung 2. Theo dõi và đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ trong lớp học hòa nhập (02 tiết lý thuyết, 04 tiết thực hành...)

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về mục đích và nguyên tắc của theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ (0,25 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành)

Học viên thảo luận trong nhóm

- *Câu hỏi thảo luận:*

1. Thầy/Cô thường theo dõi trẻ nhằm mục đích gì?
2. Đáp ứng nhu cầu của trẻ có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của trẻ
3. Thầy/ Cô lấy một số ví dụ minh họa, từ đó đưa ra những nguyên tắc của theo dõi và đáp ứng trẻ

- *Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp*

THÔNG TIN PHẢN HỒI

2. Theo dõi và đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ trong lớp học hòa nhập

2.1. Mục đích và nguyên tắc của theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ

2.1.1. Mục đích

2.1.1.1. Hiểu về theo dõi sự phát triển của trẻ

Trong giáo dục, theo dõi sự phát triển của trẻ được hiểu là hoạt động của nhà giáo dục sử dụng các kỹ thuật, phương tiện, công cụ nhằm thu thập các thông tin khách quan, trung thực về: những phản ứng của trẻ trong quá trình tiếp nhận các tác động sư phạm, các yếu tố tác động đến hoạt động của trẻ để làm căn cứ cho việc đánh giá mức độ phù hợp của các tác động sư phạm, phát hiện những rào cản và định hướng điều chỉnh giúp các hoạt động mang lại hiệu quả cao hơn cho trẻ.

Theo dõi sự phát triển của trẻ em bao gồm theo dõi sự phát triển về mặt thể chất và theo dõi sự phát triển về mặt tâm lý xã hội.

- Việc theo dõi sự phát triển của trẻ cung cấp các thông tin cần thiết cho nhà giáo dục về những gì đang diễn ra: Theo dõi sự phát triển của trẻ về mặt thể chất cho phép xác định được tình trạng sức khỏe thể chất của trẻ để có những điều chỉnh kịp thời những tác động về chăm sóc dinh dưỡng, vệ sinh, giấc ngủ, chế độ sinh hoạt luyện tập; Theo dõi sự phát triển của trẻ ghi lại quá trình trẻ tham gia vào hoạt động ở trường, lớp, các biểu hiện của sự thích ứng.

Các thông tin được thu thập trong một thời gian đủ dài sẽ giúp phản ánh toàn diện hơn về các đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em, trẻ yêu thích điều gì, trẻ có thể làm được những gì, thường gặp những trở ngại nào,... từ đó nhà giáo dục hiểu trẻ của mình hơn.

Giáo viên có chủ ý sử dụng quan sát, theo dõi sự phát triển của trẻ để lập kế hoạch và thực hiện chương trình giảng dạy, thiết lập môi trường học tập hấp dẫn, theo dõi các tương tác xã hội của trẻ, theo dõi hành vi, giao tiếp với gia đình và đánh giá sự tiến bộ và phát triển của từng trẻ.

2.1.1.2. Hiểu về giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ

Có thể hiểu giáo dục đáp ứng là cách nhà giáo dục sử dụng các tác động sư phạm phù hợp dựa trên đặc điểm cá nhân để hồi đáp, cung cấp những hỗ trợ kịp thời với những nhu cầu của trẻ giúp trẻ cảm thấy thoải mái, vui vẻ, an toàn, trẻ được hoạt động qua đó thu về những kết quả có giá trị cho sự phát triển bản thân.

+ Ý nghĩa của giáo dục đáp ứng:

Mối quan hệ ấm áp, tình cảm, gần gũi thấu hiểu và đáp ứng sẽ thúc đẩy sự phát triển mối quan hệ gắn bó an toàn giữa trẻ với nhà giáo dục, điều này rất quan trọng đối với việc học tập, phát triển và thành quả của trẻ.

Lòng tự trọng và ý thức về giá trị của trẻ em được hỗ trợ khi các nhà giáo dục đáp ứng các đặc điểm cá nhân, cũng như ngôn ngữ và văn hóa quê hương của trẻ.

Các hoạt động GD theo giáo dục đáp ứng được thiết kế và điều chỉnh linh hoạt đáp ứng theo những thay đổi, sự phát triển và mối quan tâm của người học và nhờ vậy đã hỗ trợ cho trẻ thể hiện bản thân và được hoạt động theo tiến độ phù hợp khả năng.

2.1.1.3. Mục đích của theo dõi sự phát triển của trẻ và đáp ứng nhu cầu của trẻ

+ Thu thập các thông tin về những phản ứng của trẻ trong quá trình tiếp nhận các tác động sư phạm và các yếu tố tác động đến hoạt động của trẻ.

Chu trình theo dõi cho phép giáo viên quan sát, ghi chép và đánh giá trẻ một cách định kỳ, liên tục qua các hoạt động, trò chơi, và tương tác xã hội. Nhờ đó, giáo viên có thể nhận biết sớm: (i) Khả năng nổi bật: Ví dụ, trẻ có năng khiếu về toán, ngôn ngữ, nghệ thuật, hay vận động; (ii) Khó khăn hoặc chậm phát triển: Như trẻ chậm nói, khó tập trung, gặp khó khăn trong việc làm quen với số lượng, hình dạng, hoặc hòa nhập với bạn bè.

Việc phát hiện sớm giúp giáo viên có thể điều chỉnh mục tiêu, phương pháp, và mức độ hỗ trợ phù hợp với từng trẻ, thay vì để trẻ phát triển "một màu" theo chương trình chung. Điều này giúp trẻ phát huy tối đa tiềm năng của bản thân và giảm thiểu nguy cơ tụt hậu so với bạn bè.

Các kết quả đạt được trong quá trình hoạt động được thể hiện theo nhiều cách khác nhau. Chia sẻ với cha mẹ của trẻ và thống nhất cách hỗ trợ trẻ tiến bộ.

Các giai đoạn chuyển tiếp của trẻ được lên kế hoạch và có sự phối hợp giữa các giáo viên – gia đình -trẻ em để giảm thiểu căng thẳng và hỗ trợ sự tự tin cũng như đảm bảo sức khỏe của bạn bè.

Việc phát những lợi ích quan trọng nhất của chu trình này là cá nhân hóa. Khi trẻ thấy các hoạt động và mục tiêu được thiết kế phù hợp với sở thích, nhu cầu, và mức độ phát triển hiện tại của mình, trẻ sẽ cảm thấy :

+ Được nhìn nhận và tôn trọng : Trẻ cảm thấy mình không chỉ là một "điểm số" trong lớp, mà là một cá thể có nhu cầu riêng. Điều này giúp trẻ hình thành ý thức về bản thân và tình cảm tích cực với môi trường học tập.

+ Tăng động lực và hứng thú học tập : Khi trẻ tham gia vào hoạt động mà mình yêu thích như góc gia đình, xếp hình, hay vận động, trẻ sẽ học một cách tự nhiên, vui vẻ và không bị áp lực. Qua quá trình này, trẻ sẽ chủ động, can đảm hơn trong việc tham gia hoạt động, thử thách bản thân, và phát triển sự tự tin.

+ Tăng cường kỹ năng xã hội : Khi giáo viên thiết kế hoạt động phù hợp với đặc điểm cá nhân, trẻ sẽ dễ dàng tìm được bạn chơi, hợp tác trong nhóm, và giải quyết các tình huống xã hội một cách hiệu quả hơn. Điều này giúp trẻ phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác, chia sẻ, và cảm xúc xã hội.

+ Đánh giá được mức độ phù hợp của các tác động sư phạm đối với trẻ, phát hiện những rào cản trong các hoạt động của trẻ

+ Xác định được những điều chỉnh cần thiết trong tác động sư phạm và thực hiện điều chỉnh giúp đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, hỗ trợ sự phát triển của trẻ.

+ Phát triển hơn nữa sự hiểu biết của GV về cách trẻ em học tập, từ đó liên hệ chặt chẽ giữa lý thuyết với thực hành sư phạm.

2.1.2. Nguyên tắc theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ

2.1.2.1. Đảm bảo trung thực và khách quan

Để việc theo dõi đánh giá trẻ đạt hiệu quả nhất, cần loại bỏ mọi định kiến, sự kì thị, phân biệt hay áp đặt suy nghĩ cá nhân trong thu thập và lưu giữ thông tin về các biểu hiện, hành vi, ứng xử của trẻ. Các thông tin, biểu hiện ở trẻ cần đảm bảo tính trung thực và khách quan nhất.

Trong quá trình theo dõi, đánh giá cần đảm bảo tính khách quan nhằm đảm bảo sao cho kết quả thu thập được ít chịu ảnh hưởng từ những yếu tố chủ quan khác.

- Phối hợp một cách hợp lý các loại hình, công cụ đánh giá khác nhau nhằm hạn chế tối đa các hạn chế của mỗi loại hình, công cụ đánh giá.

- Đảm bảo môi trường, cơ sở vật chất không ảnh hưởng đến việc thực hiện các hoạt động quan sát, đánh giá.

- Kiểm soát các yếu tố khác ngoài khả năng thực hiện hoặc trẻ có thể bị ảnh hưởng bởi một số yếu tố khác khi thực hiện hoạt động của trẻ.

- Bảo đảm sự kết hợp cân đối giữa đánh giá thường xuyên, đánh giá theo giai đoạn và đánh giá cuối năm, cuối độ tuổi.

- GV cần chú ý tuân thủ, đảm bảo các nguyên tắc theo dõi và quan sát: GV phân định rõ giữa QS và diễn giải, ghi nhận mô tả đầy đủ, trung thực diễn biến trình tự của hoạt động, không mô tả những gì không nhìn thấy.

2.1.2.2. Quan sát, đánh giá trong bối cảnh các hoạt động của trẻ; Ghi chép, thu thập được các thông tin về biểu hiện hành vi cụ thể của trẻ

GV cần thường xuyên theo dõi để có những ghi chép cụ thể và cập nhật về sự phát triển của từng trẻ qua theo dõi trẻ trong cả quá trình học ở trường. Các ghi chép và quan sát cần được thực hiện đối với trẻ trong các bối cảnh và tình huống khác nhau, chẳng hạn như bên trong lớp và bên ngoài sân chơi, trong trường và ở nhà, với những trẻ khác và với chính trẻ trong khi chơi và trong giờ ăn...

2.1.2.3. Đảm bảo quan sát, đánh giá toàn diện các mặt phát triển của tất cả trẻ

Đảm bảo tính toàn diện cần được thực hiện trong quá trình đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ trên bình diện lý thuyết cũng như thực hành, ứng dụng với các mức độ nhận thức khác nhau của trẻ trong từng lĩnh vực phát triển: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội, thẩm mỹ. Có thể có các lĩnh vực khác mà GV theo dõi, đặc biệt nếu một đứa trẻ đang gặp khó khăn hoặc lại quá xuất sắc trong lĩnh vực này.

Mục tiêu chính của việc theo dõi là cung cấp cho các GV/người theo dõi thông tin chính xác để lập kế hoạch các hoạt động giáo dục phù hợp đáp ứng nhu cầu của trẻ, đồng thời liên tục cải thiện việc học và phát triển của trẻ trong khi thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

2.1.2.4. Đảm bảo tính bảo mật, tính xác nhận và phát triển

Xác định rõ mục đích theo dõi và tôn trọng, đảm bảo tính bảo mật thông tin về sự phát triển của trẻ

Tất cả những theo dõi, đánh giá hằng ngày của GV không nhằm đánh giá phân loại, xếp hạng về trẻ em, mà để giúp GV hiểu rõ về sức khỏe, thể chất, diễn biến tâm lý của trẻ trong nhóm/lớp, trên cơ sở đó thiết kế hoạt động phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện của trường, lớp.

Đánh giá phải chỉ ra những kết quả đáng tin cậy khẳng định hiện trạng của đối tượng so với mục tiêu, tìm ra nguyên nhân của các sai lệch và có biện pháp khắc phục bởi kết quả đánh giá ấy sẽ xác nhận được mức độ phát triển của cá nhân người được đánh giá. Tuy nhiên nó chỉ mang tính tương ứng tại thời điểm đánh giá chứ không mang tính vĩnh hằng.

Đánh giá giáo dục phải mang tính phát triển. Nói cách khác, GD là quá trình giúp những cá nhân trong xã hội phát triển tiềm năng của mình để trở thành những người có ích. Hơn nữa quan điểm của GDMN là lấy trẻ em làm trung tâm, mọi hoạt động CSGD

đều hướng vào trẻ. Vì vậy, để việc đánh giá có tác dụng phát triển các năng lực của trẻ một cách bền vững, cần thực hiện các yêu cầu sau:

- Tạo điều kiện cho trẻ khai thác, vận dụng các kiến thức, kỹ năng theo hướng lồng ghép, tích hợp các lĩnh vực phát triển
- Có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá
- Coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên
- GV không gây trở ngại và phân biệt trẻ này với trẻ khác qua các thông tin thu thập được.

2.1.2.5. Phối kết hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ trong quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ

Cần thu thập thông tin về trẻ qua trao đổi với cha mẹ, người chăm sóc để có thể hiểu biết rõ về hành vi và các biểu hiện ở lớp học của trẻ. Các thông tin theo dõi quan trọng từ các GV khác trong lớp/trường và cha mẹ/ người giám hộ cũng nên được đưa vào ghi chép, vì trẻ em có các mối quan hệ khác nhau nên cần có đầy đủ thông tin về hành vi và sự phát triển của trẻ.

Thông báo thông tin chính xác về trẻ, nhóm trẻ cho cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ (giám hộ), các nhà quản lý hay nhà chuyên môn khác quan tâm.

Rút ra bài học kinh nghiệm trong CS- GD trẻ.

Giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó (đối với một trẻ, nhóm trẻ nào đó) giúp trẻ phát triển thuận lợi hơn.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về chu trình theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ (0,25 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành)

Học viên thảo luận trong nhóm:

- Câu hỏi thảo luận:

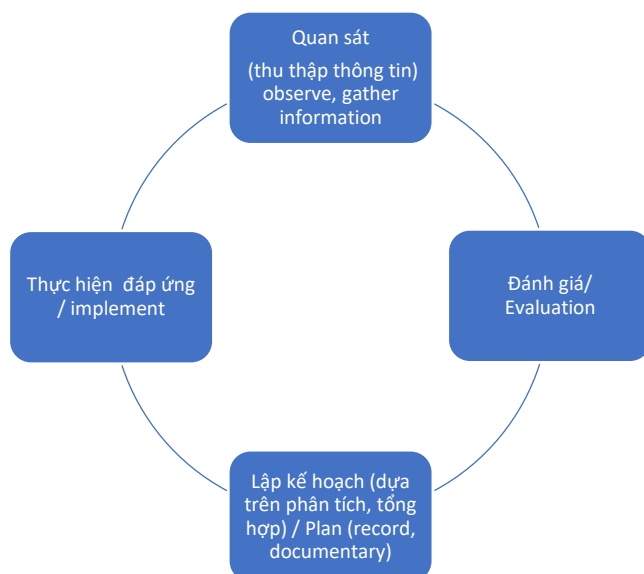
1. Thầy cô thường thực hiện các bước theo dõi, đáp ứng nhu cầu của trẻ như thế nào?
2. Thầy/cô lấy vẽ sơ đồ minh họa các bước, từ đó đưa ra những ví dụ hoạt động cụ thể ở các bước theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ?

Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp

THÔNG TIN PHẢN HỒI

2.2. Chu trình theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ

Chu trình theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ được thực hiện qua các bước sau:



Hình 1. Chu trình theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ

2.2.1. Quan sát

Các giáo viên thực hiện quan sát hoặc theo dõi sức khỏe hàng ngày để đảm bảo trẻ đến lớp đủ sức khỏe tham gia các hoạt động giáo dục. Ngoài ra, giáo viên còn có nhiều nhiệm vụ quan trọng khác phải làm để duy trì môi trường lớp học. Từ thời điểm một đứa trẻ bước vào lớp học cho đến khi rời khỏi lớp, các cơ hội học tập của trẻ luôn xuất hiện. Vì vậy, một số quan sát xảy ra một cách tự phát/ không chính thức, trong khi những quan sát khác sẽ được lên kế hoạch/ quan sát chính thức để theo dõi, đánh giá khả năng, nhu cầu của trẻ ở các thời điểm, các hoạt động khác nhau trong ngày. Một số quan sát khách quan, một số quan sát khác diễn ra chủ quan; Có quan sát diễn ra suốt theo quá trình giáo dục và một số quan sát chỉ diễn ra ở một thời điểm nhất định như quan sát một kết quả ở cuối giai đoạn giáo dục (cuối năm học/ cuối độ tuổi).

- Quan sát khách quan: Quan sát khách quan dựa trên những gì GV quan sát được bằng giác quan, ghi lại, mô tả chính xác những gì nhìn, nghe, nếm, chạm và ngửi. Thông tin khách quan dựa trên sự thật. Nếu người quan sát không nhìn thấy nó thì sẽ không báo cáo. Người quan sát chỉ báo cáo chi tiết và cung cấp mô tả sinh động. Kết quả có nhiều khả năng hợp lệ và đáng tin cậy ở từng trẻ.

- Quan sát chủ quan: Những quan sát chủ quan thường bị ảnh hưởng bởi các sự kiện trong quá khứ, kinh nghiệm và ý kiến cá nhân của chúng ta và có thể bị sai lệch dựa trên nền tảng văn hóa của người quan sát. Thông tin chủ quan dựa trên ý kiến, giả định, niềm tin cá nhân, thành kiến của chúng ta hoặc có thể dựa trên sự nghi ngờ, tin đồn, phỏng đoán. Kết quả thường không nhất quán và khác nhau tùy theo từng trẻ.

2.2.2. Đánh giá

Đánh giá kết quả quan sát là việc GV tìm kiếm ý nghĩa của những dữ liệu quan sát được. Thông qua việc quan sát và phân tích những gì quan sát được, GV hiểu được cách trẻ em tạo ra ý nghĩa trong thế giới của chúng và biết được những gì trẻ biết và có thể làm được. Để đánh giá được kết quả quan sát, GV cần xác định được tiêu chí đánh giá và đưa ra các phán đoán, nhận định, kết luận về khả năng, nhu cầu của trẻ dựa trên những bằng chứng quan sát được.

Giáo viên có thể thiết kế **bảng tổng hợp** theo từng mục tiêu/hoạt động, cập nhật hàng ngày hoặc hàng tuần/tháng..

2.2.3. Lập kế hoạch

Dựa trên những kết quả có được sau quan sát, GV xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ giai đoạn tiếp theo. Kế hoạch này được xây dựng mới hoặc điều chỉnh từ những kế hoạch đã thiết kế dựa trên bằng chứng bao gồm đầy đủ mục tiêu, nội dung, phương pháp và cách thức cách thức tổ chức quá trình giáo dục trẻ theo nhóm và cá nhân. GV cần tham vấn với đồng nghiệp, nhà quản lý và cha mẹ về những thay đổi hoặc điểm mới khi lập kế hoạch giáo dục trẻ

2.2.4. Thực hiện đáp ứng nhu cầu của trẻ

Thực hiện đáp ứng nhu cầu của trẻ là bước biến thông tin thành hành động giáo dục cụ thể, dựa trên kết quả quan sát, đánh giá và phân tích khả năng, nhu cầu, sở thích, phong cách học của từng trẻ. Trong chu trình theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ, việc thực hiện không chỉ là tổ chức hoạt động theo kế hoạch chung mà còn là điều chỉnh linh hoạt để trẻ phát triển phù hợp với vùng phát triển gần, đặc điểm cá nhân và bối cảnh nhà trường – gia đình. Bao gồm chú trọng:

1) Xác định rõ nội dung cần đáp ứng

Trong quá trình theo dõi, giáo viên cần ghi nhận:

- Những khả năng nổi bật và khó khăn, nhu cầu phát triển của trẻ (ví dụ: trẻ đếm 1–1 khá vững nhưng còn yếu trong việc so sánh số lượng, hoặc trẻ thích vận động nhưng ít tham gia hoạt động yên tĩnh).

- Sở thích (hoạt động, góc chơi, loại đồ chơi ưa thích) và phong cách học (học bằng làm, bằng quan sát, bằng kể chuyện...).

- Nhu cầu hỗ trợ (cả về kỹ năng, thái độ, tình cảm – xã hội, giao tiếp, tập trung...).

Từ đó, giáo viên xác định nội dung đáp ứng cụ thể:

- Ưu tiên vùng phát triển gần (những việc trẻ có thể làm được với hỗ trợ).

- Ưu tiên nội dung cốt lõi theo chương trình giáo dục mầm non được cá nhân hóa (ví dụ: làm quen với toán – hình thành biểu tượng số lượng, ngôn ngữ, cảm xúc – xã hội).

2) Thiết kế và điều chỉnh hoạt động giáo dục phù hợp

Khi có thông tin, giáo viên chuyển sang thực hiện qua hoạt động với các nguyên tắc:

- Lòng ghép nhu cầu cá nhân vào kế hoạch chung: cùng một chủ đề (thực vật, gia đình, nghề nghiệp...), mỗi trẻ có nhiệm vụ/phương tiện phù hợp với năng lực và sở thích. Ví dụ: trẻ thích vận động được tham gia trò chơi “đi chợ, đếm bước chân, đếm bạn chơi” để luyện số lượng; trẻ thích góc gia đình được đếm bát, muống, ghế trong vai diễn.

- Điều chỉnh mức độ, thời gian, phương tiện cho phù hợp: Trẻ có năng lực tốt, vượt trội: tăng độ khó, mở rộng yêu cầu, đề ra nhiệm vụ mở rộng; Trẻ có khó khăn: giảm mức độ, tăng hỗ trợ, dùng đồ chơi quen thuộc, chia nhỏ nhiệm vụ.

- Đa dạng hình thức: trò chơi, trải nghiệm trực tiếp, đóng vai, kể chuyện, góc chơi, hoạt động nhóm – cá nhân, để phù hợp với nhiều phong cách học khác nhau.

Hoạt động 2.2 Thực hành chu trình theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ (0 tiết lý thuyết, 1 tiết thực hành)

Học viên thực hành theo nhóm:

- Nội dung thực hành

3. Thầy/cô đưa ra những ví dụ, tình huống hoạt động cụ thể ở các bước theo dõi và đáp ứng nhu cầu của trẻ?
4. Thực hành quan sát và ghi chép, thu thập thông tin về trẻ
5. Thiết kế **bảng tổng hợp** theo từng mục tiêu/hoạt động, cập nhật hàng ngày hoặc hàng tuần/tháng

Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hành

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Ví dụ Quan sát liên tục trong ngày học một cách hiệu quả:

- Ghi nhận tiến bộ nhỏ:

1. Trẻ ngồi yên lâu hơn, tham gia trả lời câu hỏi, chơi nhóm, hợp tác, phân chia đồ chơi.
2. Trẻ tự tin hơn trong hoạt động, ít nhút nhát, ít chống đối.

- Ghi chép bằng sổ:

1. Ghi 1–2 câu nhận xét ngắn gọn mỗi ngày cho từng trẻ cần theo dõi (ví dụ: “Cháu ngồi 10 phút ngồi yên, tham gia trả lời câu hỏi về số lượng, rất tự tin.”).
2. Ghi chép chi tiết về hành vi, thái độ, kỹ năng, sản phẩm (ví dụ: tranh vẽ, bài tập, đồ chơi xếp hình, số lần tham gia) để đánh giá nhóm trẻ.
3. Ví dụ về thiết kế bảng theo dõi

Ví dụ (theo trẻ):

| STT | Họ tên | Mục tiêu (ví dụ: đếm 6–8 bát/muống trong góc gia đình) | Tuần 1 | Tuần 2 | Tuần 3 | Ghi chú |
|-----|--------|--|--------|--------|--------|---------|
| | | | | | | |

| | | | | | | |
|---|-------------|---|----------|----------|-----------|--|
| 1 | Nguyễn Hà A | Đếm 6–8 bát/muỗng trong góc gia đình | Chưa đạt | Đạt | Vượt trội | Rất tự tin, thích đếm và nói số lượng. |
| 2 | Trần Minh Đ | Tham gia 10 phút trong hoạt động yên tĩnh | Chưa đạt | Chưa đạt | Chưa đạt | Cần thêm thời gian làm quen. |

Ví dụ (theo nhóm hoạt động):

| STT | Hoạt động/Góc chơi | Mục tiêu | Trẻ nào đạt | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------|-------------|--------------------------|
| 1 | Góc gia đình | Đếm số bát, muỗng, ghế | 8/12 trẻ | Cháu A, B, C cần hỗ trợ. |

2.3. Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về quan sát và theo dõi sự phát triển của trẻ
- Tìm hiểu nhận diện các nguy cơ của trẻ và sử dụng bảng kiểm quan sát các lĩnh vực phát triển của trẻ (1 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành)

| |
|--|
| <p>Học viên thảo luận nhóm: Câu hỏi thảo luận nhóm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thầy cô thường sử dụng các bảng kiểm theo dõi dấu hiệu có nguy cơ ở trẻ? 2. Bằng cách nào, giáo viên nhận diện các dấu hiệu nguy cơ ở trẻ? 3. Nghiên cứu và tổng hợp kết quả từ một số bảng kiểm quan sát các lĩnh vực phát triển của trẻ. <p><i>Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp</i></p> |
|--|

THÔNG TIN PHẢN HỒI

2.3. Quan sát và theo dõi sự phát triển của trẻ

2.3.1. Nhận diện các dấu hiệu có nguy cơ của trẻ

Dấu hiệu nguy cơ tâm lý và rối loạn phát triển ở trẻ cần được nhận diện sớm để can thiệp kịp thời, đặc biệt ở trẻ từ 0-6 tuổi. Những biểu hiện này thường liên quan đến cảm xúc, hành vi và mốc phát triển, giúp phụ huynh và giáo viên phát hiện qua quan sát hàng ngày.

- Trẻ buồn bã, chán nản kéo dài trên 2 tuần, giảm tương tác xã hội hoặc tự cô lập bản thân.

- Hung hăng quá mức với bạn bè, gia đình, phá phách đồ đạc, hay nói dối và cãi lời người lớn.

- Rối loạn lo âu và căng thẳng:

+ Sợ hãi không lý do (sợ bóng tối, người lạ), cấu gắt dễ kích thích, bồn chồn hoặc nhạy cảm với chỉ trích.

+ Thay đổi giấc ngủ (khó/ mất ngủ), ăn uống bất thường (chán ăn hoặc ăn quá mức).

Chậm phát triển ngôn ngữ và xã hội: Chậm nói, không tương tác mắt, khó giao tiếp xã hội hoặc không đạt mốc vận động cơ bản.

Rối loạn phổ tự kỷ (ASD): Lặp lại hành vi, không phản ứng với tên gọi, thiếu biểu cảm cảm xúc.

Tăng động giảm chú ý (ADHD):

+ Khó tập trung, hiếu động thái quá, quên nhanh, dễ bốc đồng hoặc thay đổi hành vi đột ngột.

+ Mệt mỏi kéo dài, tự làm hại bản thân (đập đầu, tự cào) hoặc có ý định gây hại người khác.

2.3.2. Sử dụng bảng kiểm quan sát các lĩnh vực phát triển của trẻ

Có nhiều công cụ sàng lọc phát triển, sàng lọc dạng khuyết tật chính thức và không chính thức cho các dạng trẻ có nhu cầu đặc biệt khác nhau. Hiện nay trên thế giới có các công cụ phát hiện sàng lọc trẻ tự kỉ chính thức sau:

- Bộ công cụ STAT: Sàng lọc trẻ tự kỉ từ 24-36 tháng
- M-CHAT: Sàng lọc trẻ tự kỉ từ 16-30 tháng
- Bảng hỏi dựa theo tiêu chí

Ngoài các công cụ sàng lọc tự kỉ, còn có các công cụ sàng lọc phát triển để phát hiện sớm các trẻ có nguy cơ dưới đây:

- ASQ-3;
- Bảng kiểm phát triển;

Tùy thuộc mục đích và đối tượng sử dụng để lựa chọn các công cụ sàng lọc chính thức hay không chính thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu thu thập thông tin về các lĩnh vực phát triển của trẻ (0 tiết lý thuyết, 1 tiết thực hành)

Học viên thực hành theo nhóm:

Câu hỏi thực hành

1. Thực hành quan sát và ghi chép, thu thập thông tin về trẻ qua bảng theo dõi các dấu hiệu nguy cơ của trẻ
2. Thực hành sử dụng bảng kiểm phát triển

Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hành

THÔNG TIN PHẢN HỒI

2.3.3. Quan sát và thu thập thông tin về các lĩnh vực phát triển của trẻ

Đánh giá quá trình tiến bộ của trẻ qua quan sát, theo dõi và thu thập các quá trình trẻ hoạt động ở trường. GV cần có hệ thống thông tin để nắm bắt được quá trình phát triển.

Bằng cách quan sát trẻ em khi chúng khám phá, chơi và học, GV có thể biết rằng sự phát triển của trẻ đang ở giai đoạn mong đợi, liệu môi trường và nguồn lực (đồ chơi hoặc thiết bị) có đang kích thích sự phát triển của trẻ hay không và trẻ sẽ cần sự hỗ trợ nào trong tương lai để đáp ứng nhu cầu, sở thích và đạt được, kỹ năng và kiến thức mới.

Cần đánh giá cần bao quát các lĩnh vực phát triển của trẻ với những mức độ nhận thức từ đơn giản đến phức tạp và các mức độ phát triển kỹ năng. Kết quả đánh giá cần được sử dụng để điều chỉnh kế hoạch, mục tiêu tổ chức các hoạt động: Cần làm gì để nâng cao chất lượng học của trẻ thông qua hoạt động.

Cần xem xét, tổng hợp kết quả đánh giá để:

- Xác định những nội dung trong chủ đề nào phù hợp với trẻ; cách nào giúp trẻ học tập vui vẻ hơn; các hoạt động nào giúp trẻ học hiệu quả nhất; hoạt động hôm nay đáp ứng nhu cầu học của trẻ như thế nào.

- Tìm hiểu thay đổi của trẻ sau hoạt động học/ hoạt động chơi: Kỹ năng nào của trẻ mới bắt đầu làm quen hay đang hình thành/phát triển; trẻ học được kỹ năng này bằng cách nào.

- Những yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức/ ngôn ngữ/ vận động... của trẻ trong quá trình hoạt động.

- Coi trọng theo dõi, đánh giá sự phát triển của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua QS hoạt động hằng ngày. Cần chú ý đến các biểu hiện sau:

+ Biểu hiện về xúc cảm, tình cảm hay tâm lý, khả năng thích nghi của trẻ, mức độ tin tưởng của trẻ đối với các cô giáo khi trẻ đến trường...

+ Nhu cầu, khả năng, sở thích của trẻ, cá tính, đặc điểm nổi trội trong quá trình học và chơi ở trường.

Ví dụ sử dụng bảng kiểm về dấu hiệu phát hiện trẻ tự kỉ phân chia theo lĩnh vực

| Lĩnh vực | Các dấu hiệu |
|------------------------|--|
| Trong tương tác xã hội | - Ít hoặc không đáp ứng qua lại về xã hội - Ít hoặc không chơi các trò chơi qua lại, đóng vai - Ít hoặc không đòi hỏi sự chú ý - Ít hoặc không bắt chước hành động của người khác - Ít hoặc không hứng thú chơi với bạn cùng độ tuổi |

| | |
|-----------------|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Ít hoặc không chơi trò chơi đúng chức năng, chơi tưởng tượng, chơi đóng vai |
| Trong giao tiếp | <ul style="list-style-type: none"> - Ít hoặc không giao tiếp để hướng sự chú ý của người khác; - Ít hoặc không sử dụng cử chỉ, điệu bộ nét mặt để giao tiếp - Ít hoặc không/né tránh tương tác mắt mắt - Đáp ứng với âm thanh hoặc tên gọi không nhất quán - Ít hoặc không sử dụng ngón trỏ để chỉ tay |
| Về khả năng nói | <ul style="list-style-type: none"> - Có trẻ chậm nói/không sử dụng ngôn ngữ lời nói để giao tiếp - Không bi bô, chỉ tay hay cử chỉ nào khác ở tháng thứ 12 - Không nói từ đơn lúc 16 tháng; - Không nói câu có 2 từ đơn ở 24 tháng - Ngôn ngữ phát triển chậm hoặc bất thường: - Đã có ngôn ngữ nhưng sau đó bị mất đi - Hay nhại lời, lặp lại câu hỏi hay lời người khác nói |

Hoạt động 2.4. Xác định khả năng, nhu cầu và sở thích của trẻ (1 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành)

| |
|--|
| <p>Học viên thảo luận trong nhóm:</p> <p><i>Câu hỏi thảo luận nhóm</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thầy/cô thường xác định được khả năng nhu cầu của trẻ theo cách nào? 2. Vì sao phải quan tâm đến sở thích, phong cách học của trẻ? Điều này giúp ích gì cho giáo viên thiết kế mục tiêu, kế hoạch giáo dục và xây dựng môi trường đảm bảo sự hòa nhập hiệu quả 3. Mô tả một số trẻ mà theo thầy cô có nhu cầu giáo dục riêng cần hỗ trợ thêm? Ghi lại những phương pháp, cách thức thầy cô tìm hiểu nhu cầu này của trẻ. <p><i>Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận</i></p> |
|--|

THÔNG TIN PHẢN HỒI

2.4. Xác định khả năng, nhu cầu và sở thích của trẻ

2.4.1. Khả năng (mức độ phát triển thể chất, ngôn ngữ, tình cảm- kỹ năng xã hội, thẩm mỹ)

Việc xác định đặc điểm phát triển của trẻ được thực hiện thông qua phiếu khảo sát nhu cầu và năng lực, tập trung vào các *nội dung* chính:

- *Phát triển thể chất và vận động*: tình trạng thể chất, chiều cao, cân nặng, các giác quan; kỹ năng vận động thô (đi, chạy, nhảy, giữ thăng bằng...) và vận động tinh (cầm, nắm, thao tác đồ vật, tiền kỹ năng viết).

- *Phát triển ngôn ngữ*: vốn từ, khả năng nghe hiểu, khả năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ nói hoặc cử chỉ trong giao tiếp. Trẻ có bị tật ngôn ngữ không? Các biểu hiện thể hiện qua việc trẻ chú ý tới âm thanh và hình ảnh; giao tiếp thông qua âm thanh và vận động; sử dụng âm thanh và cử chỉ, điệu bộ để tương tác, việc gọi tên đồ vật, sự vật; giao tiếp xã hội với bạn và người khác, việc tạo âm, từ, câu.

- *Giao tiếp – xã hội*: Khả năng tương tác giữa trẻ và sự vật ở những tình huống khác nhau, phản hồi với những sinh hoạt xã hội hàng ngày, giao tiếp với bạn và người lớn, chơi với bạn và người lớn, tương tác với môi trường, hiểu bản thân và người khác. Thái độ của trẻ trong giao tiếp với mọi người.

- *Khả năng nhận thức*: Nhận thức cảm tính (tri giác) lí tính (tư duy, tưởng tượng), trí nhớ; khả năng tham gia các hoạt động, áp dụng các kĩ năng đã được hướng dẫn vào thực tiễn cuộc sống hàng ngày của trẻ. Các biểu hiện như phản hồi với kích thích từ môi trường; biết tên đồ vật và con người; thực hiện hành động để đạt kết quả mong muốn; giải quyết vấn đề; nhóm và phân loại đồ vật; hiểu khái niệm; nắm trình tự; kĩ năng chơi; tiền toán và tiền đọc.

- *Khả năng tự phục vụ bản thân*: Ăn uống, vệ sinh, mặc và cởi quần áo; khả năng tham gia công việc trong gia đình; kĩ năng sống cùng mọi người trong gia đình, nhà trường, nơi công cộng.

2.4.2. Nhu cầu (giác quan, tâm lí, hành vi)

- *Khả năng chú ý*: Phân phối chú ý, khối lượng chú ý, sự di chuyển chú ý, tính ổn định của chú ý trong học tập, vui chơi cùng bạn bè.

- *Hành vi, tính cách*: Hăng hái hay thờ ơ/lãnh đạm; ưu tư hay nóng nảy, bình thản; khả năng tự điều chỉnh hành vi.

- *Môi trường phát triển*:

+ Gia đình: điều kiện sống, trình độ nhận thức của phụ huynh, thái độ và đối xử của mọi người trong gia đình với trẻ.

+ Nhà trường: điều kiện học tập và sinh hoạt, sự quan tâm chăm sóc của nhà trường, thái độ của giáo viên và trẻ bình thường đối với trẻ khuyết tật học hoà nhập.

+ Cộng đồng: thái độ và mức độ quan tâm của các tổ chức xã hội (chính quyền, đoàn thể, bạn bè, cộng đồng) đối với trẻ và gia đình trẻ.

2.4.3. Sở thích (đồ chơi, hoạt động, phong cách học tập)

Hoạt động yêu thích là những hoạt động trẻ “tự tin” và “thích thú” nhất, nên nó cho thấy cả điểm mạnh lẫn nhu cầu được hỗ trợ.

Trẻ thích trò chơi trí tuệ (đố vui, ghép số, ghép hình, câu đố) có nhu cầu được thách thức tư duy, nhưng có thể cần giáo viên hỗ trợ ngôn ngữ giải thích, điều chỉnh tốc độ cho phù hợp với vùng phát triển gần.

Trẻ thích hoạt động tạo hình, vẽ, nặn, xếp hình thường có nhu cầu được phát triển tính kiên nhẫn, khéo léo, khả năng tưởng tượng, nhưng có thể cần hỗ trợ thêm về ngôn ngữ miêu tả sản phẩm, chia sẻ ý tưởng.

Qua quan sát các hoạt động yêu thích của trẻ, giáo viên có thể thiết kế kịch bản hoạt động giáo dục vừa “đúng mong muốn” của trẻ, vừa có yếu tố mở rộng để phát triển vùng phát triển gần.

2.4.4. Phong cách học tập của trẻ

Phong cách học tập của trẻ mầm non thường thể hiện qua cách trẻ tiếp cận đồ chơi và hoạt động. Bao gồm:

- Phong cách trẻ học bằng làm/thao tác: thích tự tay cầm, lắp, gỡ, thử trước khi hỏi, cần nhiều cơ hội trải nghiệm trực tiếp, sử dụng đồ chơi thực tế, chơi có chủ đích.

- Phong cách trẻ học bằng quan sát/thị giác: đứng xem bạn chơi, xem cô làm, rồi mới bắt chước; có nhu cầu mô hình mẫu, lời nói rõ ràng, mô tả từng bước, học qua hình ảnh, sơ đồ.

- Phong cách trẻ “học bằng thính giác”: thích nghe, kể, kể lại câu chuyện, đóng vai nhân vật; có thể phát triển tốt khi kết hợp kể chuyện, kịch bản trò chơi, đặt câu hỏi mở.

Hiểu phong cách học tập giúp giáo viên chọn phương pháp dạy phù hợp (hướng dẫn mẫu – để trẻ làm; cho trẻ khám phá rồi chốt lại; kết hợp kể chuyện với hoạt động) và điều chỉnh tốc độ, độ khó, cách hỗ trợ cho từng trẻ.

GV có thể theo dõi sở thích và thiết kế hoạt động theo sở thích của trẻ bằng cách:

- Lập bảng “bản đồ sở thích” cho từng trẻ: ghi nhanh 3–5 đồ chơi/hoạt động trẻ thường chọn, phong cách trẻ học (thích quan sát, thích làm thử, thích kể chuyện...).

- Thiết kế hoạt động giáo dục dựa trên sở thích: mỗi chủ đề (thực vật, gia đình, nghề nghiệp...) nên có ít nhất 1–2 hoạt động cho từng nhóm trẻ theo sở thích.

- Điều chỉnh hỗ trợ cá biệt từng trẻ: tăng tương tác, giải thích rõ cho nhóm “quan sát”; tăng thách thức, đặt câu hỏi mở cho nhóm “học bằng làm và thao tác”.

Hoạt động 2.4. Xác định khả năng, nhu cầu và sở thích của trẻ

- **Thực hành xác định khả năng, nhu cầu, sở thích, phong cách học của trẻ**
(0 tiết lý thuyết, 1 tiết thực hành)

Học viên thảo luận và thực hành nhiệm vụ theo nhóm:

Nội dung thực hành:

- 1) Thực hành mô tả khả năng, nhu cầu, sở thích, phong cách học của các trường hợp trẻ với nhu cầu khác nhau. Lập bảng thông tin thu thập được về trẻ.

Đại diện thành viên báo cáo kết quả

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Có thể tham khảo mẫu theo dõi sở thích của từng trẻ:

Mẫu 1: Sổ theo dõi sở thích theo từng trẻ

Họ tên trẻ:

Ngày sinh:

Lớp/độ tuổi:

Thời gian theo dõi: từ/..... đến/.....

Bảng ghi chép sở thích hoạt động (tuần 1 – 4)

| Thứ/ngày | Hoạt động/góc chơi trẻ thường chọn | Thời gian (phút) | Mức độ hứng thú (✓) | Ghi chú ngắn (1–2 câu) |
|-----------------|------------------------------------|------------------|---|--|
| Thứ..., ngày... | Góc gia đình | 15–20 | <input checked="" type="checkbox"/> Rất thích | Chọn vai mẹ, chia đồ ăn cho 2–3 bạn, chơi kỹ năng xã hội tốt. |
| Thứ..., ngày... | Góc xây dựng/lắp ráp | 10–15 | <input checked="" type="checkbox"/> | Thích xếp block, xếp đúng mẫu, ít cần cô giúp. |
| Thứ..., ngày... | Vận động ngoài trời | 20 | <input checked="" type="checkbox"/> | Thích chạy xe, không thích chơi nhà, ít tham gia ngồi nghe cô. |
| | | | | |

Ký hiệu mức độ hứng thú:

- Rất thích, chọn nhiều lần, chơi lâu, chủ động.
- Tỉnh thoảng chọn, chơi tầm trung, cần gợi ý.
- — Ít chọn, không thích, không tham gia.

Mẫu 2. Thiết kế bảng hoặc mẫu ghi chép

Dùng bảng theo dõi cho cả lớp, với các cột:

| STT | Họ tên | Hoạt động trẻ thường chọn (góc chơi, đồ chơi) | Mức độ thường xuyên (thường, đôi khi, ít).

Ghi chú ngắn (2–3 câu): K thường chọn góc gia đình, rất thích vai mẹ, chơi lâu (15–20 phút), thích chia đồ ăn cho bạn

- Quan sát trong giờ chơi: ghi tên góc chơi, thời gian ở góc, số lần trẻ chọn góc/loại đồ chơi đó trong tuần. Ví dụ: “Trẻ chọn bộ xếp hình, ngồi xếp 10 phút, xếp đúng mẫu 3 lần, nhờ cô giúp khi gặp khó.

Hoạt động 2.5 Lập kế hoạch và thực hiện đáp ứng nhu cầu của trẻ (1 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành)

| |
|---|
| <p>Học viên thảo luận trong nhóm: <i>Câu hỏi thảo luận nhóm:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thầy cô thường xác định mục tiêu và lập kế hoạch và thực hiện đáp ứng nhu cầu trẻ dựa vào căn cứ nào ? 2. Bằng cách nào, giáo viên phối hợp với phụ huynh trong thực hiện đáp ứng nhu cầu của trẻ? 3. Vì sao cần hỗ trợ và thảo luận về mục tiêu đáp ứng nhu cầu của trẻ với gia đình? - Đại diện nhóm trình bày kết quả |
|---|

THÔNG TIN PHẢN HỒI

2.5. Lập kế hoạch và thực hiện đáp ứng nhu cầu của trẻ

2.5.1. Xác lập bảng và hồ sơ năng lực của trẻ

Kết quả tìm hiểu khả năng và nhu cầu của trẻ được tóm tắt vào bảng sau:

| Nội dung tìm hiểu | Khả năng | Nhu cầu cần đáp ứng |
|--|----------|---------------------|
| <p><i>Vận động tinh:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vói, nắm, thả đồ vật 2. Thao tác các đồ vật 3. Kỹ năng tiên đọc, tiên viết | | |
| <p><i>Vận động thô:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cử động / chuyển động các bộ phận cơ thể 2. Thăng bằng 3. Phối hợp hành động khi di chuyển 4. Kỹ năng chơi | | |
| <p><i>Tự phục vụ và thích ứng:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ăn uống 2. Vệ sinh 3. Mặc và cởi quần áo | | |

| Nội dung tìm hiểu | Khả năng | Nhu cầu cần đáp ứng |
|---|----------|---------------------|
| <p><i>Nhận thức:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phản hồi với kích thích từ môi trường 2. Hiểu tính bất biến của đồ vật và con người 3. Thực hiện hành động để đạt được kết quả 4. Giải quyết vấn đề 5. Nhóm đồ vật 6. Tương tác với đồ vật 7. Hiểu các khái niệm 8. Phân loại đồ vật 9. Trình tự 10. Chơi 11. Tiền toán 12. Tiền đọc | | |
| <p><i>Ngôn ngữ:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chú ý tới âm thanh và hình ảnh 2. Giao tiếp thông qua âm thanh và vận động 3. Sử dụng âm thanh và cử chỉ, điệu bộ để tương tác 4. Sử dụng âm thanh và cử chỉ, điệu bộ để biểu đạt 5. Gọi tên đồ vật, sự vật 6. Tạo ra từ, cụm từ, câu | | |
| <p><i>Kỹ năng xã hội:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tương tác giữa người và sự vật ở những tình huống khác nhau 2. Phản hồi với những sinh hoạt xã hội hàng ngày 3. Giao tiếp với bạn và người lớn 4. Chơi với bạn và người lớn 5. Tương tác với môi trường 6. Hiểu bản thân và người khác | | |

Lưu ý khi trình bày thông tin rút ra từ phiếu khảo sát:

- + Thông tin mang tính cụ thể.
- + Thông tin chú trọng vào thể hiện điểm mạnh, hứng thú và cách tham gia hoạt động của trẻ.

+ Thông tin mang tính tích cực. Ví dụ: Cách ghi: “Trẻ có khả năng đếm xuôi được từ 1 đến 5 có sử dụng đồ dùng trực quan.” sẽ mang tính tích cực hơn với cách ghi: “Trẻ chỉ đếm được từ 1 đến 5 khi có đồ dùng trực quan.” hoặc: “Trẻ không đếm được từ 1 đến 5 nếu không dùng đồ dùng trực quan.”

+ Ghi rõ thời điểm đánh giá trẻ và kết luận rút ra từ phiếu khảo sát.

2.5.2. Thiết kế mục tiêu giáo dục

Mục tiêu giáo dục cho trẻ mầm non phải dựa trên:

- Khả năng hiện tại: trẻ đã làm được gì trong các lĩnh vực thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, xã hội – tình cảm, thẩm mỹ.

- Nhu cầu phát triển: vùng phát triển gần (theo Vygotsky) – những việc trẻ chưa làm được nhưng có thể làm được với sự hỗ trợ.

- Sở thích và phong cách học: ưu tiên hoạt động mà trẻ thích, học tốt nhất (học bằng làm, bằng quan sát, bằng kể chuyện...), để mục tiêu sát với “điểm mạnh” của trẻ.

Cách xác định mục tiêu theo nhóm đặc điểm của trẻ:

- Theo khả năng hiện tại: Ví dụ, Sau đánh giá, đối với cùng nội dung ví dụ: “hình thành biểu tượng số lượng”:

+ Trẻ mạnh về đếm 1–1, nhận mặt số → mục tiêu nâng cao là: “Đếm nghe, đếm nhẩm 1–10, biết nối số với nhóm đồ vật, xếp số 1–10 đúng thứ tự.”

+ Trẻ còn đếm sai, nhảy số → mục tiêu cơ bản: “Đếm 1–1 đúng 6–8 đồ vật trên mặt bàn, nói rõ số lượng (“5 cái”); phân biệt nhóm 5 và nhóm 3 đồ vật: nhóm nào nhiều hơn?”

- Theo nhu cầu và khó khăn:

Trẻ quá hiếu động, ít tham gia hoạt động yên tĩnh: “Ngồi yên 10–12 phút trong hoạt động tập trung, tham gia trả lời 2–3 câu hỏi đơn giản về số lượng.”

Trẻ nhút nhát, ít nói: “Nói to, rõ ít nhất 2 lần khi trả lời câu hỏi về số lượng (bằng 1–2 câu)” và “tự tin chia sẻ kết quả sắp xếp số với cô hoặc 1–2 bạn.”

Có thể sử dụng hiểu biết về sở thích để “đặt mục tiêu mềm” hơn, dễ đạt:

Trẻ thích vận động: “Đếm 6–8 bước chân, 6–8 vòng chơi, phân biệt nhóm 5–6 bạn đang chơi và nhóm 2–3 bạn đang chơi.”

Trẻ thích góc gia đình: “Đếm số bát, số muỗng, số ghế trong gia đình đồ chơi; nói rõ nhóm nào có nhiều hơn, ít hơn.”

Trẻ thích xếp hình, lắp ráp: “Xếp số 3–5 theo thứ tự, phân loại toa xe theo số 1–3, xếp đúng số 3–4 khối vào 3–4 ô có số.”

- Theo phong cách học.

Xác định mục tiêu phù hợp với cách trẻ học tốt nhất:

Trẻ “học bằng làm” /hoạt động trải nghiệm: “*Tự sắp xếp 6–8 khối đúng nhóm số, đếm 1–1 rồi nói lại số lượng.*”

Trẻ “học bằng quan sát”: “*Xem cô và bạn mình họa, sau đó làm theo ít nhất 2 lần với nhóm 5–6 đồ vật và nói đúng số lượng.*”

Trẻ “học bằng nghe/qua kể chuyện, đóng vai”: “*Nghe câu chuyện về gia đình 5 người, trả lời 1–2 câu hỏi về số lượng người, số đồ dùng trong nhà.*”

Có thể thống nhất một cấu trúc ngắn gọn: *Một mục tiêu = 1 câu, gồm 3 phần: Hành động (trẻ làm gì); Nội dung (liên quan đến số lượng, hình dạng, chữ, v.v.), Mức độ (số lần, số lượng, thời gian, mức độ độc lập).*

Tham khảo các ví dụ mẫu sau:

- “Đếm 1–1 đúng 6–8 đồ vật trong 10 phút, nói rõ số lượng (ít nhất 3 lần) trong giờ chơi đồ chơi yêu thích.”
- “Xếp đúng thứ tự số 1–5 ít nhất 2 lần/tuần, với 2–3 lần hỗ trợ nhẹ từ cô.”
- “Tham gia trò chơi đếm bước chân hoặc đếm bạn chơi 10–12 phút, trả lời 2 câu hỏi đơn giản về số lượng (bằng lời hoặc chỉ tay).”

2.5.3. Hỗ trợ và thảo luận về mục tiêu đáp ứng nhu cầu của trẻ với gia đình

Trong chu trình theo dõi – đánh giá – đáp ứng nhu cầu của trẻ mầm non, mục tiêu giáo dục không chỉ do giáo viên đặt ra mà phải được hình thành, điều chỉnh và thực hiện cùng với gia đình. Việc hỗ trợ và thảo luận về mục tiêu với phụ huynh chính là bước nối liền giữa thông tin quan sát trong lớp với thực tế sinh hoạt ở nhà, giúp chu trình trở nên liên tục, thống nhất, nhân văn và phù hợp với từng trẻ.

Mục tiêu được đặt không phải là mục tiêu mang tính chung chung của chương trình, mà là mục tiêu cá nhân hóa cho từng trẻ, được gia đình – nhà trường cùng nhận thức, đồng thuận, và cam kết thực hiện. Để cuộc thảo luận có hiệu quả, giáo viên cần hỗ trợ cha mẹ trẻ trước khi trao đổi mục tiêu, bằng cách:

- Giải thích đơn giản, dễ hiểu về mục tiêu, tránh dùng quá nhiều thuật ngữ chuyên môn. Ví dụ: không nói “hình thành biểu tượng số lượng trong vùng phát triển gần”, mà nói “giúp con đếm đúng số đồ vật, nhận biết được nhóm nào nhiều, nhóm nào ít hơn, bằng cách chơi với đồ gia đình, xe hơi, hoặc xếp hình”.

- Chỉ ra hành vi cụ thể mà trẻ cần đạt đến, ví dụ: “Trẻ ngồi yên 10 phút trong hoạt động chung; tham gia 2–3 lần trả lời câu hỏi; Trẻ tập đếm 1–1 đúng 6–8 đồ vật trong giờ chơi yêu thích.”

Minh họa bằng hình ảnh, ghi chép, sổ theo dõi: Để cha mẹ trẻ xem 2–3 nhật ký quan sát, một vài hình/video ngắn, giúp cha mẹ thấy: Trẻ đang làm gì, làm như thế nào, tiến bộ hay tồn tại những khó khăn gì. Việc hỗ trợ này giúp phụ huynh không cảm thấy đang bị đánh giá mà là được đồng hành, chia sẻ thông tin để cùng tìm hướng giải quyết.

Buổi trao đổi (hoặc các buổi tiếp xúc ngắn, ghi chép trong sổ, trao đổi qua ứng dụng) nên có các nội dung cốt lõi:

- Chia sẻ thông tin về trẻ: Giáo viên trình bày: Điểm mạnh (ví dụ: trẻ rất thích góc gia đình, thích vận động, có khả năng nói mạch lạc...); Khó khăn (ví dụ: khó ngồi yên, chưa đếm đúng số lượng, ít tham gia chơi nhóm...); Sở thích, phong cách học (học bằng làm, bằng quan sát, bằng kể chuyện...).

- Trình bày mục tiêu đáp ứng nhu cầu: Giải thích rõ từng mục tiêu: “Vì sao cần mục tiêu này?” (ví dụ: chuẩn bị cho trẻ 5–6 tuổi chuyển tiếp lên lớp lớn hơn, rèn kỹ năng tập trung, phát triển nhận thức – số lượng, hỗ trợ trẻ nhút nhát mạnh dạn hơn...). “Mục tiêu cụ thể là gì?” (hành vi, nội dung, mức độ, thời gian).

- Mời gia đình nêu ý kiến, đề xuất, điều chỉnh: GV có thể hỏi: “Mục tiêu này có phù hợp với cháu và điều kiện gia đình không? gia đình có thể hỗ trợ như thế nào? Có điều gì cần giảm mức độ, tăng thời gian, hoặc thay đổi hình thức không?”.

- Ghi nhận và ghi chú lại: Gia đình có đồng ý, phản đối, hay đề xuất điều chỉnh nào (ví dụ: “Không thể mỗi ngày, nhưng có thể 3 buổi/tuần...”).

Hoạt động 2.5. Lập kế hoạch và thực hiện đáp ứng nhu cầu của trẻ

- **Thực hành thiết kế mục tiêu và đáp ứng nhu cầu của trẻ** (0 tiết lý thuyết, 1 tiết thực hành)

Học viên thực hành các nhiệm vụ theo nhóm:

Câu hỏi thực hành

1. Thực hành xác định mục tiêu, cách thức đáp ứng nhu cầu của trẻ.
2. Thực hành Hỗ trợ và thảo luận về mục tiêu đáp ứng nhu cầu của trẻ với gia đình.

Đại diện nhóm lên trình bày.

Nội dung 3. Điều chỉnh và hỗ trợ trẻ trong lớp học mầm non (02 tiết lý thuyết, 04 tiết thực hành)

Hoạt động 3.1. Tìm hiểu về áp dụng thiết kế phổ quát (0,5 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành))

Học viên thảo luận trong nhóm:

- Câu hỏi thảo luận nhóm:

1. Theo thầy/cô, vì sao trong lớp mầm non hòa nhập không thể dạy theo “một cách chung cho tất cả trẻ”?
2. Thầy cô đã nghe nói đến UDL chưa? Theo thầy cô giúp giải quyết những khó khăn gì mà giáo viên thường gặp trong lớp học hòa nhập? cho ví dụ minh họa?

Đại diện nhóm trình bày

THÔNG TIN PHẢN HỒI

3.1. Áp dụng thiết kế phổ quát (UDL)

Trong lớp học mầm non hòa nhập, trẻ em có sự khác biệt rõ rệt về khả năng, nhu cầu, hứng thú, tốc độ phát triển và cách tham gia hoạt động. Vì vậy, nếu giáo viên chỉ thiết kế môi trường, nội dung và phương pháp dạy học cho các trẻ phát triển điển hình, thì một số trẻ sẽ gặp rào cản trong tiếp cận, tham gia và thể hiện kết quả học tập.

Tiếp cận Thiết kế phổ quát trong học tập (Universal Design for Learning – UDL) giúp giáo viên thiết kế hoạt động giáo dục ngay từ đầu theo hướng linh hoạt và đa dạng, để phù hợp với nhiều đối tượng trẻ, thay vì chỉ điều chỉnh khi trẻ đã gặp khó khăn. Nhờ đó, mọi trẻ, bao gồm cả trẻ khuyết tật và trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt, đều có cơ hội tham gia và học tập phù hợp trong lớp mầm non.

UDL là không nhằm thiết kế cho “một kiểu trẻ”, mà thiết kế để đáp ứng cho sự đa dạng của tất cả trẻ trong lớp. Giáo viên cần dự kiến trước những khó khăn có thể xảy ra và chuẩn bị sẵn các hình thức hỗ trợ ngay trong quá trình thiết kế hoạt động.

Trong thực tế, UDL được thể hiện qua các thành tố của quá trình dạy học như: thiết kế môi trường lớp học, xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và đánh giá. Các thành tố này cần được xây dựng một cách liên kết, nhằm giúp mọi trẻ dễ tiếp cận, dễ tham gia và có nhiều cách thể hiện khả năng của mình.

3.1.1. Thiết kế môi trường lớp học

Môi trường lớp học theo tiếp cận UDL là môi trường an toàn, thuận lợi và phù hợp với khả năng của trẻ, để mọi trẻ đều có thể tham gia vào các hoạt động giáo dục. Điều này đòi hỏi giáo viên phải chú ý đến khả năng, nhu cầu của trẻ về vận động, nhận thức, giao tiếp, cảm xúc và mức độ sẵn sàng tham gia.

Một môi trường phù hợp không chỉ là môi trường sạch, đẹp hoặc đầy đủ đồ dùng, mà điều quan trọng là phải phải giảm được rào cản và tăng cơ hội tham gia cho tất cả trẻ. Khi thiết kế môi trường lớp học giáo viên cần chú ý vào những nội dung sau:

3.1.1.1. Không gian lớp học

Sắp xếp không gian lớp học bảo đảm: mọi trẻ được di chuyển an toàn, dễ tiếp cận, hiểu hoạt động và tham gia phù hợp với khả năng. Không gian lớp học cần được tổ chức như một công cụ hỗ trợ trực tiếp cho việc học tập và tham gia của trẻ.

Lớp học được bố trí thành các khu vực hoạt động rõ ràng (chơi, học tập, hoạt động nhóm, góc sách, góc thư giãn). Các khu vực được phân định bằng các phương tiện trực quan đơn giản (thảm, kệ thấp, ký hiệu, màu sắc) để trẻ dễ nhận biết và định hướng. Mỗi khu vực cần có chức năng cụ thể, tránh chồng chéo, giúp trẻ hiểu mình đang làm gì và cần làm gì.

Không gian phải đảm bảo an toàn và khả năng tiếp cận: lối đi thông thoáng, hạn chế vật cản; khoảng cách giữa các khu vực phù hợp; đồ dùng, học liệu đặt trong tầm với để trẻ có thể tự lấy và sử dụng. Trẻ có nhu cầu đặc biệt cần được bố trí vị trí phù hợp, thuận tiện quan sát và hỗ trợ, đồng thời vẫn tham gia cùng các hoạt động chung.

Việc phân bổ diện tích các khu vực cần hợp lý, tránh quá chật hoặc quá rộng; xác định số lượng trẻ phù hợp tại mỗi khu vực để đảm bảo hiệu quả hoạt động và hạn chế quá tải.

Không gian lớp học cần được tổ chức theo hướng giảm nhiễu - tăng tập trung: chỉ trưng bày học liệu phục vụ hoạt động, hạn chế các yếu tố không cần thiết gây phân tán chú ý. Hệ thống ký hiệu, nhãn trong lớp phải rõ ràng, thống nhất, kết hợp chữ và hình ảnh, đặt ở vị trí trẻ dễ quan sát.

Cần bố trí góc thư giãn - bình tĩnh tại vị trí yên tĩnh, ít kích thích, với một số vật dụng đơn giản, an toàn để hỗ trợ trẻ điều chỉnh cảm xúc khi cần thiết. Đây là không gian hỗ trợ, không mang tính kỷ luật hay tách biệt.

3.1.1.2. Đồ dùng và đồ chơi

Đồ dùng, đồ chơi trong lớp học mầm non cần đa dạng về hình thức và cách sử dụng. Giáo viên nên chuẩn bị nhiều loại như tranh ảnh, đồ vật thật, mô hình, đồ chơi thao tác, học liệu xúc giác, thẻ hình, vật liệu thiên nhiên hoặc các đồ dùng quen thuộc trong đời sống hằng ngày. Cùng một nội dung, trẻ nên được tiếp cận qua nhiều cách khác nhau như nhìn, nghe, sờ, thao tác hoặc trải nghiệm trực tiếp.

Đồ chơi được sắp xếp khoa học, phân loại rõ ràng theo khu vực; sử dụng nhãn dán kết hợp hình ảnh và chữ viết để trẻ dễ nhận biết, tự lấy và tự cất. Học liệu đặt trong tầm với, bảo đảm mọi trẻ đều có thể tiếp cận và sử dụng.


Việc bố trí cần theo nguyên tắc “vừa đủ”, phù hợp với mục tiêu hoạt động; hạn chế bày biện quá nhiều gây phân tán chú ý. Đồ chơi được luân chuyển, thay đổi theo nội dung giáo dục để duy trì hứng thú.

Trong cùng một hoạt động, cần có nhiều mức độ khác nhau (từ đơn giản đến nâng cao) để đáp ứng khả năng khác nhau của trẻ. Hình thức, kích thước, chất liệu đồ chơi cần thuận tiện cho thao tác, an toàn và phù hợp với đặc điểm phát triển.

Tùy nhu cầu, bổ sung một số thiết bị hỗ trợ điều hòa cảm giác (tai nghe chống ồn, đồ chơi cảm giác, vật liệu mềm...) để giúp trẻ ổn định trạng thái và duy trì tham gia.

Bên cạnh việc chuẩn bị đồ dùng, đồ chơi đa dạng cho tất cả trẻ, giáo viên cần chủ động bổ sung học liệu phù hợp với từng nhóm trẻ trong lớp hòa nhập, nhằm giảm rào cản và tạo điều kiện cho trẻ tham gia hiệu quả hơn.

| | |
|---|---|
|  | <p>Đối với trẻ có khó khăn về nhìn</p> <p>Giáo viên nên ưu tiên các học liệu có tính xúc giác và âm thanh. Cụ thể, có thể sử dụng đồ vật thật, mô hình nổi, tranh có đường viền rõ, thẻ hình có bề mặt sần hoặc ký hiệu nổi, sách vải, sách nổi, đồ chơi phát ra âm thanh hoặc có phản hồi khi thao tác. Đồ dùng cần có kích thước đủ lớn, màu sắc tương phản cao (đối với trẻ còn thị lực), đồng thời được sắp xếp có định để trẻ dễ định hướng và ghi nhớ vị trí.</p> |
|  | <p>Đối với trẻ có khó khăn về giao tiếp/ngôn ngữ</p> <p>Cần tăng cường học liệu trực quan và hỗ trợ giao tiếp. Có thể chuẩn bị thẻ tranh, bảng ký hiệu, hình ảnh minh họa các hoạt động, bảng lựa chọn (choice board), lịch trình bằng hình ảnh. Ngoài ra, nên sử dụng gương để trẻ quan sát khẩu hình, đồ chơi hỗ trợ bắt chước hành động, cũng như các tài liệu giúp trẻ giao tiếp thay thế như thẻ chỉ, tranh giao tiếp. Khi hướng dẫn, cần kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ và hình ảnh để trẻ dễ hiểu.</p> |
|  | <p>Đối với trẻ em dân tộc thiểu số hạn chế tiếng Việt</p> <p>Chú trọng các học liệu giúp giảm phụ thuộc vào ngôn ngữ. Giáo viên sử dụng nhiều tranh ảnh rõ ràng, vật thật, video ngắn, trò chơi hành động và các tình huống trải nghiệm. Có thể bổ sung thẻ từ kèm hình ảnh, bảng từ đơn giản, hoặc sử dụng một số từ quen thuộc bằng tiếng</p> |

| | |
|---|--|
| | <p>mẹ đẻ (nếu có thể) để hỗ trợ bước đầu. Ưu tiên cho trẻ quan sát, chỉ và làm mẫu trước khi yêu cầu trẻ nói</p> |
|  | <p>Đối với trẻ thể lực yếu hoặc nghỉ học dài ngày</p> <p>Giáo viên chuẩn bị các đồ chơi nhẹ, dễ thao tác và linh hoạt về cách tham gia. Ví dụ, tranh rời, thẻ hình, đồ chơi cầm tay nhỏ, hoạt động bàn thay vì vận động mạnh. Có thể bố trí góc hoạt động yên tĩnh, giảm kích thích, cho phép trẻ tham gia trong thời gian ngắn và nghỉ ngơi xen kẽ. Ngoài ra, cần có một số hoạt động đơn giản để trẻ dễ dàng quay lại nhịp học tập sau thời gian gián đoạn.</p> |

3.1.1.3. Bầu không khí lớp học

Bầu không khí lớp học là yếu tố nền tảng ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ tham gia và sự phát triển của trẻ trong môi trường giáo dục mầm non hòa nhập. Trẻ sẽ thể hiện tốt nhất khi cảm thấy an toàn, được chào đón, được tôn trọng và được khuyến khích tham gia vào các hoạt động.

Giáo viên cần chú ý xây dựng môi trường cảm xúc tích cực thông qua việc sử dụng linh hoạt các hình thức khích lệ như lời khen, cử chỉ, điệu bộ hoặc phần thưởng phù hợp. Việc ghi nhận nỗ lực của trẻ, kể cả những tiến bộ nhỏ, có vai trò quan trọng trong việc tạo động lực và củng cố sự tự tin. Bên cạnh đó, giáo viên nên tạo cơ hội cho trẻ được lựa chọn trong một số hoạt động và linh hoạt cho trẻ nghỉ ngắn khi cần, đặc biệt với những trẻ dễ mệt, nhạy cảm hoặc khó duy trì chú ý. Môi trường cảm xúc tích cực giúp trẻ sẵn sàng tham gia và duy trì hứng thú trong học tập.

Bầu không khí lớp học cần được xây dựng trên các nguyên tắc: an toàn - tôn trọng - khích lệ - không phán xét. Mọi trẻ đều cần được tạo điều kiện để tham gia, giao tiếp và thể hiện bản thân mà không lo bị so sánh hoặc đánh giá tiêu cực.

Trong giao tiếp hằng ngày, giáo viên sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, ngắn gọn, phù hợp với khả năng của trẻ; duy trì giọng nói ổn định, thái độ thân thiện, kiên nhẫn và nhất quán. Cách giao tiếp cần giúp trẻ dễ hiểu, dễ phản hồi và cảm thấy được tôn trọng. Đối với trẻ có khó khăn trong giao tiếp hoặc nhút nhát, giáo viên cần tăng thời gian chờ, sử dụng hỗ trợ phù hợp (tranh, cử chỉ, gợi ý), khích lệ kịp thời khi trẻ có phản hồi.

Các hành vi chưa phù hợp của trẻ cần được nhìn nhận như một phần của quá trình phát triển, từ đó giáo viên lựa chọn cách hỗ trợ điều chỉnh thay vì phê phán. Lớp học cần duy trì môi trường tôn trọng sự khác biệt, không so sánh giữa các trẻ và không tạo áp lực không cần thiết.

Đối với trẻ khuyết tật, giáo viên cần chủ động tạo cơ hội để trẻ được tham gia và trải nghiệm thành công trong các hoạt động chung của lớp. Đồng thời, trẻ không khuyết tật cũng cần được hướng dẫn để hiểu, chia sẻ và hợp tác với bạn, từ đó hình thành thái độ tích cực đối với sự khác biệt và phát triển các kỹ năng xã hội cần thiết.

Như vậy, bầu không khí lớp học tích cực không chỉ giúp trẻ cảm thấy an toàn về mặt cảm xúc mà còn là điều kiện quan trọng để thực hiện hiệu quả tiếp cận UDL, bảo đảm mọi trẻ đều có cơ hội tham gia, học tập và phát triển.

3.1.3.4. Lịch trình hoạt động

Lịch trình hoạt động trong lớp mầm non không chỉ giúp tổ chức thời gian hợp lý mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo sự ổn định, an toàn và định hướng cho trẻ trong suốt một ngày học. Khi trẻ biết trước các hoạt động sẽ diễn ra, trẻ có thể chuẩn bị tâm thế, chuyển tiếp giữa các hoạt động và tham gia chủ động hơn. Đối với lớp học hòa nhập, lịch trình càng có ý nghĩa đặc biệt. Với trẻ rối loạn phổ tự kỷ, lịch trình rõ ràng và nhất quán giúp giảm lo lắng, hạn chế hành vi không phù hợp và hỗ trợ trẻ tham gia tốt hơn vào các hoạt động. Với trẻ dân tộc thiểu số hoặc trẻ hạn chế ngôn ngữ, lịch trình bằng hình ảnh giúp trẻ dễ hiểu và theo dõi hoạt động mà không phụ thuộc hoàn toàn vào lời nói. Với trẻ dễ mất tập trung hoặc thể lực yếu, lịch trình giúp trẻ dự đoán được thời lượng hoạt động, từ đó duy trì sự tham gia ổn định hơn.



Để lịch trình phát huy hiệu quả, giáo viên khi thiết kế cần theo hướng trực quan, đơn giản và linh hoạt. Cụ thể như sau:

- Bảo đảm sự rõ ràng, nhất quán, trực quan, giúp trẻ hiểu trình tự hoạt động và chủ động tham gia.

- Trực quan hóa bằng hình ảnh/thẻ tranh. Với lớp dành cho trẻ 5 tuổi có thể viết chữ dưới các thẻ tranh để giúp trẻ làm quen với chữ.

- Đặt lịch trình ở vị trí trẻ dễ quan sát, thể hiện rõ thứ tự “trước - sau”.

- Dành thời gian hướng dẫn trẻ sử dụng lịch trình trong sinh hoạt tại lớp học.

- Thông báo trước và chuẩn bị tâm thế cho trẻ bằng lời nói kết hợp hình ảnh khi có sự thay đổi.

3.1.2. Xác định mục tiêu dạy học

Thiết kế mục tiêu dạy học theo UDL không phải là giảm nhẹ hay nâng cao yêu cầu một cách tùy tiện, mà là xác định đúng mục tiêu cốt lõi và tạo ra nhiều con đường để trẻ đạt được mục tiêu đó. Trong lớp học mầm non, việc xác định mục tiêu cần phù hợp với sự đa dạng của trẻ, tránh tình trạng tất cả trẻ đều phải học theo cùng một cách, cùng một nhịp độ và cùng một hình thức thể hiện.

Giáo viên cần xác định rõ mục tiêu cốt lõi dành cho tất cả trẻ, đồng thời thiết kế các mức độ thể hiện khác nhau của cùng một mục tiêu. Cách tiếp cận này có thể hình dung qua sơ đồ hình tháp:

- Tầng đáy (rộng nhất): Tất cả trẻ đều tham gia và đạt được mục tiêu ở mức cơ bản
- Tầng giữa: Đa số trẻ đạt được mục tiêu ở mức phát triển hơn
- Tầng trên (nhỏ nhất): Một số trẻ đạt mức cao hơn, mở rộng hoặc nâng cao

Ví dụ, với mục tiêu “nhận biết màu sắc”:

- Ở mức cơ bản, trẻ có thể nhận ra màu
- Ở mức tiếp theo, trẻ có thể gọi đúng tên màu
- Ở mức cao hơn, trẻ có thể lựa chọn và sử dụng màu phù hợp trong hoạt động



Việc xác định mục tiêu theo nhiều mức độ như vậy giúp giáo viên tránh áp đặt một chuẩn duy nhất cho tất cả trẻ, đồng thời đảm bảo rằng mọi trẻ đều có cơ hội tham gia, đạt được thành công và phát triển từ chính mức xuất phát của mình.

3.1.2. Lựa chọn nội dung dạy học

Trong lớp học mầm non một số trẻ có thể gặp khó khăn trong việc nghe, hiểu và thực hiện theo lời nói vì thế giáo viên cần thiết kế theo hướng “một nội dung – nhiều cách tiếp cận”. Nội dung không chỉ được trình bày, giảng giải bằng lời nói mà cần được thể hiện qua nhiều hình thức khác nhau như tranh ảnh, video, vật thật, mô hình...

Ví dụ, khi dạy về “quả táo”, trẻ có thể xem tranh, cầm quả thật, nghe mô tả, ngửi, sờ và trải nghiệm trực tiếp để cảm nhận.

Việc đa dạng hóa cách tiếp cận nội dung giúp phù hợp với các cách học khác nhau của trẻ, tăng cơ hội thành công và giảm nguy cơ một số trẻ không tham gia được do không hiểu theo cách truyền đạt bằng lời.

3.1.3. Lựa chọn phương pháp dạy học

Khi thiết kế bài học để lựa chọn phương pháp dạy học giáo viên luôn tự đặt câu hỏi cho mình: “*Có bao nhiêu cách để trẻ có thể học được nội dung này?*”. Vì vậy, cùng một nội dung, giáo viên thường phải sử dụng nhiều phương pháp khác nhau như: trực quan, thí nghiệm, trò chơi, đàm thoại và thực hành. Điều này giúp trẻ có nhiều “cơ hội thành công”, mặc dù các em có thể gặp khó khăn về ngôn ngữ, chú ý hoặc nhận thức. Việc sử dụng phương pháp dạy học chỉ hiệu quả khi đi kèm với hỗ trợ theo mức độ (scaffolding). Điều này có nghĩa là giáo viên không chỉ hướng dẫn chung cho cả lớp mà còn chuẩn bị sẵn các mức hỗ trợ khác nhau như: làm mẫu, gợi ý bằng hình ảnh, nhắc bằng lời hoặc hỗ trợ từng bước, sau đó giảm dần khi trẻ đã thực hiện được.

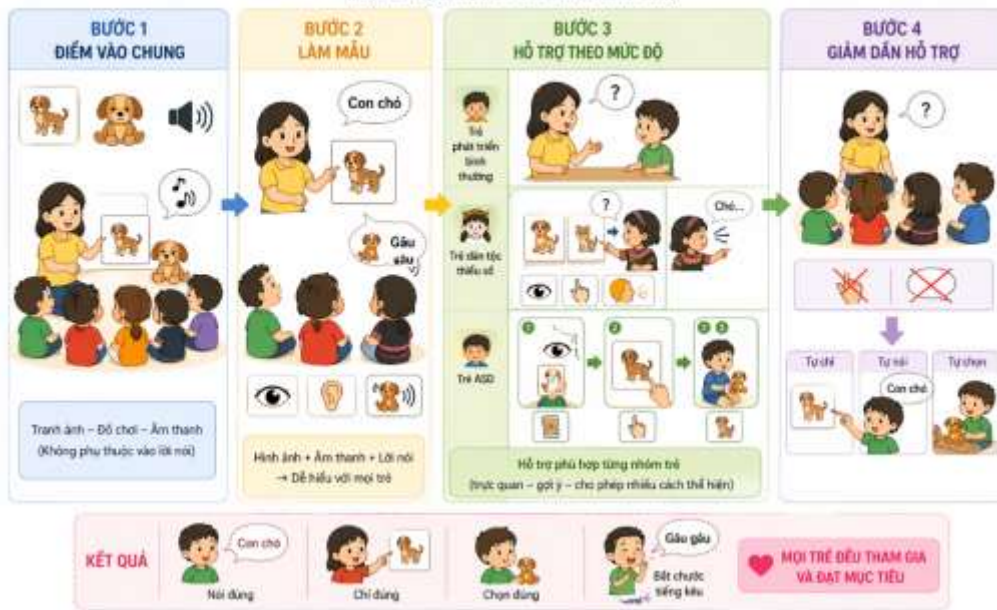
Để sử dụng scaffolding hiệu quả, giáo viên cần dự kiến trước các rào cản mà trẻ có thể gặp và chuẩn bị sẵn cách hỗ trợ phù hợp.

Trong một lớp mẫu giáo có 25 trẻ, trong đó có 5 trẻ là người dân tộc thiểu số còn hạn chế tiếng Việt và 01 trẻ rối loạn phổ tự kỷ (ASD), giáo viên tổ chức hoạt động “Nhận biết và gọi tên con vật”. Mục tiêu chung là trẻ nhận biết được một số con vật quen thuộc như chó, mèo, gà và thể hiện sự hiểu biết bằng nhiều cách khác nhau.

Để bảo đảm tất cả trẻ đều có thể tham gia, giáo viên đã vận dụng hỗ trợ theo mức độ (scaffolding) trong suốt quá trình tổ chức hoạt động, như làm mẫu, sử dụng tranh minh họa, gợi ý bằng cử chỉ hoặc lời nói, và hỗ trợ từng bước khi cần thiết.

CÁCH GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SCAFFOLDING

Hoạt động: Nhận biết con vật (con chó)



Bên cạnh đó, UDL khuyến khích trao quyền lựa chọn cho trẻ trong quá trình học. Trẻ có thể lựa chọn cách tham gia (vẽ, nói, đóng vai, thao tác...), lựa chọn nhiệm vụ hoặc cách thể hiện kết quả. Việc này không chỉ tăng hứng thú mà còn giúp trẻ phát huy thế mạnh cá nhân.

Như vậy, theo tiếp cận UDL giáo viên không dạy theo một cách duy nhất, mà luôn thiết kế nhiều cách dạy, nhiều mức hỗ trợ đáp ứng nhiều cách tham gia để mọi trẻ đều có thể học được trong cùng một hoạt động.

3.1.4. Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học

Giáo viên cần tạo cơ hội để tất cả trẻ đều có thể tham gia theo nhiều cách khác nhau. Thay vì chỉ tổ chức hoạt động cả lớp, giáo viên có thể kết hợp linh hoạt các hình thức như hoạt động nhóm nhỏ, hoạt động cá nhân, góc chơi hoặc hoạt động có lựa chọn.

Ví dụ, trong chủ đề “động vật”, trẻ có thể lựa chọn vẽ con vật, bắt chước tiếng kêu hoặc tham gia đóng vai con vật.

Việc cho phép trẻ lựa chọn cách tham gia phù hợp với sở thích và khả năng không chỉ tăng hứng thú mà còn giúp phát huy thế mạnh của từng trẻ.

3.1.5. Đánh giá sự phát triển của trẻ

Tiếp cận UDL nhấn mạnh việc đánh giá linh hoạt và công bằng, dựa trên sự tiến bộ của từng trẻ thay vì so sánh giữa các trẻ. Giáo viên không nên chỉ đánh giá trẻ thông qua một hình thức duy nhất, đặc biệt là lời nói, mà cần chấp nhận nhiều cách thể hiện khác nhau. Ví dụ, khi đánh giá khả năng nhận biết con vật, trẻ có thể nói tên con vật, chỉ vào tranh hoặc bắt chước tiếng kêu; tất cả các cách này đều có thể phản ánh mức độ

hiểu của trẻ. Việc đa dạng hóa cách đánh giá giúp giáo viên nhìn nhận chính xác hơn khả năng của trẻ và tạo điều kiện để mọi trẻ đều được ghi nhận.

Như vậy, việc vận dụng UDL trong thiết kế dạy học mầm non hòa nhập không làm tăng sự phức tạp mà giúp giáo viên tổ chức hoạt động hiệu quả hơn, do đã tính đến sự đa dạng của trẻ ngay từ đầu. Khi mục tiêu được xác định phù hợp, nội dung đa dạng, phương pháp linh hoạt, hình thức tổ chức phù hợp và đánh giá công bằng, mọi trẻ đều có cơ hội tham gia, học tập và phát triển trong lớp học hòa nhập.

Hoạt động 3.2. Tìm hiểu về sử dụng phương pháp dạy học đặc thù (0,5 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành)

Học viên thảo luận trong nhóm

Tổ chức nhóm và câu hỏi thảo luận:

1. Chia lớp thành các nhóm 6 HV. Mỗi nhóm chọn 01 nhóm trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt (trẻ khuyết tật, trẻ chậm phát triển, trẻ em dân tộc cần tăng cường tiếng Việt, trẻ sức khỏe yếu thường xuyên nghỉ học) HV thảo luận nhóm:
2. Mô tả đặc điểm của nhóm trẻ đó và đề xuất các phương pháp dạy học để đáp ứng nhu cầu và khả năng của các em đó?

Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp

THÔNG TIN PHẢN HỒI

3.2. Sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù

Trên cơ sở thiết kế dạy học theo UDL, giáo viên sử dụng các phương pháp và kỹ thuật đặc thù để hỗ trợ những trẻ có nhu cầu cụ thể trong lớp học hòa nhập

3.2.1 Tăng cường Tiếng Việt

Tiếng Việt giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non, không chỉ là phương tiện giao tiếp mà còn là công cụ để trẻ học tập, tư duy và tham gia vào các hoạt động trong môi trường giáo dục.

Trong lớp mầm non hòa nhập, không chỉ trẻ em dân tộc thiểu số mà nhiều nhóm trẻ khác cũng có nhu cầu được tăng cường tiếng Việt như trẻ chậm nói hoặc chậm phát triển ngôn ngữ; trẻ rối loạn phổ tự kỷ; trẻ có khó khăn trong giao tiếp; trẻ ít được giao tiếp trong môi trường tiếng Việt hoặc có cơ hội sử dụng ngôn ngữ hạn chế trong gia đình. Những trẻ này thường gặp khó khăn trong việc hiểu hướng dẫn, diễn đạt nhu cầu và tham gia vào các hoạt động chung của lớp.

Việc tăng cường tiếng Việt cần hướng tới mục tiêu: mọi trẻ đều có phương tiện để hiểu và thể hiện nhu cầu, suy nghĩ, cảm xúc của mình, phù hợp với khả năng và mức độ

phát triển. Không chỉ dừng lại ở việc dạy từ vựng hay cấu trúc câu, mà cần giúp trẻ sử dụng ngôn ngữ như một công cụ giao tiếp trong đời sống hằng ngày.

Giáo viên cần tổ chức hoạt động theo hướng đa dạng cách học và cách giao tiếp: trẻ học qua bắt chước, qua làm, qua tương tác; được tham gia, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong nhóm. Không khí lớp học cần thân thiện, tạo sự an toàn để trẻ mạnh dạn giao tiếp.

Trong quá trình hướng dẫn, cần bảo đảm:

- Thu hút sự chú ý của trẻ trước khi giao nhiệm vụ;
- Hướng dẫn ngắn gọn, rõ ràng, theo từng bước; tránh đưa nhiều yêu cầu cùng lúc.
- Cá nhân hóa cách hướng dẫn (sử dụng thẻ tranh, ký hiệu, phân tích nhiệm vụ);
- Tạo cơ hội cho trẻ thực hành, phản hồi và lặp lại trong nhiều tình huống khác nhau.

Môi trường tăng cường Tiếng Việt cần được tổ chức trong cả hoạt động học và sinh hoạt hằng ngày:

- Tận dụng đồ dùng, vật thật, tranh ảnh, nguyên vật liệu sẵn có để tạo cơ hội cho trẻ quan sát, gọi tên, mô tả;

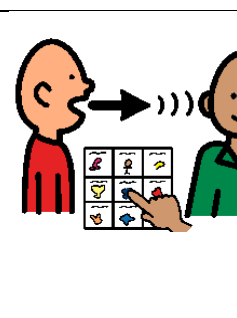
- Lòng ghép giao tiếp trong mọi hoạt động (ăn, chơi, vệ sinh, hoạt động ngoài trời...);

- Khuyến khích trẻ nói, diễn đạt theo khả năng; giáo viên đặt câu hỏi phù hợp, dành thời gian chờ và hỗ trợ khi cần thiết.

3.2.2. Giao tiếp tăng cường và thay thế (AAC)



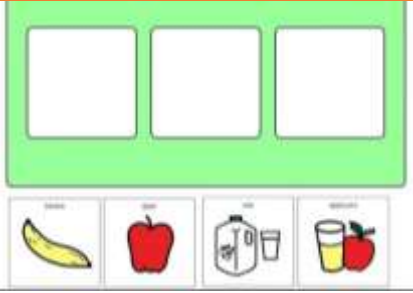
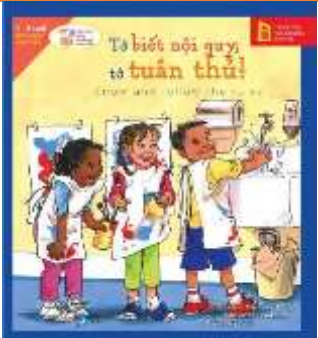
AAC là tập hợp các hệ thống và chiến lược được sử dụng để hỗ trợ giao tiếp cho những trẻ không sử dụng được ngôn ngữ lời nói hoặc gặp nhiều hạn chế trong việc sử dụng ngôn ngữ lời nói.

Giáo viên cần tạo cơ hội để trẻ sử dụng AAC trong các tình huống giao tiếp thực tế hằng ngày, thay vì chỉ sử dụng trong giờ học



Tại trường mầm non, giáo viên có thể lựa chọn và áp dụng một số chiến lược AAC sau để hỗ trợ hoặc hướng dẫn học sinh.

| | | | |
|-------------------------------|--|------------------------------|-------------------------------|
| <p>Kế hoạch bằng hình ảnh</p> | | <p>Bảng quy định hành vi</p> | <p>NỘI QUY LỚP HỌC</p> |
|-------------------------------|--|------------------------------|-------------------------------|

| | | | |
|----------------|---|--|---|
| Thời gian biểu |  | Hệ thống giao tiếp trao đổi qua hình ảnh |  |
| Bảng lựa chọn |  | Câu chuyện xã hội |  |

- ❖ Sử dụng AAC là luôn kết hợp hình ảnh với lời nói và tạo cơ hội cho trẻ chuyển dần từ giao tiếp không lời sang giao tiếp bằng lời.

VÍ DỤ AAC TRONG GIỜ ĂN

Trẻ chỉ vào hình "uống nước" để thể hiện nhu cầu. Giáo viên nói mẫu "Con muốn nước".



1 Trẻ chỉ vào hình "uống nước"
(Chỉ vào hình "uống nước")

2 Giáo viên nói mẫu
Con muốn nước.
Giáo viên vừa nói vừa chỉ vào hình "uống nước".

3 Trẻ nhận nước và lập lại (khi có khả năng)
Con muốn nước.
(Trẻ lập lại khi có khả năng)

- ❖ Giảm sử dụng AAC khi trẻ đã có khả năng sau: hiểu lời nói tốt hơn mà không cần hỗ trợ hình ảnh

3.2.3. Phân tích nhiệm vụ

Phân tích nhiệm vụ là việc chia một nhiệm vụ hoặc kỹ năng phức tạp thành các bước nhỏ, đơn giản hơn để trẻ dễ học và giáo viên dễ dạy. Các bước này được sắp xếp theo trình tự hợp lý, tạo thành một chuỗi hành vi hoàn chỉnh nhằm thực hiện trọn vẹn nhiệm vụ đó

Ví dụ thực tế: Kỹ năng đánh răng có thể được phân tích thành các bước: lấy bàn chải, mở nắp tuýp kem, bóp kem lên bàn chải, chải răng các mặt, súc miệng, rửa sạch bàn chải. Khi dạy, bước đầu có thể bắt đầu từ bước đơn giản nhất, ví dụ học cách mở nắp tuýp kem; khi trẻ làm được thì chuyển sang bước bóp kem lên bàn chải, rồi đến bước chải răng.



Cách triển khai:

- ❖ Liệt kê các bước cấu thành kỹ năng;
- ❖ Dạy từng bước phù hợp với khả năng trẻ.
- ❖ Có thể dạy theo trình tự hoặc bắt đầu từ bước cuối (nếu phù hợp);
- ❖ Theo dõi mức độ thực hiện của trẻ ở từng bước để tập trung hỗ trợ những bước còn khó khăn.

Lợi ích:

- Giúp đơn giản hóa kỹ năng phức tạp,
- Giúp giáo viên nhận diện điểm mạnh và khó khăn của trẻ ở từng bước,
- Tránh gây quá tải, trẻ học chắc từng phần của nhiệm vụ.

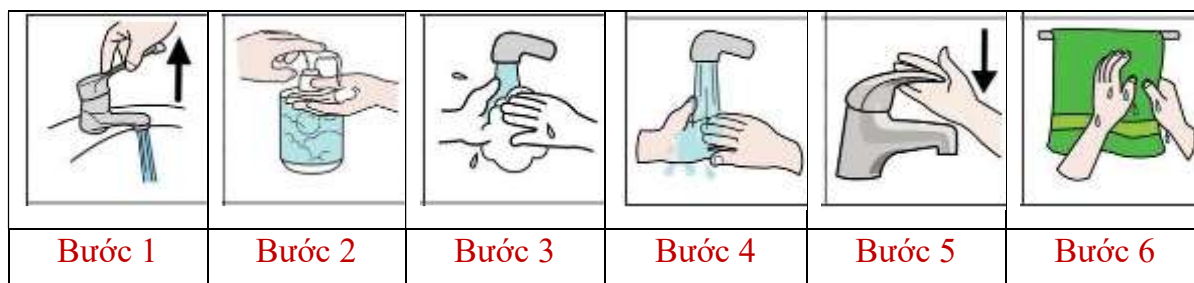
Lưu ý:

Các bước cần đủ chi tiết nhưng hợp lý và liên tục. Nên viết ra danh sách cụ thể, thực hiện thử và điều chỉnh theo từng trẻ.

3.2.4. Xâu chuỗi

Xâu chuỗi là kỹ thuật kết nối các bước đã được phân tích thành một chuỗi hành vi hoàn chỉnh để thực hiện trọn vẹn kỹ năng. Với kỹ năng rửa tay, giáo viên có thể dạy theo chuỗi xuôi (từ bước đầu đến cuối) hoặc chuỗi lùi (từ bước cuối về đầu).

- Dạy theo chuỗi xuôi là cách **dạy trẻ thực hiện các bước theo đúng thứ tự từ đầu → cuối**. Trẻ làm được bước nào thì giữ lại bước đó, sau đó tiếp tục học bước tiếp theo.



- Dạy theo chuỗi ngược là cách **dạy từ bước cuối cùng → lùi dần về bước đầu tiên**. Giáo viên hỗ trợ tất cả các bước trước, trẻ chỉ thực hiện bước cuối trước.

DẠY THEO CHUỖI NGƯỢC

Dạy từ bước cuối → lùi dần về bước đầu



So sánh giữa hai cách dạy chuỗi

| Tiêu chí | Chuỗi xuôi | Chuỗi ngược |
|---------------------|--------------------------|---------------------------|
| Trình tự dạy | Từ đầu → cuối | Từ cuối → đầu |
| Trải nghiệm của trẻ | Hiểu trình tự | Cảm nhận thành công nhanh |
| Phù hợp | Trẻ phát triển điển hình | Trẻ cần hỗ trợ nhiều |

3.2.5. Củng cố

Củng cố là việc khen thưởng hoặc tạo ra kết quả tích cực ngay sau khi trẻ thực hiện hành vi mong muốn, nhằm tăng khả năng hành vi đó được lặp lại.

Ví dụ thực tế:

Giáo viên khen và thưởng sao vào bảng thi đua khi trẻ xếp hàng ngay ngắn. Cha mẹ có thể cho con đọc thêm truyện khi con biết tự dọn đồ chơi.

Cách triển khai:

- + Xác định phần thưởng phù hợp với từng trẻ;
- + Thực hiện củng cố ngay sau hành vi mong muốn;
- + Ban đầu củng cố thường xuyên, sau đó giảm dần tần suất.



Lợi ích: Trẻ lặp lại hành vi tích cực, hình thành thói quen, tăng động lực và sự hợp tác.

Lưu ý: Không lạm dụng phần thưởng vật chất; cần đa dạng hình thức củng cố (lời khen, hoạt động yêu thích...) và từng bước chuyển sang động lực nội tại.

3.2.6. Nhắc nhở/gợi ý

Nhắc nhở (gợi ý) là các tín hiệu hoặc hỗ trợ giúp trẻ thực hiện hành vi mong muốn khi chưa thể tự làm độc lập.

Ví dụ thực tế: Có thể gợi ý thể chất (cầm tay chỉ dẫn), gợi ý bằng làm mẫu, gợi ý trực quan (hình ảnh, cử chỉ), gợi ý bằng lời. Khi dạy rửa tay, ban đầu giáo viên cầm tay trẻ thực hiện, sau đó dùng tranh minh họa, rồi chỉ cần nhắc bằng lời.



Cách triển khai:

- Lựa chọn mức gợi ý phù hợp với khả năng của trẻ;
- Kết hợp củng cố ngay khi trẻ thực hiện đúng;
- Điều chỉnh mức gợi ý theo tiến bộ của trẻ.
- Không sử dụng gợi ý quá mức cần thiết; cần thống nhất cách gợi ý giữa giáo viên và gia đình để tránh gây nhầm lẫn cho trẻ.

Làm mờ nhắc nhở/Gợi ý

Làm mờ gợi ý là quá trình giảm dần mức độ hỗ trợ để trẻ có thể tự thực hiện hành vi một cách độc lập.

Ví dụ thực tế: Khi dạy trẻ mặc áo, ban đầu hỗ trợ nhiều, sau đó chỉ ra hiệu bằng cử chỉ, tiếp đến chỉ nhắc bằng lời, cuối cùng trẻ tự mặc mà không cần trợ giúp.

Cách triển khai:

- Giảm dần cấp độ gợi ý (từ trực tiếp → gián tiếp);
- Tăng thời gian chờ trước khi đưa ra gợi ý;
- Theo dõi tiến bộ và điều chỉnh phù hợp.

Lợi ích: Giúp trẻ hình thành tính độc lập, tránh phụ thuộc vào hỗ trợ và tăng sự tự tin.

Lưu ý: Giảm hỗ trợ quá nhanh có thể khiến trẻ thất bại, quá chậm dễ gây phụ thuộc; cần phối hợp giữa nhà trường và gia đình để thống nhất mức hỗ trợ.

Hoạt động 3.3 (0,5 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành)

Học viên thảo luận trong nhóm:

Câu hỏi thảo luận

1. Liệt kê các hành vi có vấn đề/không phù hợp của trẻ trong lớp mầm giáo.
2. Đề xuất các giải pháp để giải quyết thực trạng đó?

Đại diện nhóm chia sẻ ý kiến với cả lớp

THÔNG TIN PHẢN HỒI

3.3 Hỗ trợ hành vi tích cực

Hỗ trợ hành vi tích cực là một mô hình tiếp cận mang tính hệ thống, nhằm tăng cường hành vi phù hợp và giảm thiểu hành vi thách thức trong môi trường học đường thông qua các biện pháp phòng ngừa, dạy hành vi xã hội và củng cố tích cực.

Các biện pháp hỗ trợ hành vi cần ưu tiên phòng ngừa, thiết lập môi trường rõ ràng, có quy tắc và dự đoán được để giảm khả năng xuất hiện hành vi chưa phù hợp.

Các cấp độ can thiệp trong PBIS

Hệ thống PBIS được thiết kế theo mô hình hỗ trợ đa tầng.

| | | |
|--------|---|--|
| Tầng 3 | Áp dụng cho khoảng 3 -5% học sinh có hành vi thách thức nghiêm trọng, thường xuyên và phức tạp, trong đó có nhiều trẻ rối loạn phổ tự kỉ hoặc khuyết tật trí tuệ. | |
| Tầng 2 | Dành cho khoảng 10 - 15% học sinh có nguy cơ cao, thường xuyên gặp khó khăn về hành vi hoặc chưa đáp ứng tốt với hỗ trợ phổ quát. | |
| Tầng 1 | Áp dụng cho toàn bộ học sinh trong trường | |

3.3.1. Củng cố hành vi tích cực

Củng cố hành vi tích cực là việc sử dụng lời khen, phần thưởng hay hệ thống phần thưởng quy đổi để khuyến khích trẻ lặp lại hành vi phù hợp

- *Lời khen cụ thể*: Giáo viên không chỉ nói “Giỏi lắm” mà cần khen đúng hành vi, ví dụ: “Cô rất vui vì em đã giơ tay trước khi phát biểu”.

- *Phần thưởng hữu hình*: Sticker, ngôi sao, điểm thưởng có thể tích lũy để đổi lấy phần thưởng lớn hơn.

- *Phần thưởng quy đổi*: Trẻ được trao phần thưởng nhỏ (thẻ, điểm, hình ảnh) khi thực hiện hành vi mong đợi; sau đó đổi phần thưởng nhỏ để lấy phần thưởng (thời gian chơi, đồ dùng học tập, hoạt động yêu thích).



3.3.2. Dạy kỹ năng thay thế hành vi không phù hợp

- Trẻ có thể xuất hiện hành vi chưa phù hợp (ví dụ: hét lên, đánh bạn) để đáp ứng một



nhu cầu nào đó (gọi là chức năng hành vi). Các chức năng hành vi thường gặp gồm: tìm kiếm sự chú ý, tránh né nhiệm vụ, tìm kiếm cảm giác hoặc đạt được điều mong muốn (như đồ vật, hoạt động yêu thích).. Giáo viên cần dạy học sinh hành vi thay thế phù hợp hơn nhưng vẫn đáp ứng nhu cầu đó.

- **Ví dụ minh họa:** Một học sinh khuyết tật trí tuệ thường rời chỗ khi cảm thấy mệt. Giáo viên dạy em sử dụng thẻ hình ảnh “nghỉ ngơi” để xin phép, và khen thưởng khi em sử dụng đúng thẻ thay vì tự ý rời khỏi chỗ.

Hoạt động 3.4. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân (0,5 tiết lý thuyết, 1 tiết thực hành)

1. Các học viên động não trả lời câu hỏi:
2. Những Thầy/cô nào đã tham gia vào việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân?
3. Kế hoạch đó được xây dựng cho ai?
4. Ai là người tham gia xây dựng?
5. Kế hoạch đó bao gồm những thành tố gì?

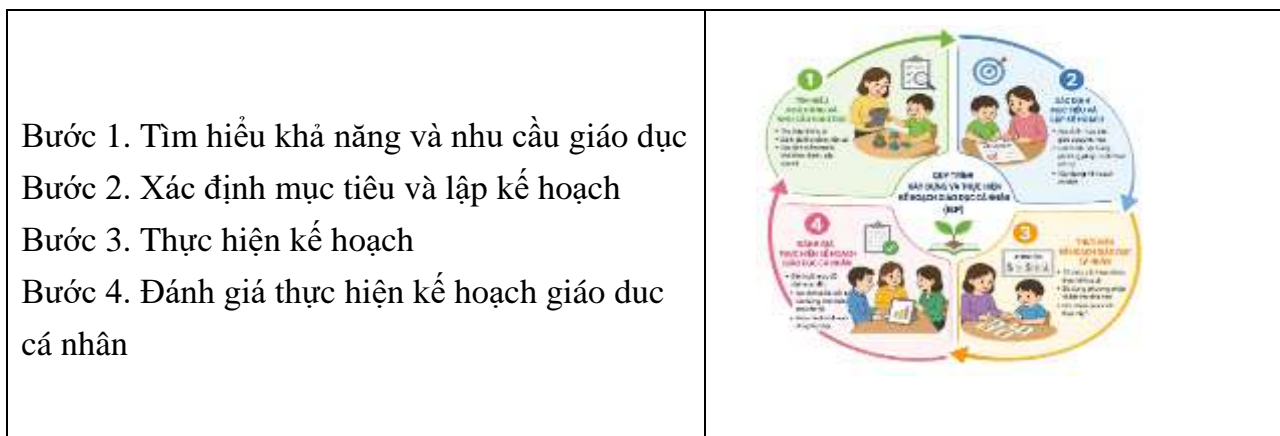
THÔNG TIN PHẢN HỒI

3.4. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân

Mỗi người khuyết tật học hòa nhập có kế hoạch giáo dục cá nhân¹. Kế hoạch giáo dục cá nhân là văn bản bao gồm các thông tin về: khả năng, nhu cầu; các đặc điểm cá nhân; mục tiêu năm học và mục tiêu học kỳ; thời gian, nội dung, biện pháp và người thực hiện; kết quả đánh giá và điều chỉnh sau đánh giá đối với người học.²



Kế hoạch này được xây dựng bởi giáo viên, phối hợp với viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (nếu có) và gia đình, dựa trên khả năng và nhu cầu của trẻ, chương trình giáo dục và kế hoạch dạy học của nhà trường, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của lớp học mầm non.

Quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân



¹ Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT

² Thông tư 20/2022/TT-BGDĐT

| | | |
|---|--|---|
| <p>Tìm hiểu khả năng và nhu cầu</p> | <p>Thu thập thông tin toàn diện về trẻ, bao gồm khả năng hiện tại, nhu cầu, điểm mạnh, khó khăn và các đặc điểm cá nhân liên quan đến học tập và sinh hoạt.</p> |  |
| <p>Xác định mục tiêu và kế hoạch giáo dục</p> | <p>Xác định mục tiêu và lập kế hoạch giáo dục cá nhân là quá trình lựa chọn mục tiêu phù hợp với khả năng hiện tại của trẻ và xây dựng các biện pháp dạy học cụ thể nhằm giúp trẻ đạt được các mục tiêu đó. Tổ chức hoạt động dạy học theo kế hoạch; linh hoạt điều chỉnh cách dạy, mức hỗ trợ và học liệu phù hợp với quá trình tham gia của trẻ.</p> |  |
| <p>Đánh giá thực hiện kế hoạch giáo dục</p> | <p>Là quá trình theo dõi mức độ đạt mục tiêu của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp và hiệu quả hơn. Lưu ý: Kế hoạch giáo dục cá nhân cần được điều chỉnh định kỳ dựa trên kết quả đánh giá và sự tiến bộ của trẻ.</p> | <p>Bước này tập trung vào trả lời 3 câu hỏi quan trọng: Trẻ có tiến bộ không? Tiến bộ đến mức nào so với mục tiêu? Cần thay đổi gì để dạy tốt hơn? Nội dung đánh giá tập trung vào: Mức độ đạt mục tiêu (đạt / chưa đạt / đạt một phần) Tốc độ tiến bộ của trẻ Khả năng duy trì kỹ năng Khả năng vận dụng vào thực tế Những khó khăn, rào cản Phương pháp đánh giá: Quan sát trực tiếp Ghi chép hằng ngày Sử dụng bảng kiểm, thang đo So sánh trước – sau Trao đổi với phụ huynh</p> |

Lưu ý:

Khi xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật giáo viên cần lưu ý một số điểm sau:

- Hệ thống kiến thức, kỹ năng cần được xây dựng theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, bắt đầu từ những nội dung gần gũi với trẻ;
- Nhiệm vụ cần được chia nhỏ thành các bước cụ thể và thực hiện từng bước. Tùy theo khả năng và nhu cầu của từng trẻ mà số lượng bước có thể nhiều hoặc ít, nhưng cần đảm bảo thực hiện theo trình tự để đạt mục tiêu;
- Thiết kế hoạt động trong nhiều môi trường khác nhau (trong lớp, ngoài trời, ở nhà...) nhằm tăng cơ hội luyện tập và nâng cao mức độ thành thạo kỹ năng cho trẻ;
- Sử dụng đồ dùng, phương tiện theo trình tự nhận thức: vật thật → mô hình → hình ảnh → ngôn ngữ → khái niệm;
- Xây dựng kế hoạch chuyển tiếp về thời gian, ví dụ giữa hai học kỳ hoặc giữa các cấp học, để đảm bảo sự liên tục trong quá trình phát triển của trẻ.

Hoạt động 3.5. Thực hành tổ chức hoạt động cho trẻ (0 tiết lý thuyết, 3 tiết thực hành)

Hoạt động thảo luận trong nhóm

Câu hỏi thảo luận nhóm:

1. Mỗi nhóm lựa chọn 1 trong 2 hoạt động sau: Hoạt động ăn uống và vệ sinh; Hoạt động chơi tự do.
2. Nhiệm vụ của nhóm: Dựa trên nội dung đã học, nhóm thiết kế cách tổ chức hoạt động cho trẻ trong lớp hòa nhập, bảo đảm mọi trẻ đều có thể tham gia.

Đại diện nhóm trình bày

THÔNG TIN PHẢN HỒI

3.5. Thực hành tổ chức hoạt động cho trẻ

3.5.1. Hoạt động ăn uống và vệ sinh

Hoạt động ăn uống và vệ sinh cần được tổ chức như một cơ hội giáo dục thường xuyên, giúp trẻ hình thành thói quen, kỹ năng tự phục vụ và tăng khả năng tham gia độc lập trong sinh hoạt hàng ngày.

Giáo viên cần thiết lập hệ thống chỉ dẫn trực quan (hình ảnh, ký hiệu) tại các khu vực như nhà vệ sinh, bồn rửa tay, bàn ăn để hướng dẫn trẻ thực hiện theo trình tự. Các chỉ dẫn cần đơn giản, rõ ràng, đặt ở vị trí dễ quan sát, giúp trẻ chủ động thực hiện, giảm phụ thuộc vào lời nhắc.

Trong quá trình tổ chức, cần lồng ghép phát triển kỹ năng cho trẻ thông qua các thao tác cụ thể:

- Kỹ năng vận động tinh (cầm thìa, xúc ăn, rửa tay, mặc/cởi đồ...);
- Kỹ năng giao tiếp (yêu cầu, lựa chọn, thể hiện nhu cầu);

- Kỹ năng nhận thức (nhận biết đồ dùng, trình tự hoạt động).

Giáo viên cần tổ chức hoạt động theo hướng phù hợp với khả năng của từng trẻ, cho phép trẻ thực hiện nhiệm vụ với các mức độ khác nhau; khuyến khích trẻ tự làm, hạn chế làm thay.

Việc hỗ trợ cần sử dụng hệ thống nhắc nhở phù hợp và giảm dần (từ hỗ trợ trực tiếp đến gợi ý bằng lời, hình ảnh...) giúp trẻ hoàn thành nhiệm vụ và từng bước đạt được tính độc lập.

Quá trình tổ chức cần bảo đảm an toàn, vệ sinh và nề nếp, đồng thời duy trì không khí nhẹ nhàng, tạo cảm giác thoải mái để trẻ tích cực tham gia.

Mục tiêu cuối cùng là giúp trẻ hình thành thói quen và thực hiện các hoạt động sinh hoạt một cách độc lập

3.5.2. Hoạt động chơi tự do

Hoạt động chơi tự do cần được tổ chức như môi trường quan trọng để phát triển kỹ năng xã hội, giao tiếp và năng lực cá nhân của trẻ, đặc biệt trong lớp học hòa nhập.

Giáo viên không chỉ quan sát mà cần chủ động tham gia với vai trò hỗ trợ, làm mẫu các hành vi phù hợp thông qua tương tác trực tiếp với trẻ. Việc tham gia cần linh hoạt, tôn trọng cách chơi của trẻ, không áp đặt.

Trong quá trình chơi, cần tập trung hỗ trợ các kỹ năng tương tác cốt lõi như: luân phiên, chia sẻ, giao tiếp bằng mắt, khởi xướng và duy trì giao tiếp. Giáo viên hướng dẫn, gợi ý phù hợp để trẻ từng bước tham gia cùng bạn.

Giáo viên cần quan sát, phát hiện sở thích của trẻ để lựa chọn đồ chơi, tình huống và cách tiếp cận phù hợp; từ đó lồng ghép mục tiêu phát triển ngôn ngữ, nhận thức và kỹ năng xã hội một cách tự nhiên, không gây áp lực.

Hoạt động chơi cần được tổ chức theo hướng mở, linh hoạt, phù hợp với nhiều mức độ, tạo điều kiện để mọi trẻ đều có thể tham gia, lựa chọn và thể hiện theo khả năng.

Chơi không chỉ là hoạt động giải trí mà còn là con đường chính để trẻ học và phát triển trong lứa tuổi mầm non. Vì vậy, các hoạt động cần được tổ chức gắn với mục tiêu trong kế hoạch giáo dục cá nhân của từng trẻ, nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa kế hoạch và thực hành.

CÂU HỎI CUỐI CHUYÊN ĐỀ

Câu 1. Trong lớp mầm non hòa nhập, vì sao giáo viên không thể dạy theo “một cách chung cho tất cả trẻ”?

- A. Vì chương trình học quá khó
- B. Vì trẻ có sự khác biệt về khả năng, nhu cầu và cách học
- C. Vì giáo viên thiếu kinh nghiệm
- D. Vì lớp học đông trẻ

Câu 2. Mục tiêu cốt lõi của tiếp cận UDL là gì?

- A. Dạy theo chương trình chuẩn cho tất cả trẻ
- B. Giảm yêu cầu học tập cho trẻ yếu
- C. Thiết kế dạy học linh hoạt để phù hợp với sự đa dạng của trẻ
- D. Tăng số lượng hoạt động trong lớp

Câu 3. Khi một trẻ gặp khó khăn trong việc hiểu yêu cầu, giáo viên nên làm gì trước tiên?

- A. Nhắc lại nhiều lần bằng lời
- B. Phạt để trẻ chú ý hơn
- C. Sử dụng hỗ trợ trực quan và hướng dẫn từng bước
- D. Bỏ qua trẻ

Câu 4. Phương pháp “phân tích nhiệm vụ” có ý nghĩa gì?

- A. Làm cho bài học phức tạp hơn
- B. Chia nhỏ kỹ năng thành các bước đơn giản để trẻ dễ thực hiện
- C. Tăng tốc độ học của trẻ
- D. Giảm thời gian dạy học

Câu 5. Khi sử dụng AAC (giao tiếp tăng cường và thay thế), nguyên tắc quan trọng là gì?

- A. Chỉ sử dụng hình ảnh, không cần lời nói
- B. Sử dụng riêng trong giờ học
- C. Kết hợp hình ảnh với lời nói và tạo cơ hội giao tiếp thực tế
- D. Chỉ dùng cho trẻ không nói được

Câu 6. củng cố hành vi tích cực có tác dụng gì?

- A. Giảm thời gian dạy học
- B. Giúp trẻ tránh bị phạt
- C. Tăng khả năng hành vi phù hợp được lặp lại
- D. Làm trẻ phụ thuộc vào phần thưởng

Câu 7. Khi hỗ trợ trẻ, giáo viên cần thực hiện nguyên tắc nào sau đây?

- A. Hỗ trợ càng nhiều càng tốt

- B. Không hỗ trợ để trẻ tự làm
- C. Hỗ trợ phù hợp và giảm dần theo tiến bộ của trẻ
- D. Chỉ hỗ trợ bằng lời nói

Câu 8. Trong mô hình hỗ trợ hành vi tích cực (PBIS), ưu tiên quan trọng nhất là gì?

- A. Xử lý hành vi khi xảy ra
- B. Phòng ngừa và dạy hành vi phù hợp
- C. Phạt hành vi sai
- D. Tách trẻ ra khỏi lớp

Câu 9. Kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) có vai trò gì?

- A. Thay thế chương trình học
- B. Là kế hoạch chung cho tất cả trẻ
- C. Xác định mục tiêu và biện pháp phù hợp với từng trẻ
- D. Chỉ dùng để đánh giá cuối kỳ

Câu 10. Trong hoạt động ăn uống, vệ sinh và chơi tự do, mục tiêu quan trọng nhất là gì?

- A. Hoàn thành nhanh hoạt động
- B. Trẻ làm theo hướng dẫn của giáo viên
- C. Phát triển kỹ năng và tăng tính độc lập cho trẻ
- D. Giữ lớp học trật tự

PHỤ LỤC
BẢNG KIỂM ĐẢM BẢO BÌNH ĐẲNG VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT TRONG
TRƯỜNG MẦM NON HÒA NHẬP

| STT | Khu vực / Đối tượng | Câu hỏi đánh giá (Đạt / Chưa đạt) | Ghi chú điều chỉnh |
|------------|----------------------------|---|---------------------------|
| I | TIẾP CẬN KHÔNG GIAN | | |
| 1 | Lối đi chung | Hành lang, lối vào lớp có bằng phẳng, không trơn trượt, không mấp mô, đủ rộng cho trẻ dùng khung tập đi/xe lăn không? | |
| 2 | Các bậc thềm | Những nơi có bậc tam cấp đã được lắp thêm đường dốc (ram dốc) hoặc tay vịn chưa? | |
| 3 | Cửa ra vào | Tay nắm cửa có vừa tầm tay trẻ không? Cửa có quá nặng để trẻ tự mở không? | |
| 4 | Biển báo | Hệ thống biển báo, chỉ dẫn rõ ràng, sử dụng hình ảnh minh họa hoặc chữ nổi (nếu cần | |
| 5 | Hành lang | Hành lang đủ rộng (tối thiểu 1.2m - 1.5m) để xe lăn di chuyển dễ dàng. | |
| 6 | Tay vịn | Có tay vịn dọc hành lang và các bậc thang ở độ cao phù hợp với tầm tay trẻ em. | |
| II | KHÔNG GIAN LỚP HỌC | | |
| 7 | Kệ đồ chơi / Giá sách | Đồ chơi được bày ở độ cao mà tất cả trẻ (kể cả trẻ ngồi sà sàn hoặc xe lăn) đều tự lấy và cất được dễ dàng không? | |
| 8 | Các góc chơi | Diện tích các góc (Góc gia đình, Góc xây dựng...) có đủ rộng để tất cả trẻ cùng vào chơi một lúc không? | |

| | | | |
|------------|-------------------------------|--|--|
| 9 | Góc thư giãn | Có góc "yên tĩnh" hoặc không gian hỗ trợ đa năng cho trẻ cần giải tỏa áp lực tâm lý. | |
| 10 | Ánh sáng & Tiếng ồn | Lớp có đủ ánh sáng (cho trẻ nhìn kém) và giảm thiểu tiếng ồn vọng (cho trẻ dùng máy trợ thính) không? | |
| 11 | Lối đi giữa các góc hoạt động | Lối đi giữa các góc hoạt động đủ rộng, không có vật cản dưới sàn gây vấp ngã. | |
| 12 | Đồ nội thất linh hoạt | Đồ nội thất (bàn, ghế, giá kệ) có thể điều chỉnh độ cao hoặc phù hợp với nhiều thể trạng trẻ khác nhau. | |
| III | SINH HOẠT VỆ SINH | | |
| 13 | Nhà vệ sinh chung | Có bồn cầu thấp hoặc tay vịn hỗ trợ trẻ khó khăn vận động sử dụng chung phòng không? Sàn nhà chống trơn trượt tuyệt đối không? | |
| 14 | Khu vực rửa tay | Bồn rửa có độ cao phù hợp với mọi trẻ trong lớp không? | |
| 15 | Vòi xả nước | Các nút bấm xả nước, vòi nước thiết kế dễ sử dụng (dạng gạt hoặc cảm ứng). | |
| 16 | Tủ đồ cá nhân | Tủ để ba lô, giày dép của trẻ có nhu cầu đặc biệt có được đặt ở vị trí dễ tiếp cận nhất không? | |
| IV | HỌC LIỆU & ĐỒ CHƠI | | |
| 17 | Tính đa dạng đồ chơi | Đồ chơi có đủ các loại, đa dạng về chất liệu (to, nhỏ, có âm thanh, có bề mặt sần...) để kích thích giác quan và mọi trẻ cùng chơi được không? | |

| | | | |
|----------|----------------------------|---|--|
| 18 | Đồ dùng học tập | Bút sáp màu, kéo, băng... có các phiên bản hỗ trợ (ví dụ: kéo có lò xo, bút to dễ cầm) cho trẻ yếu cơ tay không? | |
| 19 | Thiết bị đặc thù | Có các thiết bị hỗ trợ đặc thù (máy trợ thính, sách chữ nổi, phần mềm hỗ trợ giao tiếp) nếu có trẻ khiếm thính/khiếm thị. | |
| V | SÂN CHƠI NGOÀI TRỜI | | |
| 20 | Thiết bị vận động | Các thiết bị (cầu trượt, xích đu) có chỗ hỗ trợ an toàn để trẻ khuyết tật cùng chơi với bạn không? | |
| 21 | Bề mặt sân chơi | Bề mặt sân chơi sử dụng vật liệu giảm chấn (cao su, cỏ nhân tạo) để đảm bảo an toàn khi ngã. | |
| 22 | Khu vực chơi | Có các khu vực trò chơi vận động xen kẽ trò chơi tĩnh dưới bóng mát cây xanh. | |

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non (2018), *Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non*, NXB GD
2. Tài liệu hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non (2018), *Hướng dẫn thực hiện chế độ sinh hoạt trong các cơ sở giáo dục mầm non*, NXB GD
3. Nguyễn Thị Kim Hoa, Vũ Huyền Trinh, Lê Thị Thuý Hằng, Hoàng Thị Nho, Vũ Thị Huyền Trang (2021), Tài liệu hướng dẫn của Bộ GD và ĐT - *Hướng dẫn tổ chức giáo dục hòa nhập trong cơ sở GDMN*, NXBGD
4. Lã Thị Bắc Lý, Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho, (2023), *Giáo dục hòa nhập ở trường mầm non*, Sách giáo trình, NXBGD
5. Nguyễn Bá Minh (Chủ biên) (2020), *Tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non của Bộ giáo dục và Đào tạo, Hướng dẫn đánh giá sự phát triển của trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non, (Dành cho cán bộ quản lý, GV mầm non)*, NXBGD
6. Trần Thị Ngọc Trâm, Hoàng Thị Dinh, Hoàng Thị Nho, Cao Thị Hồng Nhung, Đinh Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Hà (2021), *Tài liệu của Bộ giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn đánh giá thực hiện Chương trình trong cơ sở Giáo dục mầm non, (Dành cho cán bộ quản lý, GV mầm non)*, NXBGD
7. Trịnh Thị Xim (chủ biên 2017), *Quan sát trẻ mầm non*, NXB GD
8. VVOB (2020), *Thực hành quan sát trẻ theo quá trình trong cơ sở giáo dục mầm non*, Tài liệu hướng dẫn (Bộ GD ĐT)

